

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Trung thu
ngày ấy

Tr. 46

Trẻ trung
vui đùa

Tr. 18

Vào lớp một

Tr. 42



Đêm hội Trung thu 2014

Ngày 24/8/2014: Ngày hội tình nguyện làm 1.500 lồng đèn trao tặng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Phát động tham gia cuộc thi vẽ tranh với chủ đề "Trăng trên biển đảo quê hương".

Ngày 29/8/2014: Tặng quà cho bệnh nhi tại Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian: ngày 07/9/2014 (nhằm ngày 14/8 Âm lịch)

Từ 13g00 - 16g00: Tổ chức các hoạt động vui chơi, phá cỗ, rước đèn, phát quà Trung thu cho các em có hoàn cảnh đặc biệt.

Từ 17g00 - 18g30 Truyền hình trực tiếp trên kênh **HTV9**
Chương trình văn nghệ Mai ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2014.

Địa điểm: Trung tâm cơ nhạc lan Anh,
291 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

THƯƠNG HIỆU BÔNG HÀNH



TÔN HOA SEN
Mai ấm gia đình Việt



• www.facebook.com/maiangiadinhviet.tonhoasen • www.hoasengroup.vn

ĐƠN VỊ HỖ TRỢ



VOH



nexus

NutiFood

GOLDEN

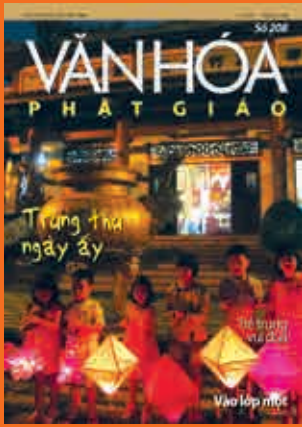


New Vision



MisaM





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

| | |
|--|----|
| Sương mai | 3 |
| Thư gửi học trò ngày khai trường (Nguyễn Cần) | 4 |
| Hạt của Chúa & chúng tử Phật (Nhụy Nguyễn) | 7 |
| Nói một đàng viết một nẻo (Hồ Anh Thái) | 12 |
| Đập tắt mỗi lửa bên trong (Nguyễn Hỷ) | 14 |
| Trẻ trung vui đùa (Nguyễn Thế Đăng) | 18 |
| Chiêm nghiệm về bảy điều kiện thịnh suy Phật dạy (Phan Minh Hiền) | 20 |
| Thiền định Shamatha: Luyện Tâm (Sakyong Mipham Rinpoche Nguyễn Văn Nghệ dịch) | 22 |
| Thầy và trò, ngày ấy - bây giờ (Võ Tấn Khanh) | 24 |
| Câu chuyện ở quán cà-phê vỉa hè... (Nguyễn Trí Cảm) | 27 |
| "Thôi kệ" (Hoàng Tá Thích) | 30 |
| Kẻ vô hình (Nguyễn Trọng Hoạt) | 32 |
| "Mới hôm qua thôi" (Đỗ Hồng Ngọc) | 34 |
| Đến với vùng tam biên (Nguyễn Thánh Ngã) | 35 |
| Lễ tang và nghi thức hỏa táng của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long (Thạch Ba Xuyên) | 38 |
| Cơm hến (Cao Huy Hóa) | 40 |
| Vào lớp một (Nguyễn Văn Ưông) | 42 |
| Nét riêng của Tết Trung thu xứ Huế (Nguyễn Văn Toàn) | 44 |
| Trung thu ngày ấy (Hùng Cường) | 46 |
| Cái sàng, cái nong ... (Lam Hồng) | 48 |
| Nồng nàn tro bếp (Trúc Chi) | 49 |
| Thơ (Phan Thành Minh, Nguyễn Đông Nhật, Vĩnh Hiền, Nguyễn Dũng, Trà Kim Long, Kim Hoa) | 50 |
| Người thổi tù và (Triệu Mỹ Ngọc) | 52 |
| Vàng trắng trong thơ chữ Hán Nguyễn Du (Phạm Tuấn Vũ) | 55 |
| Cái "vô" trong tranh thủy mặc (Huệ Viên) | 59 |
| Lời cảm ơn cuộc sống | 61 |

Bìa 1: Vui Trung thu. Ảnh: Đỗ Văn Thúc



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,


Khi số báo này đến tay quý độc giả thì chỉ còn vài ba ngày nữa là ngày Rằm tháng Tám. Ngày rằm, ngày trăng tròn, rất có ý nghĩa đối với người phương Đông nói chung và người theo đạo Phật nói riêng. Trăng tròn biểu hiện cho sự viên mãn, tròn đầy, hạnh phúc... Đặc biệt, đối với trẻ em vùng châu Á, ngày trăng tròn tháng Tám là một ngày Tết lớn, Tết Trung thu. Theo ý nghĩa truyền thống, Tết Trung thu là ngày sum họp, vui chơi; ngày các trẻ em trong từng địa phương tập hợp lại với nhau nhận quà, phá cỗ do người lớn tổ chức để mừng các em trưởng thành, rồi rủ nhau rước đèn đón trăng lên. Trong truyền thống người Việt, Tết Trung thu được coi là Tết Thiếu nhi.

Phát hành trong mùa Tết Trung thu, Văn Hóa Phật Giáo mong được chia sẻ sự quan tâm của quý độc giả đối với tất cả trẻ em. Mong sao, mọi trẻ em, dù được sống trong sự yêu thương chăm sóc của gia đình bên cạnh cha mẹ ông bà và người thân; hay thiếu may mắn, hoặc phải tự bươn chải kiếm ăn, hoặc phải chấp nhận sự đùm bọc của xã hội trong các nhà mở... , kể cả những trẻ em do điều kiện sức khỏe không thể hòa nhập được với sinh hoạt vui chơi của bạn bè cùng lứa... đều có được niềm vui trong ngày này, vẫn được mệnh danh là ngày Tết dành cho các em.

Cùng với quý vị, VHPG tin tưởng rằng trong một tương lai không xa, trẻ em không chỉ có niềm vui trong ngày Tết Trung thu, mà ngày nào đối với các em cũng là một ngày Tết, theo ý nghĩa các em luôn có được sự quan tâm chăm sóc một cách thiết thực của toàn xã hội dựa trên lợi ích của chính các em, chứ không phải chỉ là đối tượng khai thác của người lớn.

Trong niềm tin ấy, VHPG kính gửi đến toàn thể quý độc giả lời chúc mừng an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Những gì bậc Đạo sư phải làm
vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử,
những việc ấy Ta đã làm.**

Trung Bộ - Kinh Đoạn giảm



Thư gửi học trò ngày khai trường

NGUYỄN CẢN

Ngân Quỳnh thân mến,
 Nhận thư em đã lâu, mãi đến hôm nay mới có chút thời gian hỏi thăm và tâm sự về những băn khoăn em nêu trong thư. Em lại kể về những bất cập trong giáo dục, những điều mà cả nước này không cần làm nghề giáo cũng biết, từ chuyện thi tốt nghiệp phổ thông, bao nhiêu công sức của cả thầy lẫn trò, mà kết quả năm nào cũng gần 100% thì thi làm gì tốn hàng trăm tỷ, cho đến chuyện môn ngoại ngữ được xem là môn "tự chọn". Đáng buồn thay! Đất nước đang đi vào hội nhập thế giới mà chiếc chìa khóa ngoại ngữ lại bị "ghế lạnh" đến như vậy! Nhưng có một chuyện em hết sức

bức xúc, đang gây xôn xao dư luận: đó là giáo viên Anh văn phải đi thi chuẩn châu Âu. Em kể trong thư, đã hơn 30 năm kể từ khi tốt nghiệp trường Sư phạm, cũng sắp đến lúc về hưu rồi, thì bây giờ lại khệ nệ khăn gói đi thi để được "kiểm tra" trình độ. Thấy hơi ngạc nhiên tự hỏi: Phải chăng người ta hoài nghi, không tin vào chất lượng sản phẩm do chính mình tự tạo? Chẳng khác nào ông nông dân trồng táo ở Ninh Thuận, đem ra chợ bán thì ông chủ chợ bảo táo Mỹ màu đỏ, trái to mới là táo: còn sản phẩm của anh không phải là táo, đi về trồng lại cho ra quả táo giống của Mỹ thì tôi mới mua! Ông có biết quy trình trồng lại, tìm giống mới, chăm bón mất bao lâu không, thưa ngài chủ chợ? Thế đấy,



Nguồn: baodanang.vn

đất nước này đã mất công tranh luận về hệ thống đào tạo hàng mấy thập kỷ, tìm cho ra phương pháp được nghĩ là tối ưu, để hôm nay chính mình lại từ chối sản phẩm do quy trình sản xuất của mình?

Để tìm hiểu thêm, thầy mở lại những trang báo gần đây thì quả thực, có những thông tin không lạc quan gì, không chỉ ở nơi em đang phục vụ mà còn ở những tỉnh thành khác của cả nước, cụ thể: “*Tại Đồng Tháp, kết quả khảo sát năm 2012 cho thấy toàn tỉnh có 1.187 giáo viên dạy tiếng Anh từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Ở cấp tiểu học có 399 giáo viên nhưng không có giáo viên nào đạt chuẩn B2 theo quy định. Còn cấp trung học cơ sở có 591 giáo viên nhưng chỉ bốn giáo viên đạt chuẩn. Riêng cấp trung học phổ thông có 297 giáo viên nhưng chỉ 12 giáo viên đạt chuẩn.*”

Đến năm 2013, Sở Giáo dục-Đào tạo Đồng Tháp tiếp tục đưa 819 giáo viên đi học bồi dưỡng, kết quả tuy có khá hơn nhưng nhìn chung vẫn còn khá khiêm tốn. Cụ thể, chỉ có 56 giáo viên cấp tiểu học và THCS đạt chuẩn B2 và 14 giáo viên THPT đạt chuẩn C1 (bảy giáo viên đạt chuẩn là do đi học tự túc). Trong lần thi này, Trung tâm AMA lại “đội sổ” tiếp khi có 335 giáo viên cấp tiểu học và THCS theo học nhưng kết quả... không có giáo viên nào đạt chuẩn B2.

Như vậy, trong hai kỳ thi của năm 2012 và 2013, có tổng cộng 1.581 lượt giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng. Nếu trừ đi con số 163 giáo viên đi học theo diện cá nhân thì ngân sách đã bỏ ra đến 14 tỉ đồng (trung bình mỗi giáo viên 10 triệu đồng)”.

... “Hiện nay cũng có một số giáo viên đang có dự định học từ xa môn khác để “trốn” môn tiếng Anh, chuyển sang dạy môn khác... Cô N.T.L. - một trong những giáo viên dạy THPT tại huyện Hồng Ngự, đã thi ba lần chưa đậu - lo lắng: “Để đạt chuẩn C1 rất khó. Tôi đang lo năm nay không đạt chuẩn nữa thì không biết lấy tiền đâu để học và không biết có bị điều chuyển công tác khác, không được đứng lớp nữa hay không?”. Trần trở của cô L. cũng là vấn đề làm đau đầu hàng trăm giáo viên tiếng Anh tại Đồng Tháp hiện nay (Báo Tuổi Trẻ 24/7/2014).

Tình trạng hoảng loạn không chỉ ở Đồng Tháp mà ở khắp nơi, không chỉ bậc trung học mà cả ở đại học. Nhiều trường cũng đang ép giáo viên từ già đến trẻ, dưới 55 phải thi! Em có biết khung trình độ châu Âu là gì không? Khung Trình độ chung châu Âu hay CEFR, viết tắt của dòng chữ Common European Framework for Reference, được phát triển bởi Hội đồng Châu Âu, nhằm cung cấp một cơ sở chung trong việc thiết kế giáo trình, giới thiệu chương trình giảng dạy, thi cử, sách giáo khoa... trên toàn châu Âu. Khung trình độ chung châu Âu mô tả năng lực của người học dựa trên sáu mức trình độ cụ thể: A1, A2, B1, B2, C1 và C2. Thử nhìn lại, đất nước này đang dạy và học ra sao mà dùng một cái, “lừa” tất cả thầy cô đi thi chỉ để hiểu rằng chất lượng đào tạo ngoại ngữ của cả hệ thống trong thời gian qua về phương diện thực hành là thất bại, hay nói thẳng ra là thảm họa! Lỗi tại ai? Chắc chắn không chỉ do người học khi họ là những sản phẩm lỗi, vì họ được sản xuất từ một hệ thống “lỗi”. Nhìn lại bậc trung học, học sinh Việt Nam bắt đầu học tiếng Anh từ những năm phổ thông rồi theo học tiếp trong suốt bốn, năm năm đại học, cao đẳng, thế nhưng một điều không khó để nhận ra đó là rất nhiều sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp vẫn chưa sẵn sàng hoặc không thể giao tiếp bằng ngoại ngữ và làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài. Vì sao? Đã có lần thầy nói với em rằng cách học và dạy ngoại ngữ như hiện nay thì tiếng nào, dù là Pháp ngữ hay tiếng Khmer, cũng không nói được vì nó quá “từ chương” theo kiểu lạc hậu. Theo cách học lâu nay, học sinh khi đến lớp sẽ được giáo viên truyền đạt cho một khối lượng kiến thức của buổi học hôm đó và tiếp theo, để có thể hiểu và nhớ được bài ở trên lớp, học sinh sẽ tự thực hành và ôn luyện bằng cách làm bài tập về nhà. Với cách học truyền thống kiểu thụ động như thế, học sinh sinh viên chỉ có thể tiếp thu được một phần kiến thức cũng như khó có thể luyện tập để phát triển các kỹ năng tiếng Anh – điều vốn được xem là tối quan trọng trong việc học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Nó còn kém hiệu quả hơn so với

cả thời cha ông học tiếng Pháp ngày xưa chứ đừng nói tới hệ giáo dục phổ thông miền Nam trước đây. Nên nhớ rằng lúc đó học sinh phải học cả hai sinh ngữ, Anh Pháp hoặc Đức ngữ chứ không phải là môn “tự chọn” để thi, và riêng tiếng Anh, chứng chỉ Proficiency của Hội Việt Mỹ hay Đại học Michigan hồi đó cũng tương đương TOEFL 80 hoặc IELTS 7.0 hay hơn nữa hiện nay.

Bàn về việc này, Tiến sĩ Vũ Thị Phương Anh nhận định rằng nguyên nhân chủ yếu của hiệu quả giảng dạy môn tiếng Anh bậc đại học chưa cao tại Việt Nam là do sự thiếu đồng bộ trong các khâu thiết kế chương trình, lựa chọn giáo trình, và đánh giá năng lực đầu ra. Bà cho rằng có sự bất cập trong việc xác định mục tiêu và thiết kế chương trình đào tạo bậc đại học. Chương trình đào tạo của hầu hết các trường đại học hiện nay được thiết kế thành hai giai đoạn: tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành... chưa chú trọng đến hai lãnh vực không kém quan trọng đối với nhu cầu của người học ở bậc đại học là lãnh vực công cộng (sử dụng tiếng Anh ở tại công sở và những nơi công cộng) và lãnh vực hàn lâm (sử dụng tiếng Anh trong môi trường học thuật). Bên cạnh đó, các mức trình độ đầu vào và đầu ra của sinh viên trước và sau khi tham gia quá trình đào tạo vẫn chưa được xác định rõ ràng, cũng không có quy định về mức trình độ cần có để bắt đầu việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành, hoặc mức tăng trưởng cần thiết cho một khối lượng thời gian nhất định (chẳng hạn, sau thời gian học ở đại học người học phải tăng tối thiểu 1-2 điểm trong thang điểm 9 của IELTS). Đây chính là nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả giảng dạy, do không có những mức chuẩn để xác định trình độ và theo dõi sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình đào tạo. Còn về các trường sư phạm thì đã bao lâu rồi chúng ta cứ dựa theo “đường xưa lối cũ” từ thời kháng chiến theo đó mà rập khuôn. Nhưng bất chợt một ngày ta nhận ra quả táo của ta bé quá, đèo đuột quá và ta phủ nhận nó. Chúng ta đi từ thái cực này sang thái cực nọ, từ bất cập này sang bất cập nọ. Thử hỏi chúng ta sẽ cần bao nhiêu tiền để luyện thi cho các giáo viên? Và chúng ta có tính đến lòng tự trọng của bao nhiêu con người bị xúc phạm khi xã hội nhìn họ, phụ huynh, học sinh nhìn họ với ánh mắt hoài nghi về năng lực chuyên môn. Trong khi chúng ta thừa biết chỉ bốn kỹ năng thì không thể làm nên ông thầy được. Trên ghế nhà trường, họ còn học về ngữ âm, về đất nước học, văn hóa Anh Mỹ, về giáo học pháp...

Cũng tương tự như huấn luyện võ sĩ, lâu nay chỉ dạy họ múa quyền thì bây giờ buộc họ phải thi đấu, phải thượng đài thì làm sao họ xoay sở được. Bao nhiêu trường đại học, cao đẳng có giáo trình hiện đại, có giáo sư người bản xứ? Chương trình thì như phân tích bên trên đây những điều bất cập. Người ta đang vô tình hay cố ý sỉ nhục chính hệ thống đào tạo của mình!

Muốn thay đổi cả hệ thống đòi hỏi thời gian, một thể hệ hay một thập kỷ chứ không thể một sớm một chiều. Không riêng gì môn Anh văn mà môn nào cũng vậy. Giáo sư Ngô Bảo Châu nhận định chúng ta đang làm ngược quy trình so với thế giới nhiều thứ, nhất là ở bậc giáo dục đại học. Ông khẳng định: “Vấn đề của giáo dục Việt Nam là giáo dục đại học chứ không phải ở giáo dục phổ thông. Tất nhiên phổ thông cũng có vô vàn vấn đề và những ai liên quan đều có cảm giác bất an. Nhưng đứng trên tầm quốc gia mà nhìn nhận thì giáo dục đại học mới là mảng cần nhiều sự thay đổi hơn”.

Cảm giác bất an ấy không chỉ riêng ông mà rất nhiều người trong chúng ta cũng thấy. Không chỉ chuyện ngoại ngữ. Chuyện các trường dân lập hay tư thực đào tạo những sinh viên tốt nghiệp ra trường đi xin việc bị từ chối. Chuyện hội đồng quản trị trường đại học đòi chỉ tiêu cổ tức phải là 30% rồi đấu đá giành ghế... Thấy hiểu nền giáo dục của đất nước này còn nhiều, quá nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhưng phải bình tâm giải quyết từng việc một. Chúng ta đang đối diện một cuộn chỉ rối, phải gỡ từng mối ra, làm trong tâm thức bình an vì có hốt hoảng cũng không làm nhanh hơn được, nếu không muốn nói lại càng rối. Nói theo nhà Phật, giáo dục phải tùy theo tình trạng tâm thể và năng lực của người học, phải khế lý khế cơ. Một ông thầy thuốc trước khi cho thuốc phải chẩn mạch, phải biết được tình trạng cơ thể của người bệnh. Đưa ra một chủ trương lớn, buộc hàng ngàn giáo viên đi thi mà không cần biết (hay thừa biết) họ sẽ không đạt vì mình chưa bao giờ huấn luyện hay đào tạo họ theo phương pháp đó thì chỉ là một quyết định thiếu sáng suốt, gây hại nhiều hơn. Tại sao không đổi phương pháp, giáo trình trước, tái đào tạo họ từng bước, từng phần, trong nhiều năm (ít nhất cũng phải có thời hạn 5 năm) để họ bắt kịp với yêu cầu mới. Chừng đó ai không đủ năng lực có thể trau dồi thêm một thời hạn nhất định trước khi đào thải, nếu thực sự họ quá yếu! Đức Phật là một bậc giảng sư vĩ đại nên Ngài từng khuyên rằng một bài giảng, một câu nói phù hợp với Chánh pháp thì đồng thời phải phù hợp với căn cơ của người nghe. Nếu không phù hợp căn cơ của người nghe, nếu không giúp tháo gỡ được cho người đó, nếu không đem lại lợi ích, thì chưa hẳn đó đã là Chánh pháp. Một chủ trương đúng phải đem lại hiệu quả trong thực tế, nếu không sẽ chỉ gây nhiều loạn trong tâm hồn người phải thực hiện, và rộng hơn, ảnh hưởng tiêu cực lên toàn bộ hệ thống và không đem lại lợi ích cho cá nhân cũng như tập thể.

Chuyện đã đến nước này thì thầy chỉ biết khuyên em chấp nhận và cố gắng vượt qua kỳ thi đầy bất trắc... trước thềm năm học mới mà sự chuẩn bị ít nhiều bị ảnh hưởng vì lo lắng cho kỳ thi nhằm đạt chuẩn châu Âu.

Chúc em may mắn!

Thầy. ■

Hạt của Chúa & chủng tử Phật

NHỤY NGUYỄN

Vũ trụ và con người hình thành thế nào, tương lai ra sao, là các câu hỏi chưa bao giờ được xếp lại. Vật lý lượng tử là ngành khoa học tiên phong mở hướng nhìn ra ngoài thế giới; nhiều định luật đúc rút từ những công trình khám phá vũ trụ đã làm thay đổi nhận thức về vạn vật. Dẫu rất nông cạn, song tiếp cận với nhiều thành quả khoa học công bố mới nhất, chúng tôi thấy chúng rất gần với kinh điển Phật giáo. Nhà bác học Albert Einstein từng nói: “Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học”. Chân lý tương đối thì nhiều, chân lý tối thượng chỉ có một. Đó là điều mà khoa học hiện đại đang hướng đến.

Nguyên văn câu trong kinh *Hoa Nghiêm*: “Ứng quán Pháp-giới tánh, Nhất thiết duy tâm tạo”. Nghĩa là: Nên quán tánh của pháp giới, *tất cả do tâm tạo*. Diễn rộng [để khỏi hiểu nhầm]: Tâm này không chỉ là tâm tình, tâm tưởng... mà là bản thể của vũ trụ, như ngôn ngữ của các nhà vật lý lượng tử gọi: Trường Thống Nhất, Trường Siêu Dây, Trường Hợp Nhất. Đã gần một thế kỷ, Max Plank (Nobel vật lý 1918 - thầy của A. Einstein) từng phát hiện:

“Vũ trụ này vốn không có cái gọi là vật chất, vật chất thật ra là hiện tượng do ý niệm tích lũy tạo thành”. Ngày nay đồng nghiệp của ông đã chứng minh một cách thuyết phục, nó trái ngược với lối suy nghĩ nhìn nhận thông thường: “Trong phần lớn vũ trụ, kể cả vật chất, là rỗng không” (Stuart Hameroff). Tuy nhiên khoa học lượng tử mới phát hiện vũ trụ ảo do *vọng tâm* (a-lại-da biến hiện), còn cách khoảng rất xa với *chân tâm* của Phật giáo. Khoa học đã chứng nghiệm bên trong cục sắt đặc vẫn có khoảng trống để các hạt dao động không ngừng. Nếu ta chế cục sắt đó ra, ra mãi, sẽ tạo nên các loại hạt như proton, neutron, electron, hạt quark, *hạt của Chúa* (Hạt Higgs, được tìm thấy vào tháng 3 năm 2013). Gần ba ngàn năm trước, Đức Phật đã thấu suốt những “tiểu quang tử” với cách gọi và hình ảnh biểu hiện khác nhau. Bắt đầu là Ngưu mao trần (hạt bụi ở trên đầu lông trâu), mắt thường khó thể nhìn thấy; Ngưu mao trần chia làm bảy phần sẽ được Dương mao trần (hạt bụi trên lông dê); chia làm bảy thì sẽ được Thổ mao trần (hạt bụi trên lông thú); chia tiếp làm bảy thì thành Thủy trần (bụi [trong] nước), nhục nhãn



không thể thấy, tức trong nước cũng có khoảng không dành cho các hạt; Thủy trần tiếp tục chia làm bảy sẽ thành hạt Kim trần - loại hạt dao động trong cục sắt đặc ta lấy thí dụ ở trên. Kim trần phân làm bảy sẽ là Vi trần; phân tiếp làm bảy là Sắc tụ cục vi; phân tiếp làm bảy thì gọi là *Cục vi chi vi*. Đây là áo mật trong kinh *Hoa Nghiêm* được Master ChinKung - tiến sĩ, giáo sư danh dự của hai trường đại học danh tiếng ở Úc là Queensland và Griffith đưa ra giảng giải, khuyên người đời tin nhận giáo lý Đức Phật.

Nhỏ đến hạt Sắc tụ cục vi, chỉ bậc A-la-hán mới thấy được. Xét ngang ở hạt Kim trần, Sắc tụ cục vi đã cho thấy vật chất vốn là sự giả hợp từ *cái không*. Điều này khế hợp với Bát-nhã Tâm kinh: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”. *Không* - không có nghĩa là không có. *Sắc* - không có nghĩa là có. Cũng như lúc ta nhìn mây thấy hình người và muôn vật rõ ràng, nhưng lên tới gần sẽ thấy là sự tụ khí. Fred Alan Wolf: “Không phải vật chất sản sinh vật chất khác, nhưng chính *ý tưởng, quan niệm, thông tin tạo ra vật chất*. Từ góc độ Phật pháp, hết duyên, thân tứ đại này đất trở về với đất, nước lại về với nước; nhưng “thê nhớ” là a-lại-da và Phật tánh (chưa hiển lộ) thì vẫn nguyên vẹn, rồi tùy vào duyên sẽ khoác lên mình một thân/kiếp mới... Duyên cũng có vô vàn. Quy luật nhân quả vận hành trong vũ trụ mà Đức Phật phát hiện, nhân xấu tạo ra quả xấu và ngược lại. Điều này còn phụ thuộc vào *duyên*, giáo lý gọi “trùng trùng duyên khởi”. Nhân ác nếu chưa hội đủ duyên sẽ chưa trở quả; có loại nhân tốt song kẻ thù tự vẫn gặt quả xấu mọc từ [nhân] quá khứ. Hiểu điều này sẽ không thấy là bất công khi con người ngay lúc sinh ra đã lành lặn hay tật nguyên, được vào chốn giàu sang hay nghèo hèn. Do cái nhìn hạn hữu “một đời” nhiều người không thể tin

nhân quả. Nhưng tin hay không thì quy luật đó vẫn vận hành. Giả như ai muốn bóp méo chân lý tối thượng thì họ chỉ tự bóp méo vận mạng mình, còn cái bị “bóp méo” vẫn thường hằng bất biến. John Hagelin: “Cơ học lượng tử thực sự là cuộc chơi và trình diễn thông tin, cuộc chơi và trình diễn tiềm năng, sóng thông tin, sóng tiềm năng electron. Và thật là quan trọng, thế giới tiềm năng đó không phải là thế giới electron mà là thế giới tiềm năng electron. Nhưng bạn phải hỏi câu này: Sóng thực sự là của cái gì? Trường là gì mà có dạng như sóng? Nó có phải là đại dương không? Không, nó là đại dương vũ trụ, một đại dương thuần túy tiềm năng, một đại dương trừu tượng có tiềm năng hiện hữu, chúng tôi gọi nó là trường Thống nhất hay trường Siêu dây. Và *đó là cái đã làm ra chúng ta*”.

Con người là một dạng vật chất giả hợp (huyễn tướng). Cái tạo nên vật chất chính là ý niệm được huấn tập, tích tụ trong *tàng thức* (a-lại-da); lúc lia xác theo cách gọi của đạo Nho là *du hồn* bồng bềnh trôi giạt. Trừ những [hồn] người tu tập cao thâm, còn lại đúng hơn phải gọi là *mê hồn*, mê nên không có quyền tự quyết lựa chọn tương lai [kiếp kế tiếp] mà tùy vào nghiệp dẫn. Dạng “vật chất” mắt trần không nhìn thấy này nhà Phật gọi chung là *thần thức* (*thần thức* đi đầu thai). Còn *thức* mà khoa học đang bàn, họ gọi là “sóng lượng tử chức năng”, “sóng tư tưởng”, vô hình. Giáo sư Amit Goswami: “Chúng ta có thể ý thức về thế giới chỉ khi chúng ta xây dựng nền tảng của thế giới trên *Thức*”; “Thức là cái nó chọn lựa một vài tần số sóng cụ thể từ sóng khả năng vô hạn của Trường và tải chúng xuống não người để tạo ra kinh nghiệm toàn ảnh của nó”. Diễn theo kinh điển, con người khi *lục căn* (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) tiếp xúc với *lục trần* (sắc, thanh, hương, vị,

xúc, pháp), sẽ tạo nên trường ý niệm đem vào “so sánh” với những gì có trong tàng thức (gom thâu không chỉ trong một đời), nếu tương hợp với cái có trong a-lại-da sẽ tạo nên cảm giác thích thú, bám víu, và ngược lại... Ý niệm - là lý cao tột trong giáo lý nhà Phật. Vũ trụ nhận sự ảnh hưởng từ ý niệm của vô số loài trong trời đất có mối liên hệ mật thiết với nhau. Mối liên hệ vô hình này được các nhà vật lý học gọi là “tính đồng biến”. Xin trích lời dẫn từ phim khoa học *What the bleep do we know?*: “Trong những góc nhỏ của không gian và thời gian các nhà khoa học đã khám phá một nguồn năng lượng vô tận và những bí ẩn gây chấn động. Nó cho thấy rằng *tất cả chúng ta đều có mối liên hệ với nhau* và cái vũ trụ vật chất bản chất lại là phi vật chất. Thời gian và không gian chỉ là những khía cạnh tạo nên tính phi vật chất”. Thượng sư Kim cang Hoàng Niệm Tổ (tùng là Giáo sư vật lý đại học) trong cuốn chú giải kinh *Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng Giác* đã viết: “Ta nên biết: Thời gian sanh từ chuyển động. Xét về cội gốc, chuyển động phát sanh từ ý niệm. Do vọng niệm tiếp nối nên có thời gian”. Hòa thượng, Đại đức ChínKung lúc giảng giải cuốn chú giải này lại dùng hình ảnh một tấm lưới vĩ đại trong vũ trụ mà mỗi mắt lưới là một sinh mệnh. Theo đó khi một sinh mệnh đọa lạc, nó sẽ kéo mắt lưới ấy xuống, làm ảnh hưởng đến cả tấm lưới. Mối hay không cứ tu tại gia hay xuất gia, ai giữ tâm trong lặng chính là giữ cho “tấm lưới nhân sinh” trụ ở cõi thanh khiết, là ân nhân của muôn loài. Hàng ngày con người thoải mái phát xuất ý niệm, không hề có một sự kiểm soát nào trừ phi họ muốn xoay chuyển để tài hoặc không gian đột ngột thay đổi. Ngay cả khi nghỉ ngơi, vô số ý niệm tiếp tục được phóng ra. Theo khoa học, ý niệm là dạng “hạt siêu vị trí” - cùng một thời điểm có mặt ở vô vàn vị trí khác nhau. Nếu là ý niệm tiêu cực, nó ảnh hưởng nghiêm trọng đến không những không gian quả địa cầu này mà phủ trùm Tam giới. Nhà khí tượng học Edward Norton Lorenz nêu lên “Hiệu ứng cánh bướm” đã khiến giới khoa học ngạc nhiên tột độ, tuy nhiên đó mới chỉ là cái nhìn *phần ngọn*. Cội gốc của bão tố chủ yếu phát xuất từ ý niệm xấu ác trong tâm chúng sanh. Xã hội càng phát triển, những cơn bão lại đột ngột tăng cường độ gió? Phật giáo lý giải ấy là do niệm lực xấu ác và hận thù của các loài tăng lên. Dạng ý niệm ấy phát xuất từ những cái đầu lạnh và trái tim băng giá cùng những hành động sau đó như khí thải độc hại, tàn hoại môi trường rừng biển sẽ là nhiên liệu chiêu cảm bão tố, sóng thần, động đất. Thế nên, thiên tai cũng chính là *nhân tai*. Bạn gọi điện cho tôi, nhưng thông tin ấy sẽ có khắp địa cầu, bất cứ ai có vệ tinh tần số cao đều bắt được. Hoặc nếu bạn tha thiết một lòng phát ý niệm liên tục đến tôi, tần số dao động bao trùm tận hư không trọn pháp giới chỉ trong sát-na. Trường thông tin này có tên gọi khoa học là *tín tức*, còn danh từ Phật học là *chuyển tướng của a-lại-da*.

Siêu sóng từ tâm ý con người nếu ai nhận diện được cũng ở dạng thô phũ. “Đã có rất nhiều nghiên cứu chúng

tỏ rằng khi chúng ta bắt đầu di chuyển hay chuẩn bị nói điều gì đó, các tế bào thần kinh ở não đã thật sự hoạt động ngay cả trước khi chúng ta thật sự ý thức mình sắp làm gì” (Andrew Newberg). Khoảnh khắc trong đầu ta vụt hiện một ý tưởng, thực tế nó đã biến dạng, chuyển đoạn thành hiện thực. Như ta đang xây nhà, từ điểm phát xuất cho đến hình thành dự án thiết kế, chỉnh sửa..., nó trải qua vô số ý niệm vi tế (cũng như thời gian từ đơn vị giây được chia thành một phần trăm, một phần nghìn giây). Khoa học gia Joseph Dispenza phát hiện: “Lượng thông tin vô tận não bộ xử lý trong mỗi giây cho chúng ta biết về thế giới nhiều hơn gấp bội những gì chúng ta nhận thức được. Tuy vậy mỗi phút giây chúng ta lại chìm đắm trong những trải nghiệm từ các giác quan đem lại: nhìn, ngửi, nghe, cảm giác... và thế là chúng ta chìm đắm trong thực tại của mình, chúng ta chẳng biết gì về thực tại cả và tất cả cảm nhận về cái gọi là thực tại ngoài kia đều đã được sàng lọc qua các giác quan của con người. Não bộ xử lý 400 tỷ bit thông tin trong một giây nhưng chúng ta chỉ nhận biết được 2.000 bit”. Trong kinh Bồ-tát Xứ Thai có chép cuộc đối thoại: Thế Tôn hỏi trong một niệm có mấy niệm [vi tế], Bồ-tát Di-lặc trả lời trong một khảy móng tay có “ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”. Dựa vào đơn vị đo lường ở mức thấp nhất thời đó, tính ra trong một giây có hàng tỉ ý niệm vi tế. Cảnh giới này chỉ có hàng A-la-hán, Bồ-tát trở lên mới bắt được. Câu “Bồ-tát sợ nhân” chính là cái nhân ý niệm này. Chúng sanh không bắt được ý niệm, để ý niệm kết thành cảnh giới, tức ý niệm sai khiến thân tạo nghiệp. Bồ-tát biết xóa ngay ở ý niệm vi tế, không để ý niệm để khởi, do đó chân tay miệng sẽ không trở thành nô lệ. Để hình dung hơn, ta lấy máy ảnh làm thí dụ. Lúc chụp ở tốc độ chậm, nếu vật di chuyển, bức ảnh sẽ bị nhòe; còn chụp ở tốc độ nhanh, dấu vật di chuyển ống kính vẫn bắt được rõ ràng. Viên đạn với tốc độ lên tới hàng nghìn mét trên giây mà ống kính với công nghệ nanô vẫn chụp được viên đạn [bay ra từ nòng súng] không bị nhòe; đó tạm hiểu là tâm bắt được ý niệm vi tế. Thiên chính là ở đây; lúc tâm kiểm soát tất cả mọi ý niệm móng khởi từ nội tâm phát xuất. Quán chiếu mà không bám víu, tạm hiểu là Thiên Minh Sát. Có một dạng thiền khác đây vi diệu, bên Mật tông hành giả trì niệm lục tự đại minh chân ngôn *Án-ma-ni-bát-di-hông*; bên Tịnh Độ tông trì niệm lục tự hồng danh *Nam-mô A-di-đà Phật*. Tức tỉnh thức trong từng giây phút. Một khi tâm khởi ý niệm, hành giả lập tức niệm niệm nối tiếp ba câu, năm câu, mười câu kết lại thành khối khiến chúng không có cơ hội kết tinh. Tỉ như ai đó vừa muốn chửi mắng đánh đập kẻ khác, họ lập tức trì niệm hồng danh Đức Phật, niệm câu nào tai *nghe rõ* câu đó, tâm và khẩu hợp nhất, ai từng thực hành thuần thực, cơn bực tức sẽ lắng xuống, cảnh giới xấu biến mất. Miệng niệm Phật, trì chú, tai nghe rõ từng âm tiết tức tâm tạo sóng siêu thiện lan truyền, làm lợi lạc quần sanh. Ngược lại miệng niệm tai *không* nghe tức tâm loạn động. Chẳng hạn lúc ta chăm chú xem thời tiết hồng sắp

xếp việc đại sự ngày mai, nhưng thời tiết qua rồi lại không có một mẩu thông tin. Chăn trâu để trâu lạc mất. Như vậy điều tối yếu của con người nằm ở *Tâm*, chứ không phải *Thân*. Niệm Phật mà tâm nghĩ tham - sân - si - mạn - nghi, dĩ nhiên đang tạo nghiệp, nhiều khi tạo nên cảnh giới của Ma. Niệm Phật tâm khẩu hợp nhất tức hành giả thời khắc đang tạo nên cảnh giới của Phật cho chính tương lai của mình. Cũng như lúc ta hời hợt nghe một bài hát không ấn tượng, đó là một dạng “trung tính”; còn nếu tâm ta dội lên niềm thương cảm qua âm thanh và lời ca thì tần số sóng thiện ấy được cộng hưởng dao động. Hoặc xem phim đối trụy, bạo lực, tâm “lên máu” với cảnh tượng trong phim, loại tử trường xấu này nhân lên bội phần, góp phần khiến thiên tai thêm khủng khiếp. Xem cảnh giả nhưng lại tạo nghiệp thật. Rất nhiều diễn viên nổi tiếng thế giới lãnh tội giết người, đâm xe cùng nhiều cảnh tượng ghê rợn khác; giống như họ đang “kết tinh” các trường đoạn mà họ từng đóng trong phim. Nhiều thiên tài và triết gia trở nên điên loạn hoặc tìm đến cái chết cũng vì nhầm lẫn về sự hiểu biết hữu hạn của mình so với vô tận thế giới. Điều này theo cách gọi khoa học là *tín tức* (ý niệm) chuyển thành *cảnh giới tương* (vật chất). Xin dẫn lời Dean Radin: “Trong môi trường này, những gì tôi nghĩ và cách tôi hành xử sẽ gây ra những tác động lớn hơn, không chỉ cho chính bản thân mà ảnh hưởng phần còn lại của cả thế giới hơn hẳn so với quan điểm trong thế giới truyền thống. Vì thế, theo cách nhìn cơ bản nhất về *đạo đức* và *luân lý*, những suy nghĩ của tôi sẽ tác động đến thế giới, vì vậy thay đổi thế giới quan là rất quan trọng”.

Tâm lắng đọng mới tạo nên điều vi diệu cho toàn pháp giới, mà trước hết nó tạo nên không gian [cảnh giới] thuần khiết. Thực tế cõi Niết-bàn của Phật trước hết cũng là trạng thái tâm an lạc tuyệt đối; tâm ấy trụ trong cõi uế trược cũng là Niết-bàn. Khoa học đã minh định lý thuyết trong kinh Phật, rằng con người tiêu hao năng lượng chủ yếu do tâm quá nhiều vọng tưởng. Do vậy nếu một vị sư ngưng bật vọng tưởng, năng lượng trong cơ thể họ không bị tiêu hao, họ sẽ không cần ăn vẫn minh mẫn khỏe mạnh hàng tháng, hàng năm trời. Lạm xét về mặt y học: Bắt đầu là ý niệm về bệnh, sau đó đi khám biết mình có khối u, ý niệm về nỗi lo dồn dập, được phát liên tục khiến cho khối u thêm lớn và nguy hại. Người tu có định lực cao sẽ xả toang ý niệm về khối u bằng công khóa tụng kinh, niệm Phật, trì chú, bằng quán sát giữ tâm tuyệt tĩnh; rất nhiều hành giả lành bệnh nan y chỉ với việc hành trì “đơn giản” như vậy. Loại âm thanh/tử trường siêu thiện này là một dạng sóng hóa giải nghiệp lực và bệnh tật, điều này khoa học lượng tử rất dễ chứng minh. Tác động của tập thể luôn ảnh hưởng nghiêm trọng đến cá nhân, nhất là với con bệnh. Càng nhiều người phát ý niệm vô phương cứu chữa, con bệnh càng ít cơ hội... Dẫu rành máy móc chẩn đoán về căn bệnh giai đoạn cuối, bác sĩ cũng không nên có ý niệm bệnh này hết chữa, vì như vậy nó sẽ dội ngược lại mình. Nghĩa là, khi ta phán điều xấu tệ đến với ai, thì ý

niệm đó đã lưu giữ trong a-lại-da, tương đương với việc mình tự gieo một nhân xấu cho chính bản thân. Mở ra niềm hy vọng trước cửa tử của bất cứ ai không bao giờ là thừa. Lý thuyết này không được thực hành sẽ thật dễ hiểu khi xác suất bác sĩ chuyên về bệnh [nan y] nào sẽ có nguy cơ mắc bệnh đó khá cao! Từ đây có thể nhìn nhận ra mọi phương diện đời sống. Khoa học đã “giải ngộ” bí mật: “Quan sát của chúng ta tác động trực tiếp tới thế giới của ta”. Nhưng họ không tìm ra cách khiến tư tưởng tập trung, tụ lại, hay cao hơn là vắng bật vọng tưởng, chấp trước, gọi theo nhà Thiền là *định tâm*. Điều này ngoài Phật pháp ra, không gì thay thế! Lời khai thị của một vị Hòa thượng đương thời: “Thân thể này giống như một đài phát xạ vậy, đem ý niệm chúng ta phát ra bên ngoài, đồng thời cũng là đài tiếp thu. Tin tức của toàn bộ vũ trụ, chúng ta đều nhận được, nhận được tại sao chúng ta không biết? Phiền não làm chướng ngại. Nếu phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, họ có thể tiếp thu được, càng thanh tịnh nhận được càng nhiều”. Phiền não chính là do con người tự tư tự lợi, kể cả làm thiện thì đa phần ý nghĩ phát xuất đầu tiên (và mục tiêu cuối cùng) vẫn là có lợi cho mình. Theo Duy thức học (được xem là môn Tâm lý học Phật giáo): trong 52 tâm sở thì tâm sở thiện chỉ 11, tâm sở bất thiện chiếm 26; cho thấy nếu không giữ chánh niệm (tiến tới quân bình hai dạng tâm sở, rồi tâm sở thiện vượt lên xóa sạch tâm sở bất thiện), nghiêm nhiên sẽ gây tội nghiệp dẫu người ấy chưa động chân tay. Ai cũng có chân tâm (*chúng tử* Phật hay còn gọi *hạt giống* Bồ-đề) bị vùi sâu trong vọng tâm. Nếu nghĩ xấu thì ý nghĩ ấy lập tức làm nhiều loạn thời không và đó chính là nghiệp lực mạnh mẽ bậc nhất lại không dễ gì được nhận ra và thừa nhận. William Tiller lý giải, nếu tính giải phóng lượng năng lượng tiềm tàng ở trong một nguyên tử Hydro, việc nó tạo ra vụ nổ Big Bang chỉ là chuyện cỏn con. Có thể ví ý niệm xấu như ngọn lửa hàn xì, nhìn chỉ thấy chân không nhưng nó kết tinh mối hàn sẽ khó lòng gỡ ra, khó lòng cứu vãn. Trong nhà Phật, hành giả chỉ ủng hộ hòa bình (cái thiện) chứ không chống chiến tranh (cái ác), mới được gọi là chánh tri chánh kiến. *Tham* sẽ chiêu cảm cảnh giới nga quỷ ở kiếp sau, *sân hận* chiêu cảm địa ngục, *si* (trước hết không tin nhân quả vốn là nền tảng căn bản trong Phật pháp) sẽ chiêu cảm cảnh giới loài vật. Ai tìm cách thoát khỏi vòng cương tỏa của danh vọng tiền tài, chuyên niệm hồng danh A-di-đà Phật sẽ nắm cơ hội lên Tây phương thế giới muôn phần vượt trội Ta-bà uế trược. (Các thế giới mà Đức Phật từng nêu lên giới thiệu: *Hoa tạng thế giới*, *Cực Lạc thế giới* duy *chân tâm* tạo; *Thập pháp giới*, *Lục đạo luân hồi* duy *vọng tâm* tạo; *Địa ngục*, *nga quỷ*, *súc sanh* duy “sân tâm, tham tâm, si tâm” tạo). Quá rõ để khẳng định: *Tịnh độ tông* thù thắng, thậm thâm. Là vậy, cái gì vi diệu thường đơn giản, dễ hành. Song chính vậy nó không dễ tin. Chớ bao giờ nghĩ con người nhỏ bé. Đức Phật từng nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: “Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng Như Lai”. Phật thấu triệt về vũ trụ, vũ trụ nằm trong lòng

bàn tay Ngài. Chúng sanh nào cũng có năng lực này, chỉ do vọng tưởng quá nhiều như mặt nước gợn sóng không thể soi trăng viên mãn. Những gì phát xuất từ tâm một cá nhân thật không ngờ ảnh hưởng đến toàn vũ trụ, rồi nó trả về *nghiệp* hoặc *phước* tùy theo ý niệm thiện hay ác. Phật dạy “nhất tức nhất thiết” (một là tất cả), câu này được khoa học thực nghiệm bằng tấm ảnh cắt ra trăm mảnh, mỗi mảnh vẫn chứa nguyên hình ảnh gốc ban đầu. Hay có thể dẫn thêm lý thuyết của nhà vật lý David Bohm: Cục nam châm đập vỡ thành nhiều mảnh, mảnh nào cũng có hai cực âm và dương. Có người lại bảo, tin điều này làm gì, có ảnh hưởng gì đến cuộc sống của tôi! Đúng vậy, có thể do “biệt nghiệp” trong căn mạng nên nó *chưa* ảnh hưởng đến đời sống của họ lúc này và trong đời này, nhưng đã ảnh hưởng đến toàn vũ trụ.

Khi khoa học khám phá ý niệm tạo cảnh giới, chân lý tối thượng bị bao trùm bởi mê tín và thần quyền lên Đức Phật được phần nào gỡ bỏ. Đạo Phật xét ở cội gốc, một tí cũng chẳng dính đến tôn giáo. Những ai ngày nay hiểu và hành đúng giáo lý của Ngài cũng thấy rõ điều này. Từ lâu, ngay cả danh từ *tôn giáo* cũng bị người đời hiểu lệch. Một vị cao tăng giảng rõ nguyên ủy của từ này gồm những nghĩa: Giáo dục điều trọng yếu nhất; Giáo huấn điều *tôn* quý nhất; Giáo hóa điều *chánh* yếu nhất (chánh ở đây là không tà). Tiếng Pháp chữ *tôn giáo religion* (tiếng Anh cũng từ này) hẳn có nguồn với động từ *relier*, nghĩa là nối liền, kết nối, hợp nhất v.v. chẳng hề liên quan đến thần thánh. Mở kinh Phật ra toàn thấy thầy giáo dạy học trò. Đức Phật đã gửi đến xã hội hiện đại thông điệp trọng yếu về giáo dục: “Chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở; chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết”. Ngài muốn mọi người hãy áp dụng sự học vào thực tế rồi chứng nghiệm; như cách mà khoa học đang làm.

Khoa học lượng tử hé lộ chân tướng vũ trụ, cũng là điều Đức Phật nhìn thấy hàng ngàn năm trước. Đó là sự gặp gỡ cao nhất giữa Phật và các nhà khoa học. Dẫu vậy, cái biết của Phật dựa trên sự chứng ngộ, còn cái biết của khoa học thông qua tri kiến. Một bên là chân lý hiện lên trong Tâm thanh khiết (*thấy Tánh*), một bên thông qua luận giải và máy móc. Sự biết của một số ít nhà khoa học và các bậc tri thức trên thế giới cũng là sự biết của rất nhiều những người tu hành theo Chánh pháp (chưa đắc Đạo). Còn sự biết của Phật chỉ có thể có ở những vị chứng quả thánh bên Nguyên thủy, tức từ quả Tu-đà-hoàn lên đến A-la-hán, và hàng Bồ-tát bên Đại thừa. Kinh *Kim Cang* có câu: “Nhất thiết pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Ngày nay giới khoa học có cụm từ tương ứng gần như trùng khít: “Vũ trụ toàn ảnh”, tức toàn thể vật chất đều là sự phóng chiếu cái thật từ a-lại-da. “Thực tại hữu hình của cuộc sống đời thường của chúng ta, thực sự là một loại ảo ảnh, giống như một toàn ảnh. Phía dưới nó là một trật tự sâu hơn của hiện hữu, một mức độ rộng

lớn và cơ bản hơn của thực tại, nó làm phát sinh tất cả sự vật và hiện tượng của thế giới vật chất trong cách thức rất giống một cuộn phim toàn ảnh sản sinh ra một hình toàn ảnh” (David Bohm). Giả mà như thật. Ai từng xem cổ vật qua công nghệ 3D sẽ biết: người ta chiếu vật thật ra hình ảnh, nếu không sờ tay vào không ai nghĩ đó là ảnh. Vũ trụ này cũng vậy, nó được chiếu ra từ vọng tâm. Cái biết của Phật đã hoàn toàn ra khỏi khổ não luân hồi; cái biết của khoa học vẫn nằm trong lục đạo. Giả như cái biết của các nhà khoa học ngang với cái biết của Đức Phật (điều này là ảo tưởng), nhưng muốn được an lạc như Phật họ cũng phải quay lại từ đầu trên đường Đạo, từ con số *không* tròn trĩnh!

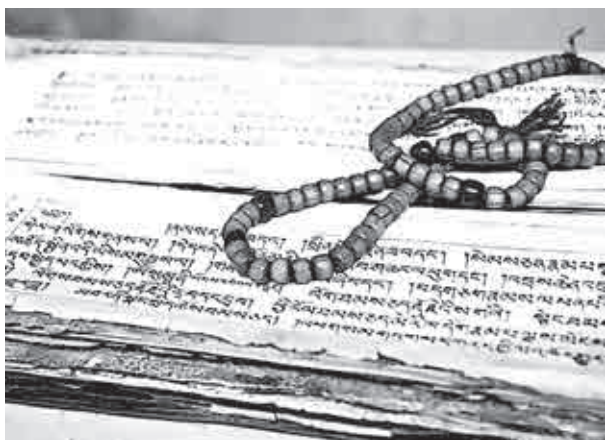
Phật có 84 ngàn pháp môn nhằm hợp với căn cơ từng người nhưng cùng mục đích khôi phục, tìm lại tự tánh; là trạng thái tâm vắng bật vọng tưởng, đạt định, sinh trí huệ, giải thoát khỏi sanh tử. Pháp môn vốn hợp căn, song nếu chiếu theo “di chúc” của Phật, thì thời nay pháp dễ thành tựu nhất là Tịnh Độ tông, còn gọi là pháp môn Niệm Phật. Chiếu theo khoa học, đây là con đường sáng nhất, ngắn nhất đưa mỗi vận mạng đến với Chân Lý Tối Thượng. Một vị cao tăng dùng hai ngọn đèn làm thí dụ, ngọn đèn của Đức Phật sáng chói và ngọn đèn phàm phu tắt lịm. Học Phật là làm sao dùng ánh sáng từ ngọn đèn Đức Phật thắp sáng ngọn đèn của mình, chứ không phải chú ý đầu cúi mài kính sử đến độ hồi đầu biết đó nhưng tuyệt không có công phu hành Pháp, ấy là học Thiển mà không tọa thiền, học Tịnh lại không niệm Phật, học Mật cũng không trì chú miên miên mật mật; công phu ít cũng vài ba năm trở lên và nhận thấy rõ lợi ích mới có thể bàn đến, còn không chỉ là lời nói suông sáo rỗng. Ngược đầu nhìn Phật là dõi theo “ngón tay chỉ trăng”, sự ngưỡng vọng ấy dẫu sao cũng dừng lại ở *Phật học*. Cúi đầu trước Đức Phật chiêm nghiệm bốn tánh mới là *học Phật*. Hai sự này cách nhau cả đại dương! ■

Những nhà khoa học đã trích dẫn trong bài viết:

- John Hagelin Tiến sĩ Vật lý lượng tử; Giáo sư Đại học Maharishi, Iowa.
- Stuart Hameroff: Bác sĩ, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Ý thức tại Đại học Arizona.
- Andrew Newberg, Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Thần học và Khoa học thần kinh, Đại học Pennsylvania.
- Dean Radin, Tiến sĩ, Giám đốc Viện Khoa học Thần trí (Noetic), California.
- William Tiller, Tiến sĩ, Giáo sư danh dự Đại học Stanford.
- Fred Alan Wolf, Tiến sĩ Vật lý lý thuyết tại UCLA; tác giả “*Ứng dụng Bước nhảy lượng tử*” và “*Vũ trụ song song*”.
- Amit Goswami: Tiến sĩ, Giáo sư Vật lý lý thuyết, Đại học Oregon.
- Joseph Dispenza, Bác sĩ Chỉnh hình, Đại học Life, Atlanta, Georgia.
- David Bohm, Tiến sĩ, Giáo sư Đại học Princeton, phát triển lý thuyết lượng tử mang tên De Broglie-Bohm.

Nói một đằng Viết một nẻo

HỒ ANH THÁI



Phiên âm có lẽ là câu chuyện của hầu hết những ngôn ngữ không dùng mẫu tự Latinh. Ngay trong một nước, sự phiên âm cũng không thể thống nhất.

Tiếng Việt khi được ghi âm bằng mẫu tự La-tinh, người ta đã sử dụng cách ghi âm và phát âm theo kiểu tiếng La-tinh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, có lẽ thế, cho nên gần như viết thế nào đọc thế ấy. Hồi xưa mà ghi âm theo kiểu tiếng Anh, viết một đằng đọc một nẻo, chắc giờ đây người Việt mới đi học phải phát ốm.

Còn ở những nước bây giờ vẫn dùng mẫu tự không phải La-tinh, như tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Hindi, tiếng Ba Tư, việc phiên âm rất nhiều khi không thể thống nhất, phiên âm của họ rất nhiều khi là viết một đằng đọc một nẻo.

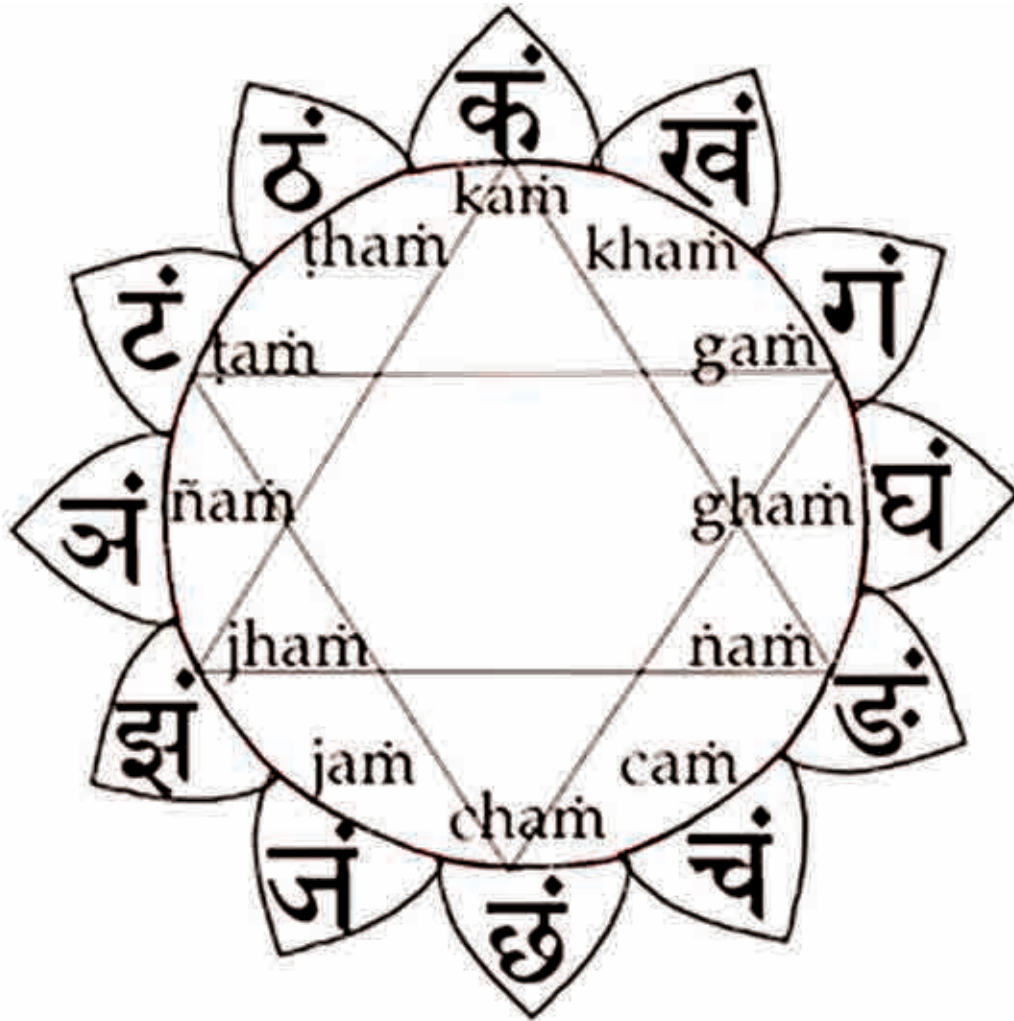
Tôi nhiều lúc bần thần trước những phiên âm kiểu Khổng Tử mà lại thành Confucius, Tôn Tử thành Sun Tzu, Lỗ Tấn mà lại thành Lu Xun hoặc Lu Hsun, rồi Cung Lợi lại thành Gong Li, Trương Nghệ Mưu thành Zhang Yimou, Cao Hành Kiện thành Gao Xingjian, Mạc Ngôn thành Mo Yan.

Ở Hàn Quốc, những cái tên phiên âm của các văn nghệ sĩ, các chính khách, doanh nhân lâu nay đã thực sự làm rối cho người Việt. Người bị rối đã nôm na hóa như một cách chơi lại người gây rối: Chơi Xong Đông, Eo Chang Hy (y chang heo).

Ở Iran, tiếng Farsi (Ba Tư) khi phiên theo mẫu tự La-tinh cũng gây bối rối không kém: phát âm là Kôm, có thể được phiên thành Qom, Ghom, Kom. Kazvin có thể được phiên thành Qazvin, Ghazvin. Phụ âm ấy có thể phát âm giữa G và K và Q. Có lần đi qua một huyện miền Đông bắc thôi, cứ cách dăm ba cây số lại gặp một cái biển chỉ đường vào huyện. Kuchan, mà lúc thì Quchan, lúc thì Koochan, Kuchan, Qochaan... Xã nào thích phiên thế nào thì nó là như thế.

Trên tiểu lục địa Ấn Độ mới thật là hoang mang. Hàng trăm ngôn ngữ, đến mức chính phủ phải công nhận hai mươi hai ngôn ngữ chính (main languages, thống kê năm 2013). Hindi là tiếng mẹ đẻ của hơn 500 triệu dân, được coi là ngôn ngữ dân tộc (national language), nhưng chủ yếu ở Bắc Ấn. Tôi đi về Nam Ấn, hỏi chuyện bằng tiếng Hindi, người ta hiểu, nhưng nhất định không đáp lại bằng tiếng Hindi. Họ chỉ trả lời bằng tiếng Anh. Họ có tâm lý sợ ngôn ngữ và văn hóa Bắc Ấn sẽ áp đặt lên văn hóa Nam Ấn. Tiếng Anh được công nhận là ngôn ngữ chính thức trong văn phòng công sở (official language) và được sử dụng ở khắp đất nước.

Để hiểu bất cứ ngôn ngữ nào của Ấn Độ mà phiên ra chữ La-tinh đều có dăm bảy đường. Những khái niệm của Ấn Độ được sử dụng nhiều trong tiếng Anh và các ngôn ngữ phương Tây chẳng hạn. Dharma (chân lý, pháp, bổn phận, trật tự...) là cách phiên kiểu tiếng Anh. Người Anh - Mỹ đều đọc là Đác-ma, đến mức người Ấn Độ khi nghe thấy thế cũng sửa theo, cũng nói là Đác-ma, để cho người nước ngoài dễ hiểu. Thực ra, nó phải được phát âm đúng là Thơ-râm (ba phụ âm thờ-rờ-mờ



đặt cạnh nhau, mà không có nguyên âm chèn giữ). Không rõ ai là người đầu tiên phiên âm chữ này. Phiên âm thành chữ Dh thực ra được đọc hơi giống chữ Th tiếng Việt, chứ không bỏ chữ H đi để thành Đ.

Cũng thế là chữ Karma (hành động, nghiệp, luật nhân quả...), phiên ra như thế thì người Anh - Mỹ đọc là Kác-ma. Nhưng đúng ra phải phát âm là Kơ-râm.

Họ của đại thi hào Rabindranath Tagore chẳng hạn. Vùng Bengal có một dòng họ chúa đất danh tiếng là Thakur. Tagore là do một ông thực dân Anh nào đó lần đầu tiên phiên âm cái họ Thakur sang tiếng Anh. Người ta khai tên họ là Thakur, ông người Anh nghe thành Tagore. Tôi là Thakur. Hiểu rồi, tôi sẽ ghi tên ông vào danh sách: Tagore. Thakur nhé. Rồi, tôi đã ghi: Tagore.

Tên chào đời của người sáng lập ra Phật giáo được người Anh - Mỹ phiên thành Siddhartha rồi đọc thành Xi-đạt-tha, người Việt theo âm Hán Việt đọc thành Tất-đạt-đa. Đúng ra cái tên ấy phải được đọc theo tiếng Hindi là Xít-thơ-rát. Còn phiên âm từ tiếng Sanskrit và Pali là Siddhattha, đọc là Xít-thất-tha.

Tên của thân mẫu Đức Phật, Maya, phiên thế thì Anh - Mỹ vẫn đọc khá đúng là May-a. Nhưng người Việt hình như dựa theo âm Hán Việt, cứ đọc là hoàng hậu Ma-za.

Chữ Buddha hoặc Boddha (người Giác Ngộ, chỉ Đức Phật) đúng ra chỉ có một âm: Bút (gần như âm Bụt trong tiếng Việt). Người phiên âm ngại rằng người ta không đọc chữ Th ở cuối, cho nên điển thêm chữ A vào đó. Buddha. Người Anh - Mỹ cứ thế mà phát âm thành Bư-đa. Cũng như họ Gautama, không phát âm chữ A ở cuối, đọc đúng theo tiếng âm Sanskrit và Pali là Go-tâm.

Chữ Nirvana (phát âm: Nir-voan), người Việt đọc tương đối đúng từ âm Hán Việt là Niết-bàn. Chữ này trong tiếng Pali là Nibbana (Níp-ban). Người đầu tiên phiên âm các ngôn ngữ Ấn theo mẫu tự La-tinh hình như đã không yên tâm, đã sợ rằng người ta không phát âm rõ phụ âm cuối của từ, cho nên điển thêm vào chữ A ở cuối cùng. Nirvana, Nibbana. Chữ A theo cách ấy chỉ muốn lưu ý người ta nhớ đọc rõ phụ âm N ở cuối. Chính xác ra, người Ấn không phát âm chữ A này. Những từ vừa dẫn là ví dụ. Rất nhiều từ không thể dẫn hết ra đây, đều có thể là những ví dụ.

Tôi từng đọc bài của một số học giả Phật giáo, một số trí thức trong Giáo hội ở ta, tranh luận về sự sai khác của những danh từ Phật giáo. Các vị và các thầy chỉ tranh luận trên ngôn từ phiên âm La-tinh mà khó có cơ hội đối chiếu với ngôn ngữ gốc. Thành ra có những điều đơn giản mà cứ bị lý giải đi quá xa, và khó ai hiểu ai cho được. ■



Đạo đạo mà lửa bên trong

NGUYỄN HỖ

Đức Phật bảo cho chúng ta rằng có ba ngọn lửa vô hình ngày đêm thiêu cháy con người và thế gian này, đó là lửa tham, lửa sân, lửa si. Trong bài kinh dạy cho hơn 1.000 tu sĩ theo đạo thờ lửa ở Gàya, bậc Giác ngộ nhấn mạnh:

"Tất cả, này các Tỳ-kheo, đều bị bốc cháy. Và này các Tỳ-kheo, tất cả cái gì đều bị bốc cháy?"

Mắt, này các Tỳ-kheo, bị bốc cháy. Các sắc bị bốc cháy. Nhân thức bị bốc cháy. Nhân xúc bị bốc cháy. Do duyên nhân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy

bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não... Tai... Mũi...Lưỡi... Thân... Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Thấy vậy, này các Tỳ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với các sắc, nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy... đối với tai... đối với mũi... đối với lưỡi... đối với thân... nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gi, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhằm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui với trạng thái này nữa!"¹

Đức Phật gọi tham-sân-si là lửa vì chúng có khả năng thiêu cháy con người và cuộc đời này; chúng là nguyên nhân đưa đẩy loài người rơi vào các việc làm sai trái, xấu ác, đưa đến tranh chấp, tranh đoạt, chiến tranh, cướp bóc, giành giật, xâm xé, xâm lăng, tàn hại lẫn nhau, khiến cho nhân loại rơi vào bất hạnh khổ đau, thế giới lâm vào cảnh tai họa nghiêm trọng chẳng khác gì hỏa ngục². Tham-sân-si khiến cho loài người trở nên rối rắm, thế giới biến thành phức tạp, thực tại yên ổn thành ra bất ổn. Chúng giam cầm chúng sanh trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới, ba cảnh giới bị chi phối bởi quy luật sinh tử khổ đau gọi chung là ngôi nhà lửa. Tham-sân-si cũng được xem như các độc tố làm mê mờ tâm trí con người; khi chúng dính vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân hay ý thì các giác quan này trở nên ô uế, mù lòa, quờ quạng, bệnh hoạn, không còn sáng suốt, tinh táo, không nhận rõ thực tại, mê theo các đối tượng khả ái và oán ghét các đối tượng không khả ái, hành hoạt không trung thực, khiến tâm thức rơi vào các đối cực, không ngừng quay cuồng và vũng vầy trong thế giới đối đãi, trở nên căng thẳng và mệt mỏi, không giải thoát, không thanh thân, không tự do, không an lạc. Cái tâm mà bị tham-sân-si trói buộc, rơi vào quay cuồng, vũng vầy trong thế giới hơn thua, được mất, thắng bại thì theo đó mọi lời nói và việc làm của con người sẽ trở nên mê lầm, bất thiện, không chính đáng, chỉ đưa đến phiền muộn khổ đau, không đưa đến hạnh phúc an lạc. Tôn giả Ānanda nêu rõ lý do vì sao đạo Phật chủ trương đoạn diệt tham-sân-si:

"Người có tham, thưa Hiền giả Channa, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về

tâm. Khi tham được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm bị mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Tham, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có sân, thưa Hiền giả, bị sân chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình... như thật rõ biết lợi cả hai.

Sân, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình... không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Người có si, thưa Hiền giả bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, làm ác hạnh với thân... làm ác hạnh với ý. Khi si được đoạn tận, không làm ác hạnh với thân... với ý.

Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, ... không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi si được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình... như thật rõ biết lợi cả hai.

Si, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Thấy sự nguy hại này của tham, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận tham. Thấy sự nguy hại này của sân, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận sân. Thấy sự nguy hại này của si, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận si"³

Về giải pháp khắc phục và đoạn trừ tham-sân-si, gốc rễ của mọi phiền não khổ đau, Đức Thế Tôn đưa ra rất nhiều lời khuyên bổ ích. Trước hết, phải thấy rõ tham-sân-si là nguyên nhân của mọi hành vi bất thiện đưa đến khổ đau, ý thức rõ sự đoạn tận tham-sân-si chính là cách thức đi ra khỏi khổ đau, như lời giải thích của Tôn giả Ānanda cho du sĩ Channa. Tuy nhiên, chỉ nhận thức không thôi thì chưa đủ để loại trừ tham-sân-si, mà cần phải thực tập chuyển hóa nội tâm thông qua pháp môn giới-định-tuệ thì tham-sân-si mới dần dần được khắc phục và loại trừ. Đó chính là sự quyết tâm buông bỏ dục vọng, rời xa các ham muốn dục lạc hay các thú vui thế gian, nỗ lực thực hành thiền định để chuyển hóa lòng đam mê dục lạc thành tâm yêu mến Thiên lạc. Gia chủ Mahànāma từng bộc bạch với Đức Thế Tôn về sự khó khăn của sự rời bỏ tham-sân-si và bậc Giác ngộ chia sẻ về một kinh nghiệm khắc phục:

– Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con đã hiểu như thế này lời dạy của Thế Tôn: “Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm”. Tuy vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si pháp chiếm cứ tâm con và an trú. Bạch Thế Tôn, con tự suy nghĩ: “Pháp nào tự trong ta không đoạn trừ được, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các si pháp xâm nhập tâm ta và an trú?”

– Đây Mahànàma, có một pháp trong Ông chưa được đoạn trừ, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm Ông và an trú... các si pháp xâm nhập tâm Ông và an trú. Và đây Mahànàma, pháp ấy trong Ông có thể đoạn trừ được, nếu Ông không sống trong gia đình, nếu Ông không thụ hưởng các dục vọng. Và đây Mahànàma, vì pháp ấy

trong Ông chưa được đoạn trừ, nên Ông sống trong gia đình và thụ hưởng các dục vọng.

Các dục vọng, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn. Đây Mahànàma, nếu một vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ, nhưng nếu vị này chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy vị ấy chưa khỏi bị các dục chi phối. Đây Mahànàma, khi nào vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: “Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều. Sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn”, và vị này chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào cao thượng hơn, như vậy vị ấy không bị các dục chi phối.

Này Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: “Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn”, dầu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và đây Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: “Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn”, và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối”.⁴

Lời dạy của đấng Giác ngộ xác nhận rất rõ rằng tham dục (nói rộng ra là tham-sân-si) chỉ có thể được khắc phục nhờ công phu hành Thiền, tức sự thực tập chuyển hóa và thanh lọc nội tâm thông qua thiền định hay pháp môn giới-định-tuệ. Sở dĩ Thiền có công năng chế ngự tham dục ấy là bởi Thiền là phương pháp chuyển hóa và thanh lọc tâm, thanh lọc cảm thọ đạt đến thuần tịnh và thanh lương - từ tâm dục giới thăng tiến lên sắc giới, vô sắc và siêu thế; từ cảm giác dục lạc sang kinh nghiệm Thiền lạc thuộc sắc giới, vô sắc và siêu thế. Đó chính là sự thăng hoa tâm thức hay tiến trình thực chứng Tăng thượng tâm (*Adhicitta*), nhờ loại bỏ năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi) và thành tựu năm Thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm). Đó cũng chính là tiến trình rời xa dục lạc, tức những thú vui vật chất làm ô uế tâm thức (*milhasukha*), mang tính phàm tục (*puthujjanasukha*), không đưa đến thanh cao (*anariyasukha*); thay vào đó là sự thực nghiệm Thiền lạc, tức nội tâm thanh thản an lạc nhờ rời bỏ dục vọng thế gian (*nekkhammasukha*), bật dứt các vọng niệm (*upamasukha*), buông bỏ mọi vọng tưởng (*pavivekasukha*), hướng đến giác ngộ (*sambodddhasukha*). Nói cách khác, hành Thiền có công năng khắc phục và loại trừ tham-sân-si, vì Thiền dứt trừ năm triền cái, những pháp làm ô uế tâm thức, được xem là thức ăn của vô minh và vì bản chất của Thiền là thức tỉnh, sáng suốt, giác ngộ, không mê đắm, là buông xả, ly tham, không bám chấp, giải thoát.



Sau cùng, trên cơ sở của việc hành sâu pháp quán niệm, tham-sân-si được nhận biết là pháp duyên sinh, do duyên các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) gặp gỡ các trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà phát sinh và tăng trưởng; vì vậy mà tham-sân-si có thể được chặn đứng và diệt trừ nhờ vào sự loại trừ hay dứt bật các duyên. Đây là phương pháp trực tiếp chặn đứng và dập tắt tham-sân-si, không để cho chúng có cơ hội sinh khởi và tăng trưởng, nhờ thực hành pháp môn phòng hộ các căn, cụ thể là sự chú tâm nhận biết về cảm thọ, không để cho tham-sân-si duyên theo các cảm thọ - lạc, khổ hay bất khổ bất lạc - mà tùy tăng. Đức Phật xác chứng khả năng đoạn tận tham-sân-si, cũng đồng nghĩa là đoạn tận khổ đau, nhờ thực tập pháp môn quán niệm về tính chất duyên sinh và duyên diệt của các pháp:

"Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng... do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Nhưng này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị

*ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra."*⁵

Nhìn chung, tham-sân-si là các mối lửa đáng sợ đối với đời sống của con người nhưng chúng cũng chỉ là các pháp do duyên mà sinh khởi, tự tánh là chuyển biến, vô thường, không thực thể, không thường hằng, không tồn tại mãi, có thể được chế ngự và dập tắt nhờ ứng dụng các phương pháp tu tập thích hợp. Cái gì có sanh khởi thì cái ấy có đoạn diệt. Tham-sân-si do duyên sanh thì cũng do duyên mà diệt. Có nhiều pháp môn tu tập nhằm khắc phục và đoạn diệt tham-sân-si, gốc rễ của phiền não khổ đau, được nói đến trong kinh Phật; căn bản nhất là thực hành Bát chánh đạo hay nếp sống giới-định-tuệ để khắc phục dần các thói quen tham-sân-si, khiến cho chúng được chế ngự và bào mòn cho đến lúc không còn đủ sức để chi phối đời sống cá nhân. Chỉ với tâm kiên trì thực hành lời Phật dạy thì tham-sân-si, gốc rễ của phiền não khổ đau, mới dần dần được khắc phục và đoạn trừ; lúc bấy giờ đời sống mới thực sự nhẹ gánh và thanh thoi, mới trở nên đáng yêu và đáng quý, vì con người sẽ "không làm mọi điều ác; chỉ làm các hạnh lành". ■

Chú thích:

1. Kinh Bock cháy, *Tương Ưng Bộ*.
2. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
3. Kinh Channa, *Tăng Chi Bộ*.
4. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
5. Kinh Sáu sáu, *Trung Bộ*.



Tre ư ư trung vui ãu

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Với một số người, qua hình dung của họ, các vị tu hành giải thoát có vẻ nghiêm nghị, trầm mặc, lặng lẽ, xa cách... Nhưng khi gần gũi với các vị hoặc thấy qua hình ảnh và nghe các câu chuyện kể, chúng ta thấy các vị chúng ngộ thì trẻ trung, vui vẻ, hay cười, linh hoạt, "hài hước" (chữ của Sogyal Rinpoche), vui đùa, khoái hoạt...

Hình ảnh của Huệ Trung thượng sĩ trong *Phóng cuồng ca* cho ta hình dung về một vị như vậy:

*Trời đất liếc trông hể, sao thênh thang
Chống gậy rong chơi hể, phương ngoài phương*

...

*Vui ta vui hể, Bồ Đại vui khoái
Điên ta điên hể, Phổ Hóa điên cuồng.*

Chogyam Trungpa Rinpoche nói trong *Trí huệ điên*:

"Sự phá vỡ đầu tiên hiển lộ cho chúng ta phẩm tính giống như trẻ thơ của chúng ta... Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) như một đứa bé, tượng trưng trạng thái trẻ thơ hoàn hảo không có nhị nguyên, không có "đây" và "kia". Trạng thái này thấm nhập tất cả một cách trọn vẹn. Nó cũng có một cảm thức về sự tươi mới, trẻ trung; bởi vì trạng thái này là toàn thể, siêu việt, không có điểm quy chiếu. Nếu không có điểm quy chiếu, bấy giờ không có gì làm ô nhiễm tâm thức chúng ta. Đó là một cái tối hậu trọn vẹn". (Chương Sự ngây thơ nguyên thủy, *Trí huệ điên*, *Crazy Wisdom*, 1972).

Một trẻ thơ như vậy thì để cho những hiện tượng của vũ trụ chơi đùa, và tham gia vào vũ trụ tức là tham gia vào trò chơi đùa của vũ trụ.

"Thế nên hãy để cho những hiện tượng chơi đùa. Hãy để những hiện tượng chơi đùa với chính chúng và bởi chính chúng". (Chương Hãy để cho những hiện tượng chơi đùa, *Trí huệ điên*).

Trẻ thơ biết chơi đùa là phong cách của Padmasambhava và cũng là phong cách của một bậc giải thoát trong Phật giáo:

"Phong cách Padmasambhava là trải nghiệm một cách thuần khiết những hoàn cảnh của đời sống như một đứa trẻ sống một cách tự phát và mãi mãi vẫn là một đứa trẻ. Một từ được khai triển trong truyền thống Đại Toàn Thiện để chỉ nguyên lý này là *shönu pum ku* (hoàng tử trẻ thơ trong cái bình).

"Cái bình tượng trưng cho tình trạng nằm trong bào thai. Phá vỡ cái bình là lật ngược lại nguyên lý Ba thân. Bạn đã đạt đến Pháp thân: khi cái bình vỡ, bạn trở lại Báo thân và Hóa thân, bạn trở lại với mặt đất. Một tiến trình tương tự được tượng trưng trong những Bức Tranh Chăn Trâu của Thiền tông. Sau điểm không còn trâu và không còn người chăn trâu, bạn trở lại thế giới này.

"Thế nên điểm chính ở đây là sự trẻ trung hỗn nhiên của trạng thái giác ngộ. Sự trẻ trung hỗn nhiên này là sự trực tiếp của kinh nghiệm, phẩm tính khám phá thám hiểm của nó... Thám hiểm không làm chúng ta

già đi sao? Không phải thế, theo quan điểm Trí huệ diên. Khám phá thám hiểm giờ đây không có nỗ lực. Bạn vẫn làm cùng một công việc trở đi trở lại, nhưng mỗi lần, bạn khám phá những mặt mới của nó, điều đó làm bạn càng trẻ trung hơn” (Chương Không sợ hãi, *Trí huệ diên*).

Tại sao có sự tự do phóng khoáng, có niềm vui tràn ngập trong tâm và nơi cảnh như vậy? Trước kia, như những người bình thường khác, chỉ sống ở hai tầng giác quan và ý thức, là hai tầng hoàn toàn nằm trong sự chi phối của vô thường, không biết chỗ nào mà an trụ, lạc lõng trong một thế giới không thật vì vô thường chóng vánh, thù địch vì phân biệt ta và cái khác, không biết đâu là quê nhà, như một chàng cùng tử lang thang nghèo khổ. Nay thì lọt vào tầng tâm linh, biết mình là cái gì, khuôn mặt xưa nay của mình là gì, trời đất quang cảnh chung quanh là gì, do đó mà sung sướng, hoan hỷ.

Kinh điển nói bước đầu tiên lọt vào thế giới chân thật này là Hoan hỷ địa. Từ đây mới sống, từ đây mới hoan hỷ vì biết đời sống thực chất là gì, mới biết cõi Phật thanh tịnh là sao. Còn trước kia, nói theo người xưa, sống chỉ là cuộc đời “ôm xác chết”. So với thế giới chân thật này thì thế giới trước kia chỉ là hư giả, và vì hư giả cho nên đem lại khổ đau.

Trong *Phóng cuồng ca*, Huệ Trung thượng sĩ cũng vô tình tiết lộ bước đầu tiên đi vào thế giới chân thật ấy:

*Lúc hứng thời hể, sáo không lỗ
Cõi tịnh đốt hể, giải thoát hương
Mỗi nghĩ chút hể, Hoan hỷ địa
Khát uống no hể, nước tiêu dao.*

Đó là nơi bắt đầu của đời sống đích thực. Cũng có nghĩa là con người cũ kỹ, cùng khổ phiêu giạt chết đi, nhường chỗ cho sự sống miên viễn, “thọ mạng của Như Lai” (*Kinh Pháp Hoa*). Đó là lúc “cùng thờ một lỗ mũi với các bậc giải thoát”. Đó là đời sống chân thật, mọi sự đều nằm trong nền tảng chân thật mà đạo Phật gọi là Phật tánh thường lạc ngã tịnh. Còn trước kia chỉ là một cuộc đời trống rỗng, giả tạo, kết thành bằng những ảo tưởng và phiến não hư vọng, tìm khắp nơi trên trái đất này mà chẳng biết đích thật mình là ai, là cái gì. Chính cuộc sống giả tạo, không rõ biết đó đã gây ra khổ đau, phiến não, tham sân si, kiêu căng, ghen ghét... Trong đời sống đích thật này mọi tương quan với người khác, với sự vật đều trở thành đích thật, không còn bị che ám bởi kiêu căng, ganh ghét, gây hấn. Tương quan đích thật ấy chính là lòng từ bi vì không còn cái ta và cái của ta ngăn chia mình với người khác và với thế giới. Tương quan đích thật là lòng từ bi, và có từ bi thì hoan hỷ, vui vẻ, thấy đời đáng sống.

Khi thấy và sống được nền tảng của mọi hiện tượng của đời sống, đó cũng chính là trí huệ. Trí huệ là một phẩm tính tự nhiên của đời sống chân thật. Sống được trí huệ thì chỉ một câu kinh như “Phàm hể có tướng đều là hư vọng” hay “Thế gian lia sanh diệt, giống như hoa

trong không, trí chẳng đắc có không, mà hưng tâm đại bi”, cũng làm người ta vui khoái, cười ha hả, hoan hỷ cả ngày. Nếu từ bi đem lại hoan hỷ ấm áp cho cuộc sống thì trí huệ cũng đem lại hoan hỷ của tự do, giải thoát. Thấy tất cả đều vô tự tánh thì có gì mà không vui. Đó là sự sáng tỏ, đời sống không còn những bóng ma của áp bức, ngăn ngại và nghi ngờ.

Đời sống đích thật ấy là cái đạo Phật gọi là Pháp thân, hay “thật tướng của tất cả các pháp”. Một khi thấy được Nó, sống được Nó, dần dần đi sâu vào đời sống đó. Càng đi sâu vào đời sống đó người ta càng trở lại trẻ thơ. Sự tu hành của trẻ thơ là cuộc chơi đùa không chướng ngại:

*Bất cứ tư tưởng nào sanh khởi sẽ cùng một vị
Pháp thân:*

*Không cần gì phải lấy-bỏ, tất cả ở trong Niết-bàn
trọn vẹn...*

*Với những hành động của người huyễn, thoát
ngoài lấy-bỏ,*

*Để chuyển nghịch cảnh vào con đường và để hợp
nhất thiên định và xuất định,*

*Hãy đi đến đỉnh núi, nghĩa địa, đảo hoang, chợ
búa...*

Những nơi chốn làm cho tâm dao động

*Và hãy để cho thân nhảy nhót, miệng hát những
bài ca*

Và tâm phóng chiếu đủ thứ tư tưởng:

*Hãy nấu chảy chúng hòa với cái thấy và thiên định
của tự giải thoát tức thì khoảnh khắc.*

(Longchenpa, *Phật tâm*, chương Tâm giải thoát tự nhiên: Đại Toàn Thiện, Thiện Tri Thức, 2001).

Cho đến khi những sanh, già, bệnh, chết rơi rụng hết, thì “sanh diệt đã diệt, tịch diệt là vui” (*Kinh Đại Bát Niết-bàn*). Khi ấy người ta hoàn toàn là một trẻ thơ (Đồng chân địa). Trẻ thơ vì không còn hy vọng và lo sợ (Vô nguyện), không còn bị các tướng của sanh tử làm ngăn ngại (Vô tướng), và vì tất cả đã trở về thật tánh và thật tướng của chúng (Không).

Trẻ thơ vì chưa từng bị nhiễm ô bởi sanh tử, bởi vì rất ráo sanh tử chưa từng có. Khi thấy sanh tử là không có thật, không có tự tánh, thì vui cười: “Sanh tử nhàn mà thôi”.

Đoạn cuối một bài thơ kệ của Huệ Trung thượng sĩ nói:

*Sanh tự vọng sanh, tử vọng tử
Bốn đại vốn Không, từ đâu khởi
Chớ như hươu khát đuổi ngọn cỏ
Chạy đông chạy tây không tạm nghỉ.
Pháp thân không đến cũng không đi
Chân tánh không phải không chẳng phải
Đến nhà thôi chớ hỏi tìm đường
Thấy trắng nào khổ tìm ngón chỉ
Kẻ mê điên đảo sợ sanh tử
Người trí thấy ra, nhàn mà thôi.*

(Sanh tử nhàn thôi vậy) ■

Chiêm nghiệm về Bảy điều kiên thịnh suy Phật dạy

PHAN MINH HIỀN

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn thuộc tuyển tập Trường Bộ kinh (tương đương kinh Du hành thuộc tuyển tập Trường A-hàm)⁽¹⁾ có ghi lại sự việc vua A-xà-thế (Ajatasattu) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) phái một đại thần đến thỉnh ý Đức Phật về việc ông muốn cất binh đánh xứ Bạt-kỳ (Vajji). Đức Phật đã trả lời như sau:

1. Khi nào dân Bạt-kỳ thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

2. Khi nào dân Bạt-kỳ tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết.

3. Khi nào dân Bạt-kỳ không ban hành những luật lệ không nên ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Bạt-kỳ.

4. Khi nào dân Bạt-kỳ tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Bạt-kỳ và nghe theo lời dạy của những vị này.

5. Khi nào xứ Bạt-kỳ không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Bạt-kỳ phải sống với mình.

6. Khi nào dân Bạt-kỳ tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Bạt-kỳ ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

7. Khi nào dân Bạt-kỳ bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Bạt-kỳ, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

Khi nào bảy pháp bất thối trên còn được duy trì giữa dân Bạt-kỳ, khi nào dân Bạt-kỳ được giảng dạy bảy pháp bất thối này thì dân Bạt-kỳ được hưng thịnh, hùng cường (không ai có thể xâm phạm).

(Theo bản dịch của HT.Thích Minh Châu)

Điều thứ nhất Đức Phật dạy là sự hòa hợp trong dân chúng và trong tổ chức chính trị. Những người có trách nhiệm quản trị đất nước phải thường hội họp để luận đàm về đường lối chính trị và chủ trương, chính sách ích nước, lợi dân. Cùng nhau trao đổi, thảo luận trong tinh thần hòa hợp vì mục tiêu chung; khắc phục, sửa đổi những sai lầm, khiếm khuyết trong chủ trương, chính sách.

Người dân biết quan tâm các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, thường tụ họp bàn luận và đóng góp

ý kiến cho các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý. Người dân thường cùng nhau trao đổi, thảo luận về đời sống, nghề nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết để giúp nhau phát triển, tiến bộ.

Ngoài ra, lời dạy này còn có ý nghĩa mọi thành phần xã hội có sự cư xử bình đẳng với nhau, tôn trọng lẫn nhau, không có sự kỳ thị, phân biệt giàu nghèo, quý tiện hay thuộc giai cấp, chủng tộc nào. Bởi vì có sự bình đẳng không phân biệt mới có sự tụ họp đông đảo để bàn luận, trao đổi các vấn đề xã hội, quốc gia hay đời sống cá nhân, gia đình.

Điều thứ hai là xây dựng khối đại đoàn kết: Đoàn kết giữa các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý; đoàn kết giữa chính quyền và nhân dân, trên dưới một lòng vì sự giàu mạnh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân.

Một quốc gia mà nội bộ không có sự đoàn kết, chia năm xẻ bảy, bè đảng phe phái kinh chống lẫn nhau, chỉ biết chuyên quyền, tư lợi thì sớm muộn gì cũng xảy ra ngoại xâm, nội loạn. Đây là điều hết sức quan trọng không thể xem thường.

Điều thứ ba là tinh thần thượng tôn pháp luật và giữ gìn truyền thống dân tộc. Không tùy tiện đặt ra những luật lệ mới, không ban hành pháp luật mà không có sự thông qua Quốc hội, Chính phủ, không có sự trưng cầu ý dân, không có sự thống nhất ý kiến giữa các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý, các cơ quan, ban ngành.

Luật pháp được ban hành phải hướng đến quyền lợi của người dân và lợi ích đất nước. Những điều luật hữu ích phải được giữ gìn, không được tùy tiện sửa đổi hoặc bỏ đi.

Còn vấn đề truyền thống? Truyền thống lâu đời của dân tộc cần phải được giữ gìn nếu đó là những cái hay, cái đẹp, có giá trị. Nếu đánh mất truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc chẳng khác nào đánh mất chính mình, đánh mất sinh mệnh, cái hồn của một quốc gia.

Điều thứ tư là kính trọng các bậc trưởng thượng, những người cao tuổi có nhiều kinh nghiệm hiểu biết, thường lắng nghe ý kiến của họ. Cũng như ở Việt Nam ta dưới thời nhà Trần, Thượng hoàng Trần Thánh Tông đã mở Hội nghị Diên Hồng vào tháng Chạp năm Giáp Thân 1284, mời các bô lão họp lại bàn việc nước. Đặc biệt, đối với người già, xã hội phải có chế độ ưu đãi, hỗ trợ.

Điều thứ năm, xã hội có an ninh, trật tự. Không có tệ



nạn áp bức, bóc lột; hà hiếp, bắt cóc, cưỡng ép phụ nữ làm tỳ thiếp, làm nô lệ. Không có hiện tượng bất bình đẳng giới, người phụ nữ phải được tôn trọng.

Điều thứ sáu là có văn hóa tín ngưỡng, có đời sống tâm linh; tôn trọng truyền thống. Bất cứ một dân tộc, quốc gia nào cũng có truyền thống văn hóa, tín ngưỡng riêng của mình, bên cạnh đó đời sống tâm linh cũng có vai trò vô cùng quan trọng. Bởi vì cuộc sống luôn có những nhu cầu ở hai phương diện vật chất và tinh thần. Con người cần có đời sống tinh thần, tâm linh để cân bằng với đời sống vật chất. Đời sống tinh thần, tâm linh cũng giúp cho con người khắc phục những khó khăn, nghèo nàn trong đời sống vật chất, nó làm điểm tựa cho con người đứng vững giữa dòng đời thiên biến.

Điều thứ bảy Đức Phật dạy là phải biết kính trọng các bậc thánh nhân, các bậc xuất trần thượng sĩ, các bậc hiền nhân, minh triết có tài năng và đức độ. Bởi những người này là đại diện cho đời sống đạo đức thanh cao, thiện mỹ, luôn là tấm gương cho mọi tầng lớp xã hội noi theo. Xã hội, quốc gia phải bảo hộ họ, trọng dụng tài năng, sự đóng góp, cống hiến của họ.

Một xã hội không quý trọng người hiền tài thì không thể nào phát triển, tiến bộ. Một xã hội không biết kính trọng người hiền đức, không trân quý điều thiện, sống theo điều thiện thì xã hội đó không có nền tảng vững bền, con người không có cuộc sống yên ổn vì mất an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Đất nước Việt Nam ta vào thời đại Lý, Trần đã thực hiện rất tốt những điều này. Các vị vua anh minh luôn làm tấm

gương đạo đức cho thần dân trong nước. Các vị xuất gia thường được mời vào triều để vua cùng quần thần hỏi đạo và bàn chính sự. Đạo đức rất được coi trọng, người dân luôn quan tâm đời sống đạo đức và văn hóa tinh thần. Mọi thành phần xã hội đều đoàn kết một lòng trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước và chống giặc ngoại xâm. Chính vì thế mà đất nước ta thời bấy giờ hùng cường, nhân dân sống trong thái bình an lạc. Thời Lý đã từng truy đuổi giặc xâm lăng nhà Tống đến tận lãnh thổ Đại Tống, thời Trần đã từng ba lần đánh bại giặc Nguyên-Mông hùng mạnh nhất lúc bấy giờ.

Cho đến ngày nay, những lời dạy của Đức Phật vẫn còn nguyên giá trị. Chính vì người dân xứ Bạt-kỳ thời đó có được Bảy pháp bất thối này mà nước Ma-kiệt-đà không dám xâm chiếm. Đức Phật cho biết, khi nào người dân xứ Bạt-kỳ còn thực hiện tốt Bảy pháp bất thối đó thì xứ Bạt-kỳ luôn vững mạnh, không chỉ Ma-kiệt-đà mà bất kỳ quốc gia nào cũng không thể xâm phạm. Thiết nghĩ, hôm nay sau hơn hai mươi lăm thế kỷ, nếu xứ sở nào, quốc gia nào biết vận dụng tốt những lời dạy đó chắc chắn sẽ thu được nhiều thành tựu tốt đẹp trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. ■

Chú thích:

(1) *Kinh Đại Bát Niết-bàn* (Mahàparinibbàna sutta), kinh số 16 thuộc *Trường Bộ Kinh* (Digha Nikaya), tương đương kinh Du hành, kinh số 2 thuộc *Trường A-hàm*. Nội dung hai bài kinh này cũng tương tự phẩm kinh Vajji (Bạt-kỳ), chương Bảy pháp của *Tăng Chi Bộ Kinh*.



Thiền định Shamatha

Luyện Tâm

SAKYONG MIPHAM RINPOCHE
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

“Quá trình hóa giải sự hoang mang bối rối dựa trên việc làm cho tâm chúng ta ổn định và thêm sức mạnh cho tâm. Chúng ta thực hiện việc này bằng cách thực hành thiền tĩnh lặng hay thiền chỉ (Shamatha meditation)” Sakyong Mipham Rinpoche đã nói như vậy.

Đôi khi chúng ta quên giáo lý của Đức Phật đã hình thành như thế nào. Chúng ta quên tại sao Đức Phật lại từ bỏ cung điện của vua cha mà ra đi. Ngài không hài lòng với một ảo tưởng và Ngài muốn hiểu cuộc đời của mình – chính bản thân cuộc đời. Cũng giống như Đức Phật, phần đông chúng ta mong muốn khám phá một chân lý nào đó về cuộc đời của chúng ta. Nhưng có thật là chúng ta có thể biết được những gì đang xảy ra? Đây là một câu hỏi có liên quan đến cái chân lý sâu sắc nhất của giáo lý Đức Phật. Câu trả lời của Đức Phật là “Vâng. Rất cực rồi chúng ta cũng có thể. Nhưng chúng ta cần phải có một quá trình thiền định để tìm ra, bởi vì về bản chất, chúng ta đang ở trong một trạng thái hoang mang bối rối”. Tại sao chúng ta hoang mang bối rối? Bởi vì chúng ta không hiểu được

tâm của chúng ta vận hành như thế nào.

Quá trình hóa giải sự hoang mang bối rối dựa vào việc nuôi dưỡng năng lực làm quen với tâm, củng cố và gia tăng sức mạnh của tâm chúng ta. Ý thức được và tinh mắt quan sát những gì đang xảy ra trong tâm chúng ta cho chúng ta cơ hội để lúc nào cũng nhìn thấy một cấp độ chân lý sâu sắc hơn. Trong việc thực hành thiền định, chúng ta học cách để có được một cách nhìn rộng lớn hơn, thay vì lúc nào cũng suy nghĩ nhỏ nhặt.

Đức Phật đã hiểu rằng nếu chúng ta muốn thực hiện một quá trình gì đó – không nhất thiết là một quá trình tâm linh mà có thể là một quá trình trong cuộc sống bình thường như là học hành hay kinh doanh – chúng ta cần một cái tâm có thể hoạt động được. Chúng ta cần một cái tâm mà chúng ta có thể trông cậy. Đó là

khái niệm luyện tâm, làm cho tâm có thể hoạt động được để cho nó có thể làm những gì nó cần làm.

Thiền shamatha hay là thiền chỉ (tĩnh lặng, ngưng bật, an bình) là cách chúng ta làm cho cái tâm này, ổn định hơn, hữu dụng hơn. Theo quan điểm này shamatha không thuần túy là một cách thực hành của người Phật tử; nó là một cách thực hành bất kỳ ai cũng có thể làm được. Nó không gắn kết với một tôn giáo nào hết. Nếu chúng ta muốn hóa giải sự hoang mang bối rối, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu tâm là gì và nó hoạt động như thế nào, không liên quan gì đến tín ngưỡng của chúng ta.

Chữ shamatha trong tiếng Phạn có nghĩa là “yên tĩnh dài lâu”. “Yên tĩnh dài lâu” miêu tả bản chất tự nhiên của tâm. Chữ “yên tĩnh” nói lên toàn bộ ý nghĩa. Bản chất của tâm là tràn ngập niềm vui, tĩnh lặng và rất trong sáng. Trong thiền shamatha chúng ta không tạo ra trạng thái yên tĩnh – điều ta làm trước tiên là chúng ta để cho tâm chúng ta như nó vốn vậy. Điều này không có nghĩa là làm ngơ một cách bình thản trước mọi sự. Điều này có nghĩa là tâm có thể duy trì trạng thái tự nhiên của nó mà không thường xuyên tách rời trạng thái đó.

Trong thiền định, chúng ta tập cách giữ lâu dài trạng thái yên tĩnh: Chúng ta học cách để cho chính mình ở trong trạng thái yên tĩnh. Nếu chúng ta có thể nhớ ý nghĩa của chữ “shamatha” chúng ta có thể luôn luôn dùng chữ đó như là một điểm tham khảo trong việc tập thiền định của chúng ta. Chúng ta có thể nói, “Chúng ta đang tập thiền định gì đây? Đây là shamatha – duy trì lâu dài sự an bình tĩnh lặng”.

Trong lúc đó chúng ta bắt đầu thấy rằng tâm chúng ta không phải lúc nào cũng ở trong trạng thái an bình tĩnh lặng. Có thể nó đang ở trong trạng thái bức bối, giận dữ, ghen ghét. Nhìn thấy được tất cả chuyện này là cách chúng ta bắt đầu gỡ bỏ sự hoang mang, bối rối của chúng ta.

Thiền định là một sự luyện tập rất riêng tư. Giống như Đức Phật, chúng ta có thể tiếp cận nó bằng phương pháp nhận thức giá trị. “Điều gì thực sự có giá trị? Chân lý của trải nghiệm của chúng ta là gì?” Chúng ta bắt đầu ý thức được rằng chúng ta không biết, và chúng ta đâm ra hiếu kỳ muốn biết.

Khi cố gắng tìm hiểu như vậy chúng ta nhảy nhanh từ câu hỏi qua câu trả lời, mỗi câu trả lời mới lại đưa đến một câu hỏi mới. Và nếu chúng ta kiên trì tiếp tục như vậy chúng ta bắt đầu trải nghiệm một chân lý khác mà Đức Phật cũng đã khám phá ra: Trong mỗi tình huống, có một thể liên tục của chân lý. Mỗi câu trả lời được nối tiếp một cách tự nhiên với một câu hỏi kế tiếp. Liên một mạch, không có ngắt quãng.

Với loại thực hành và tính hay dò hỏi này, Đức Phật đã biết cách nhìn quang cảnh cuộc sống một cách rõ ràng và khách quan. Khi bắt đầu thuyết giáo, Ngài chỉ

tường thuật lại những gì Ngài quan sát thấy: “Đây là điều Ta thấy. Đây là chân lý về mọi sự”. Ngài không trình bày bất kỳ quan điểm đặc biệt nào. Ngài không thuyết giảng giáo điều; Ngài chỉ rõ thực tế. Chúng ta quên điều này. Ví dụ như phần đông chúng ta nói rằng một trong những lời dạy cốt yếu trong Phật giáo là nghiệp. Nhưng Đức Phật không sáng tạo ra nghiệp; Ngài nhìn thấy nghiệp và thừa nhận nó. Nói rằng nghiệp là một niềm tin của đạo Phật thì chẳng khác gì nói Phật tử tin rằng nước là ẩm ướt. Và nếu bạn là Phật tử thì bạn cũng phải tin rằng lửa thì nóng.

Trong thiền định, điều chúng ta làm là nhìn trải nghiệm của chúng ta và nhìn thế giới một cách thông minh. Đức Phật nói rằng đây là cách ta tập nhìn vào bất kỳ tình huống nào và hiểu chân lý của nó, thông điệp thật sự của nó, thực tế của nó. Đây là điều Đức Phật đã làm – và tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật, cho dù chúng ta có là Phật tử hay không. Chúng ta đều có năng lực nhận ra được cái tâm an bình một cách tự nhiên của chúng ta, nơi không có chút hỗn loạn rối rắm nào. Chúng ta có thể dùng sự trong sáng của tâm chúng ta để tập trung vào bất kỳ điều gì chúng ta muốn. Nhưng trước tiên chúng ta phải điều phục tâm của chúng ta thông qua thiền định shamatha.

Có thể chúng ta liên kết thiền định với chuyện tâm linh bởi vì khi chúng ta trải qua một giây phút yên tĩnh dài lâu, giây phút đó có vẻ như cao siêu huyền bí lắm. Tâm chúng ta không còn bị trôi giạt, nghĩ ngợi về vô số chuyện nữa. Mặt trời mọc và một cơn gió nhẹ mát mẽ thổi qua – và bỗng nhiên chúng ta cảm nhận được cơn gió thoảng và chúng ta thấy rất hứng thú. Chúng ta nghĩ, “Đó là một trải nghiệm rất có tính tâm linh! Một trải nghiệm mang tính tôn giáo! Trải nghiệm này chí ít cũng đáng cho chúng ta làm một bài thơ hay viết một lá thư thăm nhà! Tuy nhiên tất cả chuyện đang xảy ra là chúng ta hòa hợp với tâm của mình trong giây lát. Tâm chúng ta đang ở đây và dễ hòa hợp. Trước đây chúng ta bận rộn và hoang mang quá nên chúng ta không chú ý đến cơn gió thoảng. Tâm chúng ta không thể ở yên đủ lâu để ngắm mặt trời mọc dù chuyện này chỉ mất hai phút rưỡi. Bây giờ chúng ta có thể giữ cho tâm ở yên đủ lâu để nhận biết và thưởng thức những cảnh đẹp quanh chúng ta. Bây giờ chúng ta đang thực sự ở đây. Thật ra chuyện này là bình thường. Chúng ta có thể điều phục tâm của chúng ta. Chúng ta có thể luyện tâm làm cho tâm trở nên hữu dụng và hoạt động được.

Đây không phải vấn đề ta có là Phật tử hay không, nó là vấn đề của con người nói chung. ■

Nguồn: *Shamatha Meditation: Training the Mind*, Sakyong Mipham Rinpoche, *Shambhala Sun* số tháng Năm 2002.

Sakyong Mipham Rinpoche là người giữ truyền thừa của phái Shambhala Buddhist do người cha đã quá cố của ngài là Chogyam Trungpa Rinpoche thành lập.



Thầy và trò, ngày ấy - bây giờ

VÕ TÂN KHANH

Tôi không rõ cơ duyên nào và cảm giác ra sao, cũng như thời gian, không gian của buổi đầu đi học thế nào. Hành động hoàn toàn theo bản năng và hoàn cảnh cuốn lôi, đùn đẩy.

Sau này lên lớp trên, phải học thuộc lòng đoạn văn của Thanh Tịnh, tôi thực sự xúc động, và chợt nghĩ đến mình, rung rúc tử thân. Tôi không được cái điểm phúc: "... *âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường làng...*". Nhà nghèo, đông em nhỏ. Má tôi, người phụ nữ quen ẩn nhẫn, quần quanh với bếp núc, nhà cửa; còn ba tôi, do thời cuộc phải canh cánh công việc

ở đình làng, rảnh chút nào là lo xướng vờn, lui cui trồng tươí. Giặc giã, loạn lạc, tản cư, ăn nhờ ở đậu, lớn lên phải đi học để bớt đi chơi... Thế thôi.

Trường học là ngôi nhà gạch kang trang, có hai phòng rộng rãi, vốn do một ông điền chủ lớn xây cúng cho làng, có sân rộng, nằm sát mé Tây đình làng, nơi ba tôi làm việc. Phía Bắc là đường cái chính, có hàng rào và hàng cây lim rợp mát, phía Nam là đồng lúa ngát hương bốn mùa. Bây giờ, nhắm mắt, tôi vẫn hình dung môn một, dù qua năm tháng, biển dâu đã lớp lớp trùng trùng.



Đó là buổi sáng sớm đầu tháng Chín năm 1952. Tôi không nhớ ai đã đưa tôi vào lớp. Học trò thiết đông và đủ mọi lứa tuổi, ngồi hai dãy: Dãy trái nhìn lên bảng là lớp Năm (lớp Một bây giờ) và bên kia là lớp Tư. Tôi ngồi lớp Năm, chen chúc đủ mọi hạng và lẫn lộn cả nam lẫn nữ. Giáo viên là một thầy tên Cảnh, dạy chung cả hai lớp. Thầy có vẻ quan tâm đến tôi, có lẽ do vì kính và nể ba tôi. Phía bên kia, lớp Tư (nay là lớp Hai), nhiều anh chị lớn tuổi, và đã ngồi lớp này nhiều năm bởi một lý do dễ hiểu là... không có lớp để học lên! Thời gian đầu, vì là học trò mới, thầy Cảnh lấy vở của tôi đưa cho một anh lớp Tư chép bài giùm để học, không hề biết là tôi đã biết đọc biết viết. Trước tân cư, má tôi, người phụ nữ duy nhất của làng đã đỡ đầu lớp *Bình dân học vụ*, được phân công dạy xóa mù cho bà con quanh vùng và thường dắt tôi theo. Nhờ sáng dạ, tôi học lóm và rất tự nhiên biết đọc biết viết, để rồi làm... "*phụ giảng*" cho má.

Tôi học lớp Năm khoảng hai tháng, biết làm thêm môn Toán pháp (bốn phép tính) và tính đổ (có lời giải).

Thầy Cảnh hay vắng lớp, giao cho một anh lớp Tư coi trật tự, chép bài cho lớp Năm học và phân công chép bài lên bảng cho lớp Tư chép theo. Qua Tết, một hôm thầy coi vở tôi và bất ngờ phán "*cho trò Kh.qua ngồi lớp Tư*". Vậy là chưa đầy nửa niên khóa, tôi đã được... *lên lớp!* Tôi hòa nhập rất nhanh. Thấy vậy, má tôi cho thằng em trai kém tôi ba tuổi theo đi học luôn, nhưng nó đi chơi là chính. Giờ chơi kéo dài rất lâu, vì ngày học hai buổi. Trống đánh, hai anh em chạy về nhà lấy... cơm nguội để trong cối xay, rắc muối trắng, bốc ăn. Cũng thời gian đầu đời làm học trò này, tôi biết thêm được nhiều bài hát và trò chơi mới. Mỗi buổi sáng, sáng nào cũng vậy, học trò hai lớp đứng xếp hàng ngay ngắn giữa sân để làm lễ chào cờ. Cột cờ là một cây cau già, khô, thật cao và lá cờ được một anh lớp Tư kéo lên bằng sợi dây dứa. Tôi nhớ người hay được đứng ra hô lệnh tên là Cảnh Dũng, nay đã mất, tác phong rất là oai vệ. Giờ chơi đôi bữa một lần, vào buổi chiều, kết hợp môn "*Hoạt động Thanh niên*", thầy Cảnh cho chúng tôi ngồi thành vòng tròn. Thầy giảng và tập cho chúng tôi bài hát *Frère Jacques* lời Việt "*Trời mưa xuống rồi - Trời mưa xuống rồi!... Nước đầy ao nghe con chim nó kêu "hoạch"...*". Sau này đi học ở trường tỉnh, tôi hát được dễ dàng lời tiếng Pháp "*Frère Jacques! Frère Jacques! Dormez Vous! Dormez Vous! Sonnez les matines! Sonnez les matines!...*". Sau đó, chia thành nhóm, chơi trò "*Bịt mắt bắt dê*", "*Bỏ khăn*", "*U mơi*".... Thầy vừa hướng dẫn, vừa chỉ huy và có lúc cùng vui chơi với chúng tôi, dù nghe nói thầy rất dữ đòn. Vậy mà trong suốt năm học, tôi chưa hề bị đòn. Trong lớp, lúc nào thầy cũng có sẵn một cái roi tre mà không có bữa nào cái roi vô dụng, và cái này nát, thầy đã có ngay cái roi mới. Cũng trong năm học duy nhất ở trường làng, Tết xong, còn xuân, theo định kỳ, đình làng tế Thành hoàng. Sau buổi tối tôi dắt em đi coi lễ rước sắc đến khuya, chiều hôm sau, đình "*đãi tiệc*" học trò. Chúng tôi xếp thành hai hàng, thầy Cảnh dẫn vào sân Tiền Hiền dự tiệc. Cỗ bàn bày trên chiếu trải giữa sân gạch, học trò bên nam bên nữ được các cô chú dọn ăn, chăm sóc tử tế. Đó là lần đầu tiên tôi ăn đám cúng đình. Học trò được ưu tiên, chỉ ăn sau các cụ bô lão chức sắc nhưng vẫn được ăn trước dân làng, đám trẻ chần trâu ăn với những người "*tạp dịch*" sau cùng, vào xế trưa hôm sau. Xem thế đủ biết, hạng "*chữ nghĩa*" thời đó rất được làng xóm nể trọng!

Rồi cũng hết năm học. Tôi không biết thầy cộng điểm đánh giá thế nào mà cuối niên khóa, tôi được lãnh phần thưởng. Thầy phát thưởng ngay trong lớp, không tổ chức lễ rình rang, không có quan chức và phụ huynh học sinh như sau này. Phần thưởng, tôi nhớ rất rõ gồm có bốn quyển vở "*xích-lô máy*" và một cây bút chì. Tôi quý vô cùng và học hè, tôi cũng không dùng đến. Rồi thấy trò xa nhau.

Đời sống, nếu tin có số mệnh thì tôi nghĩ phận số mỗi người như có một sự sắp đặt vô hình định đoạt.



Tôi không hề nghe gia đình, ba má tôi bàn bạc hay nói gì về chuyện học hành của chúng tôi, thậm chí không quở quang gì đến bản thân tôi về việc học. Vậy mà, đang yên ổn vui chơi suốt mùa hè, khai giảng niên khóa 1953-1954, tôi đột nhiên biết mình phải ra tỉnh học. Việc đi học ở trường tỉnh, gọi là trường *Dinh*, của tôi cũng tạo sự ngỡ ngàng không ít cho lũ bạn nhà quê cũng như lũ bạn cùng học với tôi ở trường làng. Tôi thì chỉ biết nghe theo lời ba má, và hầu như không một chút xúc động nào ở thời điểm “*đổi đời*” này. Tất nhiên, tình duyên luyến vẫn còn nên khi đã đi học ở *Dinh*, ngày nghỉ thứ Năm hàng tuần, tôi vẫn về thăm trường cũ, lang thang quanh quẩn và cảm nhận sự thân thiết gần gũi giữa mình và ngôi trường, cảm xúc mà sau này khi lớn lên tôi mới biết rõ. Đó là thứ tình cảm đầu đời, rưng rưng khi nhớ đến, mãi về sau.

Thế nhưng, điều làm tôi cảm động mãi sau mới biết là, việc “*lên tỉnh*” của tôi hoàn toàn do sự sắp đặt của thầy Cảnh. Thầy nhìn thấy trước con đường học vấn mà tôi có thể đi được. Thầy ra vô bàn bạc với ba tôi trong đình, rồi làm tất cả giấy tờ, từ giấy khai sinh đến các loại hồ sơ cần thiết để mang về nộp ở Ty Giáo dục mà thầy quen biết. Tôi thì cứ lẳng lặng làm theo, lại không hề biết gì về sự quan tâm lo lắng của thầy. Tuổi trẻ hầu như rất đỗi vô tình. Cũng vậy, khi trọ học tại nhà một người quen với gia đình ở phố, tôi mới biết là thầy ở cùng dãy, chỉ cách nhà trọ tôi ba căn. Vậy là hằng ngày, thầy phải vác xe đạp lội hay đi đò qua sông, về tận làng tôi dạy học. Hầu như tôi rất ít, vì ngại thì đúng hơn, chủ động gặp thầy, cũng như thường lẩn tránh khi thấy bóng thầy phía trước, dù rất thương rất kính, có lẽ đó cũng là cung cách chung của thế hệ học trò thời đó.

Đầu năm 1953, chiến sự Đông Dương đến hồi ác liệt. Một buổi sáng đầu tuần, đứng ở bờ sân nhà trọ nhìn ra đường, tôi thấy thầy Cảnh đi trước một tốp lính cầm súng. Thầy nhìn lên hàng xóm vừa cười vừa nói như phân trần: “Tôi đã ký nhận lệnh gọi động viên rồi, chuẩn bị đi mà còn bị bắt nữa”. Hóa ra là bắt lính. Để đồn quân cho chiến trường, bọn Pháp cho lính lùng sục khắp nơi, tìm thanh niên, áp giải để tăng cường quân số đang hao

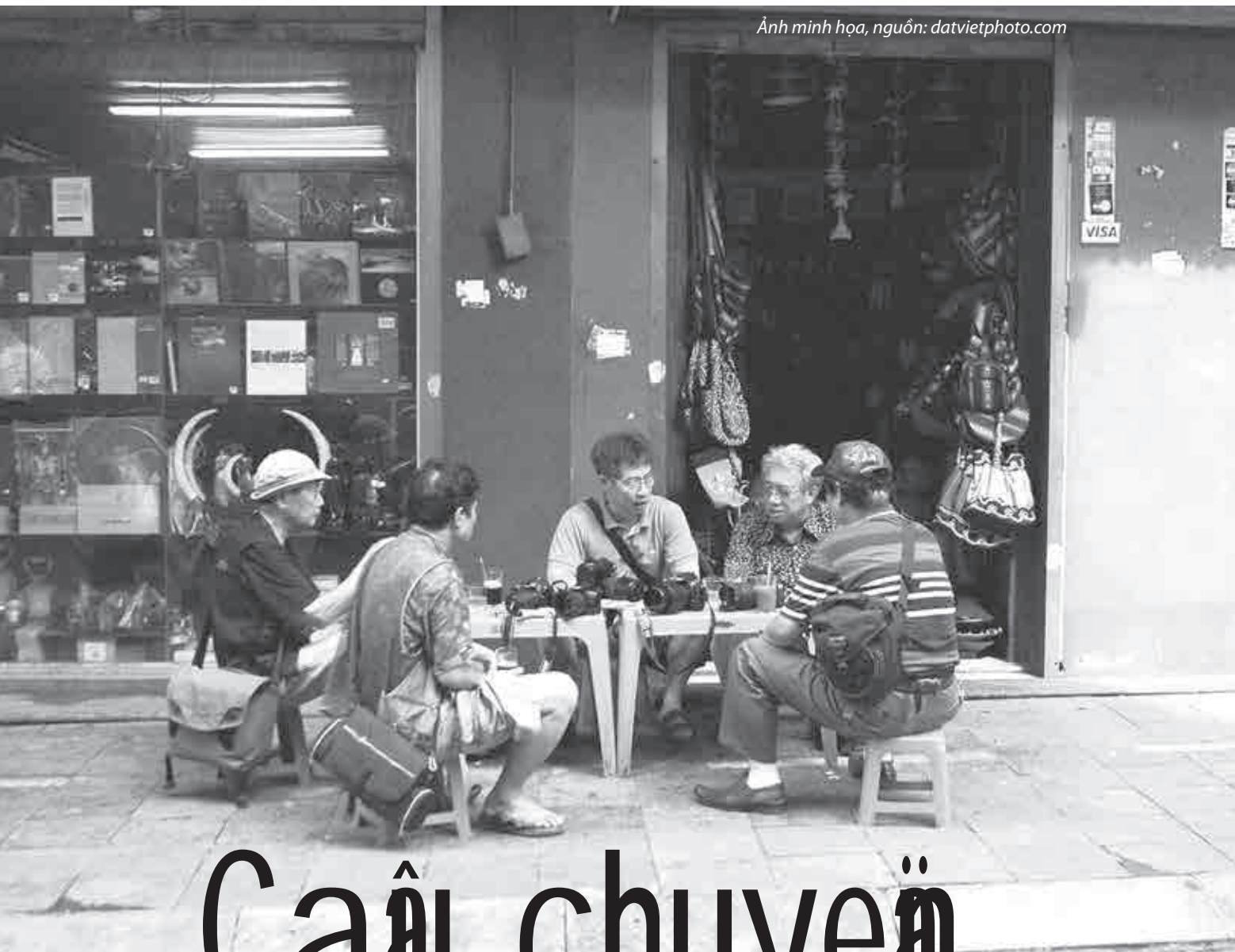
hụt. Sau đó, tôi chỉ biết là thầy Cảnh phải đi lính. Tôi xa thầy lần thứ hai và nghĩ là xa vĩnh viễn.

Vào đời, rất tự nhiên, tôi chọn nghề dạy học. Sau hơn bốn mươi năm lang thang khắp nơi theo nhu cầu điều động của ngành, gần cuối đời, tôi xin được về dạy ở quê, nơi ngày đầu đi học. Ngôi trường đã được xây mới, bề thế, học trò thật đông và hai cấp học chung: trung và tiểu học. Ngày nhận việc, tôi ngỡ ngàng đến thảng thốt là được tái ngộ với thầy Cảnh trong công việc của một người... bảo vệ, tức là ông *cai trường*! Sau chiến tranh, gia đình ly tán, thầy về lại trường xưa và với trình độ của thầy, người ta chỉ xếp cho thầy công việc đó. Thầy ở một mình trong căn chái vách đất, sau dãy nhà kho. Tôi vẫn gọi là Thầy, nhưng thầy e dè gọi tôi là... *chú* (vai em thân mật) khác với các giáo viên khác, có người từng là học trò của tôi, thầy phải gọi là thầy cô. Thầy làm việc chăm chỉ, rất trách nhiệm và thường bị lũ học trò tinh quái, nghịch ngợm trêu chọc, thậm chí chửi bới hỗn hào. Nhiều khi tôi thấy thật bất nhẫn, nhưng thầy vẫn tự nhiên và làm đúng chức trách của mình. Gần hết niên khóa, trường có đón một đoàn giáo sinh sư phạm về thực tập, tôi làm tổ trưởng bộ môn và hướng dẫn giáo sinh chuẩn bị ra trường. Khi tổng kết đợt thực tập, tôi điều đình xin mỗi giáo viên hướng dẫn cắt vài tiết phụ cấp, và trong buổi liên hoan tiễn đoàn, tôi trình trọng cảm số tiền này trao cho thầy Cảnh, lấy cớ là thầy cũng được phân công phục vụ đoàn thực tập. Thầy cảm động rưng rưng, cầm xấp tiền và nói như mếu, “Đã năm khóa thực tập ở trường này, đây là lần đầu tiên tôi được nhận phụ cấp!”...

Sau đợt đó, thầy về hưu trí. Trường cũng không tổ chức tiễn đưa gì cả. Đời sống lúc này quá đỗi khó khăn, ngoài việc nhà nước, ai cũng tìm cách tranh thủ làm ăn kiếm sống. Thầy lẳng lặng rời trường, và điều làm tôi vô cùng ân hận là đã không tìm gặp hay nói với thầy vài lời đưa tiễn. Dọ hỏi mãi mới biết là thầy về sống với một người con trai trên mảnh đất gia đình mà hợp tác xã đã thu hồi mới chia trả lại, ở bên kia sông làng tôi. Rồi cũng như mọi người, tôi quên hẳn, vì phải vật vã với miếng cơm manh áo thời bao cấp. Tôi chỉ biết tin thầy mất gần một tháng sau khi mọi việc đã yên bề. Cái chết của thầy thật vô cùng nghiệt ngã: một mình giữa rẫy bắp ngô, cúng đơ khi gia đình phát hiện. Tôi gọi thầm trong nước mắt: *Thầy ơi!*

Mấy năm gần đây, đời sống khá dần lên. Anh con trai của thầy về sống lại ở làng tôi, hằng năm đều có làm đám giỗ; tôi cũng được mời dự đôi lần để thắp hương cho thầy. Thế nhưng, khách khứa toàn là thế hệ mới, có cả các chức sắc địa phương, không có ai từng là học trò của thầy, có thể họ đã đi xa, đã mất hoặc không biết, cũng có thể người con của thầy không mời báo.

Nghề thầy, nói như người xưa, là *cái nghiệp*. Bao nhiêu thế hệ được thầy đưa dắt từ những bước đầu tiên trên đường đời, còn ai nhớ? ■



Câu chuyện ôu qua cà phê và heo..

NGUYỄN TRÍ CẨM

Quán xá ở cái thành phố này thì đây, cứ ra khỏi ngõ là gặp, nhưng uống cà-phê ở quán cóc vỉa hè buổi sáng sớm là cái thú của dân cố cựu Sài Gòn. Ngồi quán khi trời còn tờ mờ, đèn đường chưa tắt, không khí trong lành và không gian yên tĩnh. Ngồi nhâm nhi ly cà-phê và tha hồ "tám" chuyện trên trời dưới đất mà không bức mình như các quán ban ngày,

nhạc nhèo xập xình, nói chuyện như hét vào tai, lại còn đèn xanh đèn đỏ chớp tắt nhức cả mắt.

Hôm nay thầy Ba ra quán muộn, tay cầm tờ nhật trình phát hành sớm, thông tin cho mọi người rằng lại có thêm mấy ông làm "chức trách" tham ô bị bắt. Người trong xóm gọi là "thầy", không phải thầy Ba là thầy giáo dạy chữ, mà là vì ông hay luận về tướng số. Mọi người bàn chuyện dạo này sao có nhiều vị chức sắc vương

vòng lao lý, rồi cảm cảnh cho mấy vị mới trước đây tràn đầy danh vọng, quyền uy mà nay chịu cảnh thân bại danh liệt, vướng vòng tù tội. Hết chuyện trong nước rồi lại lan man bàn sang chuyện số phận của mấy ông bà tổng thống, thủ tướng xứ người mới hôm nào “tiền hô hậu ủng” là thế, mà nay người chết kẻ vào tù, hậu vận sao thiệt thê thảm.

Thầy Ba nghe xong kết luận một câu xanh đờn: “Ai cũng có số phận, định mệnh đã an bài thì phải chịu, cãi số trời sao đặng?”. Bà con ngồi nghe gật gù xem đây là cách lý giải có vẻ hợp tình hợp lý. Riêng bác Bảy nãy giờ ngồi lặng thinh, không tán thưởng cũng chẳng bài bác. Bác “triết lý” bằng quơ: “Hột cà hột ớt phơi khô, trộn trong chén, đố ai biết hột nào là hột cà, hột nào là hột ớt; nhưng, khi gieo xuống đất thì hột nào ra cây đó!”.

Thầy Ba vắn hỏi chú ý của bác Bảy ra sao, nói cái gì sao mập mờ khó hiểu quá! Bác Bảy trả lời rằng bác không tin cái gọi là “số phận đã an bài” hay có ông thiên ông tướng nào sắp đặt sẵn số phận cho mình. Bác nói rằng xưa cụ Tố Như làm thơ có câu: “*Đã mang lấy nghiệp vào thân – cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa*”. Tuy nhiên, dầu mệnh mình xấu, mình cũng có thể chuyển hóa được chứ phải nào hoàn toàn do số phận; mọi thứ cũng là do mình, nên cụ lại xác định rằng: “*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều!*”.

Cách bác Bảy giải thích không làm thầy Ba thỏa mãn nên thầy hỏi xốc tới: “bác Bảy nói rõ cho bà con nghe coi!”.

Bác Bảy thủng thẳng trả lời, vậy tui xin kể chuyện hồi còn ở quê cho bà con nghe chơi.

Ngày trước, cạnh làng tôi có một thầy tướng số có tiếng, coi tướng rất hay. Người ta đồn ai được ông xem tướng là có thể biết được hậu vận ra sao, nếu vận hạn xấu, ông bày cách cúng sao giải hạn cho tai qua nạn khỏi, mọi sự hanh thông. Nghe nói nhiều vị chức sắc, doanh gia nghe tiếng đồn tìm đến nhờ ông xem tướng; và vì vậy, danh tiếng của ông càng vang xa khắp nơi, khách tìm tới vô số.

Thời còn ở dưới quê, tôi mần ăn ạch đụi, làm hoài không thấy khá, nhớ có đứa bạn học chung lớp năm xưa ở trường huyện, nó là cháu ông thầy tướng, nên tôi nhờ nó hỏi giúp. Thầy nhận lời và xem tướng cho tôi. Theo thầy thì số phận, cuộc đời con người được thể hiện trên khuôn mặt, hình dáng, tướng đi hay tiếng nói. Từ đây, có thể biết được công danh, sự nghiệp, tình duyên gia đạo hay hậu vận của một đời người ra sao. Nói như vậy là khéo để tôi biết, tự an phận vì cung “tài lộc” hay “quan cách” của mình chỉ đến thế.

Tôi thắc mắc nói, ở quê tôi có ông Tư Có giàu có nhất làng, nhà ba gian khung trang lại thêm một vườn đầy cây kiểng quý, bạc tỉ. Ruộng vườn của ông không nhiều, chỉ có năm ba mẫu gì đó nhưng từ khi có chương trình đồn điền đổi thửa làm cho ruộng đất của cái xứ này đã

hết manh mún, nhỏ lẻ nên ông sắm mấy cái máy gặt đập liên hợp; sau thấy làm ăn được, ông mua thêm ba bốn cái nữa, không kể cả chục cái máy cày, lớp để phục vụ cho ruộng nhà, lớp cho làng trên xóm dưới chạy mướn nên càng ngày làm ăn càng khấm khá, con cái có đứa du học nước ngoài; nhưng tướng mạo ông thì cực kỳ xấu xí: răng hô, hai mắt to nhỏ bất đồng, chân lại đi bước thấp bước cao... Nói chung, theo như nhân tướng học mà thầy nói, thì người này thuộc phận hạ tiện, cuộc đời vất vả, hậu vận rất xấu, không có được cục đất liệng chim, nói chi khi chết có được tấc đất chôn thân!

Ông thầy tướng số có vẻ không tin nhưng cố vớt vát nói rằng với người tướng mạo như vậy, thì không đời nào là người có số phú quý, giàu sang được, chắc người này phải có quý tướng ẩn tàng gì đây, nên nói có dịp dẫn ông về quê xem tướng một phen.

Một hôm, nhân dịp thuận tiện, tôi ghé thăm và mời thầy về làng. Trên đường đi, thầy dặn chỉ nói là thầy xin đến coi vườn kiểng quý thôi. Khi vừa đến cổng thì thấy ông Tư đang bận rộn cắt tỉa mấy chậu kiểng trước sân. Vốn hiếu khách, thấy tôi dẫn khách đến, ông dừng tay, đơn đả mời vào dùng trà rồi đi thăm kiểng, và tiện thể mời ở lại dùng cơm trưa.

Chủ khách nói chuyện quanh mâm cơm khá cời mở, và ông thầy tướng âm thầm quan sát tướng mạo chủ nhà. Như theo lời ông nhận xét thì quả không sai, ông Tư này từ tiếng nói, dáng đi, khuôn mặt hay ngoại hình nói chung đều thuộc dạng “phá cách”, không chết yếu là may chứ đừng nói đến chuyện giàu sang hay nay đã ngoài tuổi “xưa nay hiếm”.

Cơm nước xong, chủ nhà trải chiếu mời khách nghỉ trưa, đợi trưa bớt nắng thì mời cùng đi thăm ruộng luôn cho vui. Đến quá trưa thì mọi người lên đường ra ruộng. Đứng trên gò đất nơi người làng lập cái miếu thờ cô hồn dưới gốc cây đa cổ thụ, nơi cánh thợ gặt, thợ cấy thường nghỉ trưa trong mùa vụ, và từ đây có thể nhìn bao quát hết cánh đồng. Ông say sưa chỉ hết khoảnh ruộng đang rộ chín vàng này đến đám khác vừa nói năm nay trúng mùa, sáu, bảy tấn một mẫu ăn chắc thì đột nhiên ông khe khẽ khoát tay ra dấu bảo chúng tôi lánh mình sau cái miếu cô hồn. Khoảng mười phút sau ông lại hối đi tiếp! Ông thầy và tôi chẳng biết vì sao bỗng dưng ông Tư lại có hành động kỳ quặc như vậy.

Trên đường về, ông thầy tướng nói với tôi rằng sẽ hỏi tại sao ông Tư này lại có hành động lạ lùng như thế. Nhưng khi vừa về đến nhà, chủ nhà lại hối thúc vợ con chuẩn bị ít đồ nhắm đãi khách nên thầy thấy chưa tiện hỏi. Rượu uống vài chung đã lâng lâng, chủ khách chẳng cần khách sáo cởi áo để hưởng chút gió đồng trong lành. Ông thầy tướng, máu nghề nghiệp nổi lên, âm thầm quan sát chủ nhà nhân lúc chủ nhân để lộ trần cả thân mình, chỉ còn trần trụi cái quần đùi! Nhưng

thật thất vọng, vì ông cũng chẳng tìm thấy một chút gì để bám víu, để luận là cái giàu của chủ nhà là nhờ có “quý tướng” tiềm ẩn như ông nghĩ cả!

Đang khể khà chợt bác Tư kêu vợ lại, dặn mang ít tiền, ít lúa sang cho nhà thằng Út Thêm, nói là giúp má nó bệnh, hỏi nó có cần gì thì cứ nói, đừng ngại. Ông thấy tướng sẵn dịp bắt chuyện hỏi tới chớ Út Thêm là bà con trong họ hay sao. Ông Tư trả lời rằng thằng này chẳng phải bà con họ hàng gì cả, mà là cái thằng cất lúa trộm hồi chiều khi mình ra thăm ruộng đó, tui nhìn thấy nên nói ông tạm lánh cho nó khỏi thấy mình. Ông thấy tướng ngạc nhiên hỏi tới:

- “Ừa, nó cất trộm lúa của ông, sao ông không kêu lên, bắt tại trận mà lại trốn nó?”

Ông Tư từ tốn nói:

- “Má nó bệnh, vợ mới sanh. Nó đi làm công, ai kêu đâu mần đó, nay đang lúc nông nhàn, không có việc, chắc túng quá mà sinh làm bậy. Mai mốt gặp nó, lấy tình làng nghĩa xóm mà khuyên dạy chớ hô hoán lên làng xóm biết, nó xấu hổ, sợ tù tội, bỏ xứ mà đi thì tội. Mẹ và vợ con nó ai lo?”

Ông thấy tướng giật mình, ly rượu sánh trên tay sứt đổ, hoá nhiên tỉnh cả rượu sau câu nói đó.

Kể đến đây thì bác Bảy ngừng câu chuyện, thầy Ba và mấy bác nãy giờ ngồi nghe, để mấy cái ly cà-phê nóng bốc khói giờ nguội tanh hồi nào không hay, hỏi sẵn tới:

- “Vậy chớ ông thầy tướng kết luận ra sao mà tỉnh cả rượu? Sao bác ngưng ngang câu chuyện giữa chừng vậy?”

Bác Bảy từ tốn hỏi ngược lại, chớ ông Tư làm vậy là thiện hay ác. Mọi người đồng thanh trả lời thì rành rành là làm việc thiện, biết nghĩ đến người khác, vậy mà cũng hỏi! Bác Bảy nói tôi thiệt tình không biết có phải cái tâm thiện của ông Tư chuyển đổi số phận của ông hay không, nhưng tôi tin rằng câu chuyện được kết luận ở đó đó, chớ đâu có ngưng ngang. Bác nói, nhìn tướng mà đoán hậu vận hay nói người ta có số phận chắc đâu đã đúng; vì chỉ thấy cái ngoài da chớ đâu thấy cái trong tâm.

Bác nói thêm rằng cái tâm là cái quan trọng, nó có thể chuyển hóa mọi sự. Bên nhà Phật cũng nói cái nghiệp mình nặng, nhưng biết làm lành tránh dữ, nâng tu nhân tích đức thì cái nghiệp nặng, nghiệp xấu cũng dần mỏng đi. Ông bà ta ngày xưa cũng thường dạy “đức năng thắng số” cũng là vì cái lẽ đó. Vậy nên không có ông trời nào sắp đặt sẵn số phận cho mình mà là do chính mình.

Đèn đường đã tắt. Câu chuyện đã kết. Quán chỉ bán mấy tiếng đồng hồ vào buổi sáng sớm nên giờ đã vắng người. Bà chủ quán lục đục xếp ghế. Mọi người về gần hết riêng thầy Ba vẫn đang ngồi trầm ngâm đột nhiên lên tiếng hỏi bác Bảy chừng nào đi thăm cô nhi viện ở cái chùa nào đó mà bác thường đi, thì cho bác đi với.

Phía Đông, trời ửng hồng. Một ngày mới lại bắt đầu. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:


Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiên Thành, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: 452 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



“Thôi kệ”

HOÀNG TÁ THÍCH

Trong phần dẫn nhập cho một tuyển tập các ca khúc của mình, Trịnh Công Sơn đã viết:

“Ban đêm tôi nhìn trời đất để học về lòng bao dung, nhìn đường đi của kiến để biết về sự nhẫn nhục. Sông vẫn chảy đời sông, suối vẫn trôi đời suối. Đời người cũng chỉ để sống, và hãy thả trôi những ty hiêm”.

Nhìn trời để thấy mình nhỏ bé trong vũ trụ vô biên, con người chỉ là hóa thân của một hạt bụi trong mênh mông trần thế. Nhìn đất để học cái hạnh tha thứ bao dung của đất. Đất nhận biết bao nhiêu là chất thải dơ bẩn của con người, nhưng lại chuyển hóa tất cả để lại nuôi sống mọi loài.

Kiến biểu hiện cho lòng kiên nhẫn. Người ta nói kiến

tha lâu đầy tổ chẳng khác gì nước chảy đá mòn. Hình ảnh một đàn kiến bò luôn luôn giữ đúng đường đi còn gợi cho ta về sự nhẫn nhục.

Nhẫn nhục làm nguôi sự giận dữ và bắt đầu cho sự tha thứ. Tha thứ trong ý thức con người nhỏ bé đối với vạn vật. Tha thứ trong ý thức quên mất cái ngã của mình. Cho nên “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng. Để làm gì, em biết không? Để gió cuốn đi” là thế. Chung quy cũng tại người đời thường thấy cái “tôi” của mình quá lớn. Không ai muốn người khác hơn mình. Tham sân si vốn là ba nghiệp lớn của con người. Mọi ty hiêm, ganh ghét cùng những tính xấu khác đều do chấp ngã mà ra. Không chấp ngã mới có thể tu tập đức tính khiêm nhường và bao dung được.

Khiêm nhường là một phẩm hạnh cao quý. Có khiêm nhường mới có thể tha thứ. Nhưng tha thứ không phải là chuyện dễ làm đối với mọi người.

Người ta thường có thể tha thứ mà không thể quên. Tha thứ biểu hiện bên ngoài. Quên là thâm lặng bên trong. Điều thâm lặng bên trong mới làm người ta ray rứt.

Trịnh Công Sơn là một người nổi tiếng. Nổi tiếng quá sớm và đương nhiên phải có những người ganh ghét, mặc dù anh là một người rất khiêm tốn.

Sống giữa những ganh ghét tục lụy, chưa bao giờ nghe một người bạn nào nói Trịnh Công Sơn có lòng tự hiềm với bất cứ ai. Trái lại, anh đã từng gặp những người ganh tỵ, đối xử không tốt với anh. Có những người thể hiện một cách trắng trợn vì đố kỵ, cũng có những người nói xấu anh với mục đích đẩy anh ra khỏi lòng yêu thương của quần chúng. Chưa bao giờ thấy anh có phản ứng. Nhiều lần thì cũng là những lời than phiền nhẹ nhàng. Lòng bao dung và tha thứ của anh đã thể hiện rất nhiều ngay cả với những kẻ không xứng đáng với tình yêu của anh đối với họ. Quên hay không chỉ trong lòng anh biết, nhưng mãi đến khi nhắm mắt, không bao giờ nhắc đến điều mình đã tha thứ thì có lẽ anh đã quên hẳn trong lòng.

Hai chữ “Thôi kệ” của anh vẫn thường được bạn bè nhắc đến như một ẩn tượng về người nghệ sĩ tài hoa này. Hiếm khi anh thắc mắc khi nghe một điều nói không đúng về mình, và không bao giờ anh có ý định cải chính những điều sai lầm đó.

Anh thường nói cuộc đời không có bao lầm, tại sao lại phải phí mất thì giờ làm những chuyện đó. Anh nói, nếu người ta nói một điều sai lầm về mình và mình thực sự không làm điều đó, thì cần gì phải cải chính. Trong những năm tháng trước lúc từ giã cuộc đời, anh thường hát cho bạn bè nghe hai ca khúc “Mưa hồng” và “Một cõi đi về” như một lời nhắn nhủ cho những ai còn ham mê vọng động, chưa thoát ra khỏi cái ngã của mình.

Từ hai chữ “Thôi kệ” của anh, tôi đã học được nhiều điều. Hãy bắt đầu bằng chữ Nhẫn. Nếu có một người làm bực mình có thể đưa đến sự giận dữ, thay vì phản ứng ngay lúc đó thì tôi tự dẫn lòng để mai hãy nói. Qua hôm sau thì sự giận dữ của mình đã nguội lạnh và không còn hứng thú để nói lại chuyện cũ nữa.

Anh Sơn uống rượu từ thời còn trẻ, và rượu trở thành không những là một người bạn, mà còn là một nhu cầu của anh. Bởi vì có bạn thì phải cần có rượu để làm mỗi câu chuyện. Thường nói rượu gọi bạn. Không ngày nào anh không uống rượu, cho đến một thời gian rất ngắn trước khi qua đời, vì tình trạng sức khỏe trầm trọng, anh đành phải ngừng.

Đó là một trong những tiến thoái lưỡng nan của anh.

Anh không thể tiếp tục uống rượu nhưng không bao giờ muốn mất bạn. Vì vậy, anh lúc nào cũng sẵn sàng rượu để mời bạn và ngồi nhìn bạn bè uống. Không phải dễ dàng để có thể làm như thế. Nó phải xuất phát từ sự nhẫn

nhịn và lòng bao dung để nhìn người khác đang hưởng thụ cái thú mà mình thêm muốn được thụ hưởng.

Tôi đã từng nghe một vị ca tăng nói: “Làm từ thiện nhiều sẽ mở mang trí tuệ”. Và ngài giải thích: “Nếu có thể lấy của cải của mình để làm từ thiện thì rõ ràng là mình không quá tham luyến vật chất. Bớt tính toán chuyện tiền bạc vật chất, trí óc sẽ luôn luôn được tỉnh táo sáng suốt”.

Có những người không những hà tiện, keo kiệt về vật chất mà còn keo kiệt cả lời nói.

Không phải mất tiền để nói một lời cảm ơn một người nào đó đã làm cho mình một điều nhỏ nhặt như nhường một chỗ ngồi, mở hộ cánh cửa, mà cũng không mở miệng được. Cho nên có hạnh bố thí không phải chỉ cho người khác vật chất mà còn cho người khác sự quan tâm, an ủi, giúp họ hiểu lẽ phải và sống đúng đắn, giúp họ vững tâm trước nghịch cảnh (bố thí tài, pháp và vô úy).

Tôi chưa bao giờ nghe anh Sơn nói một câu làm xúc phạm người khác.

Đã có lần anh đến thăm một nơi ở của những người bị tàn phế vì chiến tranh và anh nói với họ: “Các bạn không nên mặc cảm vì mình là người tàn phế. Đó chỉ là thể xác. Tôi nghĩ tâm hồn các bạn vẫn lành lặn và đẹp, TÀN mà không PHÉ. Ngoài đời chúng tôi, ngược lại có những người lành lặn, nhưng đôi khi lại tàn phế trong tâm hồn”.

Bản thân cũng đã có lúc tuyệt vọng, nhưng anh lại tự nhủ lòng: “Tôi ơi đừng tuyệt vọng”. Ca khúc “Tôi ơi đừng tuyệt vọng” đã từng giúp cho nhiều người thoát khỏi cơn tuyệt vọng và can đảm trở lại với cuộc sống, trân trọng cuộc sống, vì “Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ”.

Gần anh Sơn từ lúc còn trẻ cho đến khi anh nằm xuống, tôi chưa bao giờ tìm thấy nơi anh chút bực hận thù. Trong suốt cuộc đời, anh đã “để gió cuốn đi” không chỉ một tấm lòng mà còn thả trôi đi những hỷ nộ ái ố của những kẻ đôi khi đã vô tình làm tổn thương anh.

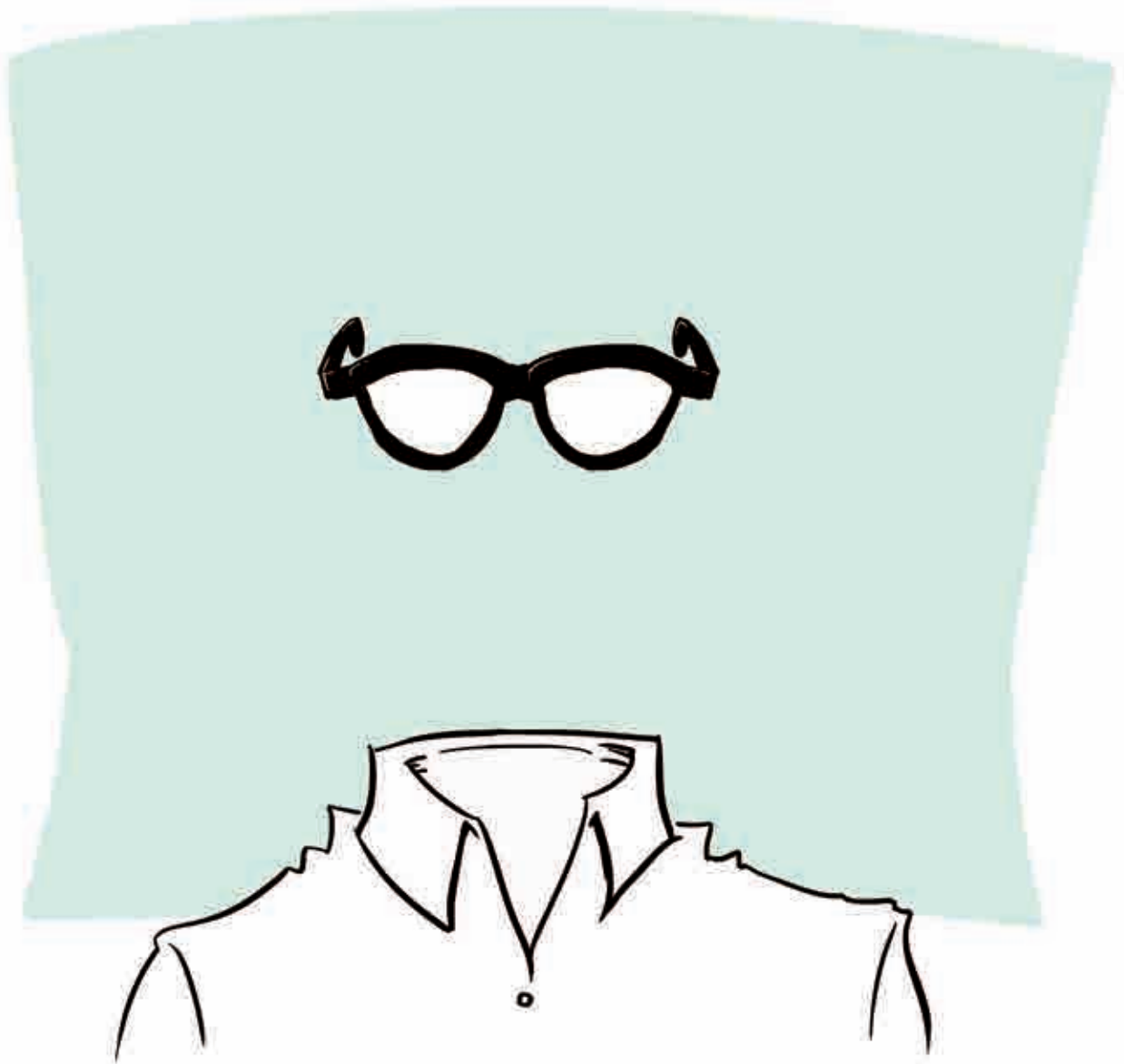
Có người hỏi anh làm thế nào để có thể toàn vẹn trong cuộc sống với đủ loại bạn bè với những tình cảm yêu ghét trong hiện tại, anh đã trả lời: “Mình luôn luôn cố gắng sống thế nào cho tử tế”.

Khó khăn làm sao hai chữ “tử tế” ấy!

Đối với tôi, anh Sơn không phải là một thần tượng. Có những tài năng lớn và những nhân phẩm lớn. Nhưng một tài năng lớn ẩn trong một nhân phẩm lớn thì rất hiếm có. Trịnh Công Sơn là một trong những người hiếm có.

Riêng tôi đã học được nơi anh từ hai chữ “Thôi kệ” rất nhiều điều và tôi luôn luôn tâm niệm phải cố gắng sống thế nào cho thật tử tế.

“Thôi kệ” vẫn âm vang trong tôi. Có thể do vậy mà tôi cũng thích bài ca “Let it be” của ban nhạc The Beatles – Thôi kệ. ■



Kẻ vô hình

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Khi xô chân vào nhóm quyền lực của cơ quan thì người ông như bị phân thân- một nửa là ông của ngày xưa, nửa còn lại là *nó*, tạm gọi *kẻ vô hình*. Lúc đầu còn len lén nhưng về sau *nó* càng hiển hiện. *Nó* là sản phẩm của bản năng và đến cùng lúc khi ông có chức quyền. Tất nhiên, với những ai “dĩ công vi thượng” và coi chức quyền chỉ là phương tiện nhất thời trong công việc,

chắc *nó* không dám lộ mặt. Nhưng với những kẻ thích vượt ve *tự sướng* cái tôi và khát khao chức quyền để thỏa mãn cái tôi thì *nó* lập tức hiện hình, vênh váo. Ông thuộc trường hợp thứ hai; lắm lúc *nó* lấn át, khiến ông không còn là mình nữa.

Ra đi từ đồng ruộng nên ông vốn quý sự dân dã; muốn có chiếc xe đạp để khởi cuộc bộ năm cây số đến trường mỗi sáng từng là ước mơ không hiện thực

của ông ngày bé. Vậy nên, lần đầu ngồi xe cơ quan đi công tác cùng đồng nghiệp, ông lảng lảng, chắc chắn khác tâm trạng người bước lên tàu vũ trụ là mấy; lại rụt rè nghĩ “liệu mình đã xứng đáng được ưu đãi thế này chưa”. Ý nghĩ ấy mờ dần rồi mất hẳn khi ông ngày càng thăng tiến trên bước đường công danh. Khi có xe riêng đưa đón đi làm thì ông đã thuộc tính năng tác dụng các loại xe lắm rồi; xe Toyota Prado khác Honda Acura hay Mercedes Benz thế nào, xe BMW hay xe Land Rover mới là thời thượng, ưu việt... Đam mê khiến ông không ngừng thay đổi, đúng hơn là “lên đời” để có những con xe ưng ý, bắt chập vượt quá định mức được hưởng. Trong khi cấp trên không hay, thuộc cấp không dám can thiệp thì nó – *kẻ vô hình ấy* – liên tục hò reo, mơn trớn: “Đấy, phải thế mới xứng tầm chứ!”. Cũng như xe, điện thoại được ông coi là vật dụng thể hiện đẳng cấp người dùng nên luôn thay đổi để bắt kịp những tiến bộ về khoa học công nghệ.

Khi ông mất ngủ, đúng hơn là không ngủ được năm giờ trong một đêm, thì cơ quan phải nháo nhào. Các y bác sĩ tìm thuốc Nam thuốc Bắc rồi tiến hành cho ngâm chân, châm cứu, bấm huyệt. Cùng với đó, ông sai đám công vụ trẻ hằng đêm thay nhau tắm quất xoa bóp cho ông; tắm quất cho đến khi ông say giấc mới sè sè rời khỏi “long sàng”. Nhiều đêm ông thức giấc, chợt thấy ái ngại khi nhìn chàng trai xoa bóp cứ gà gật nhưng không dám dừng tay. “Phiền người ta quá! Thôi chẵng?”. Ý nghĩ ấy vừa lóe lên trong ông thì *kẻ vô hình ấy* đã trùng mắt, vật lại: “Được phục vụ thủ trưởng là vinh dự, có gì phải phiền; đã là sếp thì xứng đáng được như thế; nếu không, người ta nhọc công tốn của phần đấu lên sếp để làm gì!?”. Thế là ông tặc lưỡi yên lòng, coi việc đêm đêm nhiều người thức cho mình ngủ là lẽ đương nhiên.

Cũng như ngủ, ăn uống của sếp kéo theo nỗi lo cho nhiều người. Các nhân viên phục vụ thì thảo, nếu có giải thưởng cho những người khó tính về ăn uống thì sếp rinh giải cao là cái chắc. Hình ảnh tuổi thơ ông, với nón cời áo rách trên lưng trâu, với bát cơm không độn khoai và cá thịt chỉ có trong ngày Tết dường như đã thuộc về thế giới khác. Giờ cá ngon chắc gì ông đã thềm đựng đĩa, nếu nó không còn giầy đành đạch khi đưa vào bếp; gà mái phải xem đít xem mào cho thấy có dấu hiệu sắp đẻ thì mới duyệt lên mâm... Với ông, sành ăn uống cũng là tiêu chí đánh giá sự từng trải, chịu chơi của sếp. Và nữa, những bữa cơm của ông kéo dài từ đầu đêm đến giữa đêm là thường; trong khi các cô phục vụ nhả mặt nóng lòng chờ được về với chồng con thì ông vẫn thản nhiên “dzô, dzô!”. Ông coi việc họ phải chầu chực hầu hạ sếp là tất nhiên, chẳng có gì đáng bận tâm.

Làm thủ trưởng cơ quan, ông quen ngay với phong cách “miệng nhà quan có gang có thép”; nói tục chửi thể như bấp rang. Trước những sai sót của cấp dưới,

ông gào oang oang như quạ rồi chửi té tát bằng vô số từ ngữ mà nếu ghi lại thì phải viết tắt để người đọc có tự trọng khỏi đỏ mặt. Trong khi thuộc cấp không dám hó hé thì *kẻ vô hình* càng thỏa chí mỗi khi ông thể hiện quyền uy, dường như càng lúc nó càng ghênh ngang, bất trị. Khi ông thoáng chút áy náy vì quá lời với cấp dưới, nó liền thề thốt, trấn an: “Cha mẹ nói gian, quan nói hiệp, có gì là lạ”. Thế là ông bình tâm, lại nhắm nháp vị ngọt của chức quyền. Ông hể hả khi chỉ cần bấm cái chuông trước mặt thay vì phải gọi là thuộc cấp đã chạy quần giò và thưa dạ rồi rít ngay từ chân cầu thang. Ông có thể ngang nhiên sờ mông bóp vú cô văn thư hay nhân viên tài chính mà chẳng bị làm sao. Cảm giác thích thú trong ông rõ ràng tưởng như sờ được mỗi khi ông bắt người khác phục tùng, còn mình thì tự do làm điều tùy ý.

Khi giới hạn về hưu hiện ra cũng là lúc ông nhận thấy mình yêu mê mẩn cái ghế thủ trưởng cơ quan mất rồi; lúc này không phải ông ngồi ghế mà ghế bắt ông phải xun xoe quy lụy vì nó; nói cách khác, ông đã thành nô lệ cho nó từ lúc nào chẳng hay. Làm sao có thể kéo dài tháng ngày trên ngôi cao sung sướng? Sau nhiều đêm trăn trở, chính *kẻ vô hình ấy* đã mách nước để ông có thể toại nguyện. Theo đó, ông bố trí mấy cuộc điện thoại vu vơ gọi thẳng tới trưởng ban tổ chức cán bộ bôi đen người được xác định là nguồn thay thế ông. Ý đồ này, tạm gọi là “chặt măng để giữ tre”. Không ngờ, cơ quan kiểm tra và bảo vệ an ninh cùng vào cuộc; trò bí mật của ông bật mí. Ông rút đài, bị buộc về nghỉ trong trùng trùng túi nhục.

Giờ thì ông thật sự ngại khi qua chỗ đông người; sợ cả những ánh nhìn xét nét cùng những cái chỉ chỗ và lời xầm xì xung quanh. Những khi được cơ quan cũ mời vào liên hoan trong dịp lễ Tết, ông càng cảm nhận nỗi đau và sự lạc lõng bởi chẳng có ai muốn ngồi cùng hay trò chuyện. Những lúc ấy, ông lại nguyền rủa *kẻ vô hình ấy* đã làm ông méo mó và đánh mất chính mình; rồi chua chát nhận ra, giờ ông muốn làm một người bình thường cũng chẳng dễ! ■





“Môi hoan qua thôi”

ĐỖ HỒNG NGỌC

Năm 1993, tháng 12, mùa tuyết trắng xóa ở Canada, tôi có dịp đến thăm một Nursing home ở Montreal, bên cạnh dòng sông Saint Lawrence. Canada là nơi có chế độ chăm sóc người già rất tốt, có thể nói nhất thế giới, thế nhưng lòng tôi nặng trĩu khi nhìn thấy những kiếp người, mà ngoài kia Như-Lai vẫn “như như bất động”... vẫn tuyết rơi trắng xóa, vẫn dòng dòng mệnh mông... Tôi viết mấy câu – thực ra, chỉ là một “ghi chép lang thang” những điều mắt thấy tai nghe giữa lạnh lùng băng giá hôm đó bên dòng sông tuyết trắng... “*Trong một nhà giữ lão ở Montreal*”. Hai mươi năm sau, nhạc sĩ Vĩnh Điện gửi về tôi bài hát, phổ từ “*Trong một nhà giữ lão ở Montreal*” và đề nghị đổi tựa là “*Mới hôm qua thôi*”. Tôi nghe. Sững sờ. Mới hôm qua thôi. Mới hôm qua thôi! Với tiếng hát thiết tha của Vũ Hoàn, với những hình ảnh minh họa đầy sống động của clip nhạc, tôi bản khoăn không biết có nên đưa lên đây để sẻ chia cùng bè bạn không, vì có người bảo thôi đi, buồn quá, có người bảo rất nên, để tự nhắc nhở mình, thấy ra sự thật phũ phàng...

Vậy, cứ tùy... hỷ nhé!

Trong một nhà giữ lão ở Montreal

Họ ngồi đó
Bên nhau
Đàn ông
Đàn bà
Không nhìn
Không nói
Họ ngồi đó
Gục đầu
Nín lặng
Ngửa cổ
Giật nhẹ tay chân
Có người
Trên chiếc xe lăn
Chạy vòng vòng
Có người
Trên chiếc xe lăn
Bất động
Họ ngồi đó
Hói đầu
Bạc trắng
Móm sọm
Nhăn nheo
Mới hôm qua thôi
Nào vương
Nào tướng
Nào tài tử
Nào giai nhân

Ngựa xe
Võng lọng
Mới hôm qua thôi
Nào lọc lừa
Nào thủ đoạn
Khoác lác
Huênh hoang
Mới hôm qua thôi
Nào galant
Nào quý phái
Nói nói
Cười cười
Ghen tuông
Hờn giận
Họ ngồi đó
Không nói năng
Không nghe ngóng
Gục đầu
Ngửa cổ
Móm sọm
Nhăn nheo
Ngoài kia
Tuyết bay
Trắng xóa
Ngoài kia
Dòng sông
Mệnh mông
Mệnh mông... ■

Ghi chú: Độc giả có thể vào mạng để nghe bản nhạc này theo đường dẫn sau:
<https://www.youtube.com/watch?v=j60WwjpiilQA> *Môi_Hom_Qua_Thoi*



Nguồn: cungphuot.info

Đến với vùng tam biên

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Cúng tôi từ thành phố Đà Lạt vượt hơn 100km về Bảo Lộc rồi rẽ phải ở Ngã ba xứ đạo Thanh Xá vào huyện Bảo Lâm để đi Đắc Nông. Thấp thoáng Bảo Lâm là nhà máy bê-xít, những ống khói vươn lên nền trời. Cuối đường ranh Lâm Đồng là con sông sâu cạn nước do đập thủy điện Đồng Nai 3 chặn lại, xưa kia nơi này thuộc huyện Di Linh, Lâm Đồng, xe qua cầu lầy lội, bởi những cơn mưa mùa hạ trút ào ạt suốt đêm qua. Đắc Nông, bước chân đầu tiên chúng tôi bước xuống là huyện Đắc G'long mới thành lập, huyện núi đơn sơ hàng quán, cảm giác đìu hiu, buồn tẻ...

Nghỉ đêm ở thị xã Gia Nghĩa để sáng mai lên đường, hướng về Kon Tum, nơi có Ngã ba Đông Dương nổi tiếng. Xe qua Buôn Ma Thuột, Pleiku, vượt qua chặng đường dài một vòng là để đi hết hệ thống năm tỉnh Tây Nguyên trong chương trình năm du lịch 2014. Lối về sẽ là QL 27, từ huyện Lắc về Lâm Hà, Lâm Đồng.

Và Kon Tum hiện ra trong sương sớm bao la, dòng

Dakbla chào đón chúng tôi hiền hòa khác với tên gọi của nó: *"dòng nước hung dữ...!"*. Chúng tôi được sắp đặt nghỉ ở khách sạn Hoàng Vân xinh đẹp. Dòng sông tiếp đón chúng tôi là thế, nhà thơ Tạ Văn Sĩ tiếp đón chúng tôi cũng là một dòng sông. Có điều dòng sông sống động này sẽ đưa chúng tôi ngắm cảnh cửa khẩu Bờ Y, nơi cột mốc lịch sử *"một tiếng gà ba nước đều nghe"*. Tạ Văn Sĩ xứng đáng là một nhà Kon Tum học, mặc dù anh và chúng tôi đều không thích gọi như thế. Anh chỉ nhận mình là một "lang thang sĩ" mà thôi. Sinh ra bên dòng sông Kôn Bình Định, nhưng lưu lạc và lớn lên bên dòng Dakbla có trên 50 năm. Vì thế, Kon Tum đã trở thành quê hương của anh sau quê nhà Bình Định. Từng con đường, từng dấu ấn lịch sử, góc nhà thờ gỗ, quán cà-phê độc đáo, thậm chí cho đến từng gốc cây Konia còn mất thế nào, đều là tâm huyết của anh. Sự hiểu biết sâu rộng và tận tụy của anh về Kon Tum đã thuyết phục đoàn chúng tôi. Nhà thơ tình nguyện làm hướng dẫn viên văn nghệ vui tính. Anh pha chất hài hước mà

sâu thăm bao la, cho nên những điều có tính lịch sử mà tôi viết trong bài này đều từ miệng Tạ Văn Sĩ nói ra. Chân thành mà sâu sắc chứ không hư cấu. Đặc biệt sự giải thích của anh nghiêng về văn học nhiều hơn. Đức tính quý nhất có được ở Tạ Văn Sĩ là “cái gì biết thì nói, cái gì không biết thì thôi”, không ba hoa nói sai sự thật. Anh tâm sự với tôi rằng, mình không nên “bốc phét” vì sĩ diện và tỏ ra thông thái, vì sẽ dẫn đến nhiều người hiểu sai về quê hương mà mình luôn trăn trở, gẩn bó. Dĩ nhiên, do thời gian hạn hẹp, chúng tôi tranh thủ đi một vòng thành phố. Từ nhà thờ Gỗ, quảng trường Kon Tum cho đến những con đường thay đổi qua nhiều thời kỳ. Tỉnh Kon Tum trải qua các giai đoạn lịch sử, nhà thơ đều nói ra vanh vách và rất hấp dẫn. Tuy nhiên, đích đến vẫn là cột mốc ba biên giới, nên sáng hôm sau chúng tôi lên đường sớm, hướng về Ngã ba Đông Dương (còn có tên gọi khác là Ngã ba Tam biên), một nơi rất nổi tiếng trên bản đồ ba nước Việt - Lào - Campuchia. Theo Tạ Văn Sĩ, Việt Nam có hai tỉnh có cột mốc ba biên giới là Điện Biên và Kon Tum. Phía Bắc, nơi dân tộc Hà Nhì cư trú có Bản A Pa Chải thuộc xã Xín Mần, huyện Mường Nhé, đường tam biên Việt Nam - Lào - Trung Quốc. Còn tỉnh Kon Tum có buôn lệt, người dân tộc K’ Dong đang sinh sống là xã Bờ Y huyện Ngọc Hồi, với biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia. Xe chúng tôi đi vào huyện Đăk Hà, nằm giữa lưu vực sông Pô Kô màu mỡ. Đăk Hà là huyện có thổ nhưỡng đặc

biệt hơn các huyện khác ở Kon Tum, nên chỉ có Đăk Hà mới trồng được cà-phê mà thôi. Nhìn những cánh rừng cà-phê bạt ngàn xanh tốt mà nhớ Lâm Đồng, cũng bạt ngàn mây nước và mùa cà-phê bận rộn. Dọc đường QL 14, nhà thơ Tạ Văn Sĩ chỉ cho chúng tôi, bên trái là địa danh Charlie, nổi tiếng vì những trận đánh khốc liệt vào những năm 67, 68 của thế kỷ trước và để lại dấu ấn trong bài hát “Người ở lại Charlie”. Ngọn đồi mờ xa sương phủ khiến chúng tôi bàng hoàng trong cảm xúc u hoài. Đi một đoạn xa bên tay trái, gặp một đền thờ hiu quạnh, nơi đây hơn 40 năm trước người “lính thú biên trấn” Lê Nguyên Ngữ (Hội Văn học Nghệ thuật Bình Thuận) đã từng ngồi ở đây làm thơ... Tạ Văn Sĩ đọc loáng thoáng mấy câu thơ:

*Trường Sơn nhón gót trông Lào hạ
Mù cuối chân mây sắc lá rừng
Sừng sững Bắc phương thành núi dựng
Đụng đầu đội ngược gió mây xuân...!*

Xe đã vào thị trấn Plei Kần. Tạ Văn Sĩ giải thích rằng, Plei Kần là làng của ông Kần, tên Việt là Cẩn, đọc lâu theo âm ngữ người bản địa Tây Nguyên hơi nặng âm một chút thành Kần. Ông Kần làm quan dưới triều Nguyễn, khi triều đình Huế phái ông vào đây lập ấp, ông có đem theo một cô con gái nhỏ cho đỡ nhớ nhà. Có một điều bất ngờ, là vị quan này chính là thân sinh của nhà điêu khắc danh tiếng Điềm Phùng Thị. Thuở ấy, Điềm Phùng Thị theo cha công cán đất Tây Nguyên hoang dã, đã nhìn thấy những tác phẩm điêu khắc độc đáo của người Thượng du, có lẽ còn lưu trong ký ức ấu thơ những nét chạm khắc hồn nhiên của người miền núi. Nghe nói sau này, Điềm Phùng Thị từ Pháp về có đến thăm nơi đây thì đất Plei Kần đã thay da đổi thịt. Chúng tôi theo đường 40 đi về hướng Tây lọt vào khu vực biên giới để đến Ngã ba Đông Dương. Nơi ấy con đường đi về Tây Nam là nước bạn Campuchia, còn thẳng về hướng Tây là Nam Lào. Chúng tôi dừng lại ở cửa khẩu Bờ Y, nhà thơ Lại Hữu Kim và nhà thơ Tạ Văn Sĩ đều có mối quan hệ mật thiết với Ban Quản lý (BQL) cửa khẩu, cho nên việc xin phép cũng rất dễ dàng. Chúng tôi được mời vào hội trường cửa khẩu ở lầu trệt, hôm đó lãnh đạo BQL Khu kinh tế, Trưởng ban Nguyễn Trọng Hào đi họp, Phó ban là Vũ Mạnh Hải thay mặt tiếp đoàn. Sau khi chào xã giao và nghe báo cáo sơ bộ tình hình cửa khẩu, chúng tôi được BQL bố trí lên ba chiếc xe con để chinh phục cột mốc. Muốn đến đó, chúng tôi phải vượt qua hơn 10km đường tuần tra ngoằn ngoèo hiểm trở. Len lỏi qua từng đồi dốc, eo óc đá cheo leo, Tạ Văn Sĩ gọi một cách văn chương đây là “Vạn lý đường biên”. Đường biên vạn lý bắt đầu từ Mũi Sa Vĩ biển Trà Cổ, huyện Móng Cái, Quảng Ninh, nơi địa đầu Tổ quốc cho đến Mũi Nai Hà Tiên. Tạ Văn Sĩ diễn tả, nếu dùng nét bút để vẽ hình chữ S trên bản đồ Việt Nam, thì Mũi Sa Vĩ là chấm mực đầu tiên... Và chúng tôi đang đi trên



nét bút ấy ở Tày Nguyên. Kể cũng thú vị và tự hào, đất nước ta mang hình dáng con tàu, giống nhất là dáng hình của mẹ Việt Nam tần tảo, nhưng cũng là giọt đàn bầu thon thả, là tia chớp rạch ngang trời tỏa sáng. Không hiểu mọi người trên xe có cảm giác gì, riêng tôi ngoài sự háo hức ra là cảm xúc để cho nắng mưa và gió thổi thấm vào da thịt, làm thành hỗn cốt biên cương. Khi cột mốc hiện ra trong tầm mắt, bước đầu tiên là tôi chạy đến ôm cột mốc vào lòng, nhìn rõ quốc huy và hai chữ Việt Nam đỏ thắm. Sâu thẳm, rung rung không nói nên lời... Sau đó tôi chậm rãi bước chân "qua" nước bạn Lào, rồi cứ thế lại bước "qua" nước Campuchia. Cột mốc ba mặt là đây, mà cỏ cây vẫn thế, chút nắng, hạt mưa, làn gió vẫn thế. Cứ miên man giữa bầu trời mênh mông vô định mà nhìn, mà ngắm, mà ngắm nghĩ sờ vào cột mốc thân yêu. Vậy là chúng tôi đang đứng trên ngọn đồi rất đẹp, có tên là Đồi Tròn với độ cao 1.068m so với mặt nước biển. Trèo lên ngọn đồi này phải bước lên 120 bậc tam cấp. Tại đây, vào ngày 18/1/2008 đã diễn ra lễ khánh thành cột mốc ba biên giới giữa ba nước Việt - Lào - Campuchia. Về dự có đầy đủ đại diện ba nước: Đào Việt Trung, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam; Vatkimhong, Bộ trưởng cao cấp phụ trách công tác biên giới của Hoàng gia Campuchia; Phong Sạ Vất Búp Phả, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Lào đồng chủ trì buổi lễ. Cột mốc đặc biệt thứ hai này (tính từ cột mốc Điện Biên), mang số hiệu 2007, được làm bằng đá hoa cương hình trụ tam giác, nặng 1 tấn, cao 2 m. Mỗi mặt cột mốc quay về mỗi nước, trên gắn Quốc huy, dưới là tên nước, được đặt trên bậc tam cấp hình tròn đá hoa cương, ba hướng ghi rõ Việt Nam, Lào, Campuchia. Lãnh đạo và nhân dân ba tỉnh Kon Tum, Atpapur (Lào) và Rattanakini (Campuchia) tụ hội về đây chứng kiến. Đứng tựa vào tam giác, nhìn quanh núi rừng mây trắng, xa mờ là làng mạc Nam Lào, trắng gợn sóng là biên thùy Campuchia chưa có cửa khẩu thông thương. Tôi đứng yên để cho tâm hồn bay bổng, lòng ngập tràn cảm xúc biên cương. Ngoảnh lại, thấy bé gái con một nhạc sĩ trong đoàn đang đánh vần tên nước Việt Nam trên cột mốc chủ quyền, bắt chợt tứ thơ vụt hiện, dẫu chưa chủ ý.

Tôi lẩm nhẩm:

*"Trời Kon Tum mây trắng
Bố công con lên 120 bậc đường biên
Tay con nâng niu cột mốc chủ quyền
Hồn nhiên đánh vần từng thang âm Tổ quốc
Tên nước Việt Nam đỏ au trước mặt
Con dang tay ôm hình nước vào lòng
Tay phải chạm gió Lào...
Tay trái nâng Campuchia
Giọt mưa Việt Nam xanh cả vùng ba biên giới..."*

Cảm xúc là thế. Hai tiếng biên cương nén chặt đáy lòng. Tôi cố tranh thủ chút thời gian ngắn ngủi, chạy

thêm sang nước bạn Lào. Rồi cũng vậy, chạy sang Campuchia càng xa càng tốt cho một chuyến đi thực tế. Chợt nghe lòng cũng vừa nhận ra, ơn nặng của cha ông, và những người con canh giữ đất trời Tổ quốc. Họ đã dành cho chúng ta từng tấc đất yêu thương, từng ngọn cỏ thắm hồn thiêng sông núi. Ngọn cỏ mọc nơi đây là của ta, ngọn cỏ mọc nơi kia là của nước bạn. Chúng ta không có quyền hái lấy dù là một ngọn cỏ. Chính ý thức này nâng lên thành nhân cách tự trọng. Không ai có quyền xâm phạm nước khác, dẫu là một ngọn cỏ đơn sơ. Cha ông chúng ta đã dạy như vậy, các bậc Thánh hiền Trung Hoa cũng dạy như vậy. Tiếc thay, người Tàu xâm phạm biển Đông của Việt Nam, họ không còn giữ được phẩm chất đó. Họ đã ngang nhiên "cướp biển" của chúng ta không một chút tự trọng. Thật đáng tiếc cho một nền văn hóa phương Đông có bề dày rạng rỡ. Đối với tôi, những giây phút này thật thiêng liêng. Tôi cố kéo giãn thời gian ra, nhưng rồi cũng đến lúc chia tay... Tạm biệt biên giới thân yêu mà lòng không muốn đi vội, nấn ná chụp thêm mấy bức ảnh biên cương mây vờn gió cuốn, bao la xanh thẳm núi rừng, nghe tự hào và tình yêu đất nước dâng trào lên khoe mắt. Chúng tôi không khóc, chúng tôi chỉ mừng cho tình hữu nghị ba nước đầm thắm, thương yêu nhau và không còn gây đau khổ cho nhân dân các dân tộc. Trở lại cửa khẩu quốc tế Bờ Y - Phu Cưa, lãnh đạo BQL Khu kinh tế đưa chúng tôi vào nhà ăn tập thể, cơm canh đã dọn sẵn cho buổi trưa đầy tình nghĩa. Những chén cơm thơm nồng hương đồng ruộng quê hương. Đặc biệt có những món canh bản địa, các anh đã thức dậy làm từ sáng sớm, bây giờ dọn lên ăn với rau sống siêu sạch trồng quanh cơ quan, thể hiện tình cảm hiếu khách của người biên giới. Nhìn anh em ăn rất ngon, tiếng chạm ly vang lên, chúc mừng nhau, cái hay là chưa từng gặp mặt mà đã thân quen như anh em một nhà. Một chương trình văn nghệ mini, giao lưu giữa các anh em văn nghệ sĩ và nhân viên BQL lại có dịp mở ra. Cởi mở, thân tình, làm quen là điểm chính của cuộc gặp. Tiếng hát xen lẫn tiếng thơ hào sảng. Tôi ngồi cùng bàn với các anh Trương Văn Tố, Trần Đăng Khoa, Lê Văn Quyền, văn phòng BQL, nghe các anh tâm sự ở nơi cửa khẩu này hiếm có dịp được nghe thơ của văn nghệ sĩ các nơi. Đây là dịp anh em mở lòng ra đón nhận những tấm lòng đến với vùng biên. Quả thật, các anh đã rướm lệ khi chia tay chúng tôi. Những cái vẫy tay từ cửa khẩu Bờ Y sao mà lưu luyến thế! Chợt nghe tiếng ai cảm xúc hát khê:

*"Chiều mưa biên giới anh đi về đâu?
Sao còn đứng ngóng nơi giang đầu...
Kìa rừng chiều âm u rét mướt...
Chờ người về vui trong gió buốt... người về bơ vơ..."*

Tự nhiên, hồn tôi nghe cảm thấu hai từ "bơ vơ", nó chông chênh, lảng mạn, và cô đơn biên tái đến nao lòng... ■



Lễ tang và nghi thức hỏa táng của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYÊN

Người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long cư trú trong các phum, sóc gần chùa. Các hoạt động văn hóa, sinh hoạt thường ngày của đồng bào thường gắn bó mật thiết với ngôi chùa. Lễ tang và nghi thức hỏa táng là biểu hiện sinh động cho nhận định vừa nêu.

Mỗi khi có người qua đời, người Khmer thường mời các Achar và ông lục giúp chủ nhà tiến hành các nghi thức theo đúng phong tục tập quán cổ truyền.

Sau khi khâm liệm, lễ tang thường tổ chức tại nhà khoảng một đến ba ngày tùy theo nhiều điều kiện.

Đến ngày giờ tốt, con cháu của người đã mất và bà con trong phum sóc cùng Achar tiến hành đưa linh cữu (vâypi) đi hỏa táng. Theo tập tục từ nguyên thủy, người Khmer thường hỏa táng người đã khuất; nhưng đôi lúc cũng có những gia đình, hoặc vì quá lưu luyến và tiếc nhớ người chết, hoặc không coi được ngày tốt, nên khi có người thân qua đời, họ không hỏa táng ngay mà tiến hành địa táng vài ba năm rồi mới đưa lên hỏa táng.

Trước khi đưa linh cữu ra khỏi nhà, các vị Achar Yuki và Achar Phluk tụng kinh, chuyển những đèn cây đang cháy di chuyển đủ bảy vòng xung quanh linh cữu nhằm

đưa tiễn người ra đi và để cho linh hồn người ấy không phải lưu luyến gì với gia đình và với tất cả những vật dụng trong gia đình. Người Khmer quan niệm rằng nếu không làm như vậy thì linh hồn người chết không siêu thoát được, cứ vật vờ quanh gia đình mà không thể nào tìm được nơi yên nghỉ.

Tiếp theo, ông Achar Yuki khẩn vái để nhắc nhở vong linh biết rằng việc di chuyển linh cữu sắp được tiến hành.

Khẩn xong, ba hồi trống nổi lên vang rền cùng với dàn nhạc ngũ âm tấu khúc Sôrida réo rắt báo hiệu cho tám thanh niên được chọn sẵn nhắc bổng chiếc quan tài đưa lên vai từ từ đi ra khỏi nhà, gọi là *rum kol sâp chênh*.

Ở trước sân nhà, người ta đã chuẩn bị sẵn hai chiếc kiệu. Một kiệu có che màn chung quanh, dành cho một ông lục ngồi đó tụng kinh cầu phước bên cạnh một cái mô-rôn (là một cái khay dạng hình hộp trong đó có nhang, đèn và một bộ kinh Apithom). Chiếc kiệu thứ hai dành để đặt quan tài, có bốn ông lục ngồi bốn góc, gọi là *kăa sneng đăm kâl sâp*.

Chiếc kiệu có ông lục ngồi tụng kinh cầu phước với chiếc kiệu đặt quan tài được nối với nhau bằng một

sợi dây vấn bằng cỏ tranh gọi là *Sbáuv phlèng*. Sắp đặt xong, người ta đánh công gõ chiêng và từ từ di chuyển quan tài đến nơi hỏa táng.

Dẫn đầu đoàn đưa tang là người đánh trống và dàn nhạc ngũ âm, kế đó là Achar Yuki cầm cờ hỗn, nhang, đèn và chiếc nổi đất cột dây treo trên đầu cây gậy, ý nói đời người mong manh như chiếc nổi đất kia không biết vỡ bể lúc nào. Đi kế là những người thân nhất của người đã khuất; con, cháu, hoặc em của người chết sẽ đội thúng *chơng thbàung* đựng đồ tế, tiếp đến là bốn ông Achar Phluk, tất cả đều tụng kinh theo sự hướng dẫn của Achar Yuki. Theo sau là chiếc kiệu của ông lục tụng kinh rồi tới nhóm các cô gái cháu ngoại của người mất mặc đồ trắng, tay cầm thúng *leach* đựng lúa rang và bông gòn để rải dọc đường – người Khmer giải thích rằng *bounh* (phước) và *bap* (tội) không thể trộn lẫn với nhau được, như bông gòn khi rải nó sẽ bay đi, còn lúa rang sẽ rơi xuống đất –, sau đó mới đến chiếc kiệu có đặt linh cữu. Cuối cùng là họ hàng, con cháu đi tiễn người về cõi Phật. Trên đường đi, tất cả con cháu muốn cho người ra đi nhẹ nhàng, thuận đường xuôi lối, họ thường nằm xuống dọc đường, tượng trưng cho việc làm cầu làm đường giúp linh cữu đi qua, với ý nghĩa là để người đã khuất đi trên đường không gặp bất kỳ trở ngại nào dù đó là sông suối cách trở; đây là một cách giải thích về tục nằm lăn đường trong đám tang của người Khmer; và trong chiều sâu của nó, có sự giao thoa rõ nét với các dân tộc cùng cộng cư trên vùng đất này.

Trước đây, chỗ hỏa táng là các khoảnh đất ở gần chùa. Ngày nay lò hỏa táng được xây ở phía sau khuôn viên của ngôi chùa trong phum, sóc. Đến nơi, người ta đi quanh ba vòng rồi mới đặt quan tài xuống, đầu thi hài được đặt về hướng Đông. Tại đây, phần kết cấu trang trí phía trên quan tài được tháo dỡ xuống rồi một miếng vải trắng được trải lên trên dọc theo nắp quan tài. Ở giữa người ta đặt một nải chuối xiêm chín, với ý nghĩa đời người cũng như trái cây kia, có xanh rồi cũng đến khi chín rụng. Hai vị Achar Yuki đọc kinh cầu nguyện trước hai đầu chiếc xe đẩy dùng để chuyển quan tài vào lò thiêu, sau đó mới đẩy chiếc xe vào chỗ để tiếp nhận chiếc quan tài.

Một ông lục hiểu nghi thức trong chùa sẽ tiến hành lễ *Dăpakoi* để thức tỉnh người nằm trong linh cữu, nội dung nhằm nhắc nhở rằng con người ta sinh ra thể xác, thân hình không phải là của mình mà là của trời đất ban cho nên khi chết đi phải trả về trời đất, người chết ba ngày bản thân sẽ như thế nào, bảy ngày bản thân sẽ ra sao, chín ngày quay lại mình không con là mình nữa mà chỉ là linh hồn thôi, vì thế cái để lại trên cõi đời là giá trị, nhân phẩm.

Trong khi ông lục tiến hành nghi lễ, con cháu, người đưa tang để tiễn lên phía đầu kia của miếng vải trắng cúng tiễn để vào mô-rôn. Ai cúng bao nhiêu cũng được, số tiền này vừa coi như cho người quá cố làm

lộ phí đi đường và nó cũng nhằm trả công cho ông lục đang tiến hành nghi lễ để giúp ông bà theo về với Phật. Khi hồi kinh gần mãn, một người đàn ông đứng tuổi đại diện tang gia đứng ra lấy tiền từ mô-rôn và khéo léo túm cột lại trong miếng vải trắng.

Ông lục đứng trước đầu quan tài đọc *băngsakoi*, kinh truyền mọi sự an lành cho người ra đi. Rồi ông Achar Yuki, Achar Phluk vừa tụng kinh vừa đi vòng quan tài ba lần. Con cháu của người mất cũng chấp tay và tụng kinh hòa theo. Trong lời kinh có cả tiếng kêu khóc vĩnh biệt của người thân trước nỗi đau mất người thân. Dứt lời kinh, ông lục từ từ cuộn miếng vải trắng lại để chuẩn bị đưa quan tài vào nơi hỏa táng, số tiền cúng coi như “đáp công” ông đã giúp đỡ cho linh hồn người chết được nhân du.

Ở hướng Đông, hoặc phía trên gió, người ta trải chiếu, để thúng chơng thbàung, cầm cờ hỗn ở đó rồi mời Achar Yuki tụng niệm dẫn dắt linh hồn về Tây phương. Hai ông Achar Phluk đọc kinh *Thôma sàng vék* hoặc kinh *Apithôm* trong lúc thiêu.

Quan tài được đưa vào giàn hỏa, ở dưới chất củi khô tẩm nhiều dầu hỏa để lửa dễ bắt và cháy, người con rể hoặc cháu ngoại trai thấp năm nhang lớn vừa khấn vái vừa từ từ đưa lửa châm vào củi.

Khi lửa đã cháy cao được gọi là *plơng pênh kâm loh*, con cháu nào có lòng hiếu thảo muốn đi tu trả hiếu thì nghi thức cạo đầu được tiến hành ngay lúc ấy. Theo Phật giáo Nguyên thủy thì người phụ nữ không được đi tu, nhưng được cạo đầu báo hiếu, những người này mặc áo trắng, sống khổ hạnh gọi là *Đâu chi*. Nam giới thì được đi tu, nhưng chỉ cạo đầu vào chùa sống đời tu sĩ với mục đích trả ơn báo hiếu và có thể trở về nhà sau đó một hai ngày; còn nếu muốn tu luôn thì phải làm lễ kết giới.

Khi thi hài đã cháy hết, Achar Yuki đánh lên ba tiếng trống (hoặc công) báo hiệu cho con cháu chuẩn bị nhặt xương. Sau đó, Achar Yuki tiến hành tắt lửa và đọc kinh xin hình hài người chết bằng cách vừa đọc kinh vừa vẽ trên giàn hỏa táng hình hài, chân tay người mất, rồi con cháu mới được lượm cốt lên. Xương được đặt vào cái mâm có trải khăn trắng, rồi con hoặc cháu đội mâm về nhà. Đến cổng nhà, người ta lại làm lễ cúng tám hướng, xong mới đem xương vào nhà. Xương được đem rửa bằng nước dừa khô cho thật sạch, phơi khô, rồi đặt trong cái thổ để trên bàn thờ. Tùy theo nhà, có khi họ thờ cốt trong nhà đến 100 ngày thì chôn cốt vào cái tháp nhỏ gọi là *kôđ*, hoặc gửi vào trong chùa, cũng có những gia đình để lại trong nhà thờ hai ba năm, vì đôi lúc họ đi xem thầy cho rằng cốt ông bà để lại giúp họ làm ăn phát đạt hơn hoặc có những gia đình muốn tưởng nhớ đến người mất.

Buổi tối hôm ấy, gia chủ lại mời các ông lục tụng kinh cầu siêu cho người chết và cầu an cho con cháu chủ nhà. Đến sáng, chủ nhà làm lễ dâng cơm cho các ông lục, lễ tang mới chính thức chấm dứt. ■



Cơm hến

CAO HUY HÓA

Còn viết gì về cơm hến khi nhiều người viết văn, chuyên gia ẩm thực, nhà nghiên cứu Huế, các cô, các chị Đồng Khánh... đã viết, quá hấp dẫn, quá chi ly, làm lem thềm những người yêu Huế ở xa? Không những cơm hến, mà nói chung, món ngon của Huế, mặn cũng như chay, được khai thác trên sách gia chánh, trên báo chí, trên mạng, trên tivi, là quá phong phú.

Mọi người Huế đều biết cơm hến, và rất nhiều khách du lịch khi đến Huế đã mất công để thít tha với cơm hến. Từ thuở gánh cơm hến khói thơm bay theo bước chân các chị từ cồn Hến hoặc từ các thôn xã lân cận Huế, kiosk đi vào thành phố, đến bây giờ cơm hến có nơi chốn, bình dân thì bên đường, cao cấp thì có phố, có thương hiệu đảng hoàng. Tuy nhiên đối với tôi, đã xa rồi cơm hến, chắc do cái tạng về già của mình không thích hợp. Nhưng không sao, dạo sau này, tôi lại đến với cơm hến, và đó là... cơm hến chay! Vậy thì tôi viết món *cơm hến mà không có hến* này (Đúng ra, có cái gì

không ổn về nhóm từ: *cơm hến chay*; làm gì có hến mà lại chay? Nhưng thôi, dân gian đã gọi như thế, và ai cũng hiểu, thế là được. Nhiều khi người ta cứ gọi cơm hến chay là cơm hến, nếu không có nhầm lẫn).

Ý tưởng ra đời của cơm hến chay dĩ nhiên là từ cơm hến thứ thiệt, và đã chớm nở từ đầu óc và tâm hồn của các vị nữ Phật tử thâm hậu về món ăn chay: Sao mình không biến đổi món cơm hến nổi tiếng để thành một món chay, không cầu kỳ mà vẫn ngon, vẫn có chút hơi hương của cơm hến, nhưng khách sẽ không tơ tưởng đến chuyện mặn, mà lại nở nụ cười ngạc nhiên: Ủa, có thua chi cơm hến mô?

Cơm hến chay ra đời cũng như chả chay. Từ nhỏ, nghe đến chả là tôi đã thèm, vì mấy khi được ăn chả? Càng ngày chả càng phong phú: chả heo, chả bò, chả cua, chả tôm, chả mực... thì cũng đã từ xưa nức danh, và ngày nay, chả vẫn là món ăn khai vị đảng hoàng đi vào tiệc tùng, cúng kỵ. Vẫn với ý tưởng sáng tạo như trên đối với cơm hến chay, món chả đã được cải biên,

tách ra riêng để thành chả chay, với nguyên liệu không cầu kỳ, vẫn giữ hình thức như chả mặn – đòn chả no tròn, gói bằng lá chuối, cắt ra từng khoanh, mỗi khoanh đặt trên một đĩa nhỏ được cắt ra thành sáu miếng hình quạt. Chả chay đã trở thành món chay ngon, càng ngày càng ngon, đặc biệt là chả phù chúc, và người thưởng thức bằng lòng mà không tơ tưởng đến thịt.

Cũng như vậy, lấy hình thức và giữ lại một số nguyên liệu từ các thức ăn mặn, những bánh khoai chay, nậm chay, bèo chay, lọc chay, bánh cuốn chay, bánh chưng chay... đã làm phong phú ẩm thực chay, và người dùng chay có nhiều lựa chọn để thoát ly thịt thà. Những món này ngon theo cách riêng, mà không dùng đến tí ti những phụ gia, những thứ đánh lừa vị giác xuất xứ tận đâu đâu. Riêng món cơm hến chay, trong mùa hè nóng nực, tưởng không có món ăn ngon nào xoa dịu cơn nóng mùa hạ bằng cơm hến chay.

Những thứ gì nằm trong tô cơm hến chay? Có đủ hết, chỉ trừ... hến, ruốc và nước hến. Này nhé: cơm nguội, bẹ môn ngọt cắt rất nhỏ, rau, bắp chuối, khế chua, bánh tráng bóp nhỏ, đậu phộng, ớt bột tào dầu (còn ngoài ra, không biết có vị tinh, muối, tiêu...?, à, còn có bánh mì ram vụn như tốp mỡ?). Thế còn cái gì thay hến? – Có người cho đó là khuôn đậu cắt nhỏ trộn với nấm mèo thái nhỏ, được xào từ trước. Còn nước hến thì thay bằng nước đậu nành (có khi pha thêm nước đậu xanh, nước bắp non), đập giập gừng cho vào. Ruốc được thay bằng chao trộn với ớt bột với gì đó – tùy theo người nấu. Mọi thứ trong tô đều nguội, chỉ trừ nước “hến” là nóng hổi, khi nào dùng thì mới được đổ vào tô. Về cơm nguội, có người thay bằng bún, để thành món bún hến.

Cơm hến chay hoàn toàn có vị ngon riêng, có chút béo, thơm, nhuyễn của đậu nành, đậu phộng, chút cay của ớt, mát thanh của môn ngọt, chua chua của khế (hoặc xoài), thơm giòn của bánh tráng, của mì ram, chút kích thích vị giác của những thứ tí ti cộng lại: tiêu, vị tinh, muối, dầu, chao... Một hợp tấu trong một miếng ăn! Một tổng hợp thanh tao, tươi mát!

Như thế, cơm hến chay hoặc bún hến chay cùng với các món chay khác, dầu mang tên từ thức ăn mặn, đã trở thành những món chay ngon lành, hương vị dịu dàng mà không cao sang. Hai thứ này hoàn toàn khác với những món chay giả mặn mà một số tiệm ăn chay sang trọng phục vụ trong đám tiệc, hoặc dành cho những người muốn ăn chay mà tơ tưởng ăn mặn, hoặc những người ăn kiêng thức ăn động vật. Những heo, bò, gà, tôm, cá... đều là giả, tất nhiên phải giống về hình thức và nhất là về mùi vị. Cái gì làm cho giả giống như thật? Về hình thức, con người dùng nguyên liệu tạo ra miếng thịt bò, con tôm... quả là tài tình, nhưng còn mùi vị? Cả một thị trường hương liệu, phụ gia, gia vị, phần lớn là ngoại nhập, phục vụ cho nhu cầu ăn uống của con người. Mỗi người dùng thức ăn chay đều

có ý tưởng riêng, đều có quyền chọn món ăn chay mà mình thích và hợp với điều kiện của mình (dầu thế nào đi nữa, tránh ăn thịt động vật là tốt), tuy nhiên vấn đề an toàn, vệ sinh thực phẩm là cần phải đặt ra. Không hẳn thức ăn chế biến đắt tiền với nguyên liệu ngoại nhập là an toàn. Dư luận đang đặt vấn đề về hương liệu và gia vị thay cho tự nhiên. Thật là “phiêu lưu” những thứ nước uống như là cà-phê, nước cam, nước chanh, táo, sâm... trôi nổi trên thị trường. Còn món phở quốc hồn quốc túy? Ngon ở thịt và nổi nước hầm. Nhưng đâu cần gì nhiều: chỉ một ít thịt và thay nước hầm bằng nước sôi cho vào bột gia vị với đặc trưng chất béo và mùi bò. Ngay cả nước mắm loại hảo hạng, biết đâu chỉ là nước mắm rẻ tiền cộng với nước lã cộng với hương liệu nhân tạo y chang mùi vị của nước mắm thứ thiệt?

Xem chừng chuyện viết lách hơi quá đà này đưa tôi vào Sài Gòn, nơi đồ hội với biết bao chuyện ăn uống nhiều cung bậc, sang trọng cũng nhiều mà bình dân cũng không hiếm. Xứ Huế, may mắn thay, vẫn là vương quốc của ăn chay, với quán chay mở ra ngày càng nhiều, và khách ăn phần đông là giới trẻ và người bình thường. Thức ăn chay rất đa dạng, phổ thông cho mọi người. Có quán chay, hình thức giản dị, giá rẻ mà khá ngon, người phục vụ có khi không được nhanh nhẹn và lịch thiệp cho lắm, tuy vẫn khá nhẹ nhàng, nhưng xin bạn bình tâm và hòa với cái tâm của người chủ quán: chỉ mong quán được phục vụ lâu dài cho người ăn chay mà không đặt nặng việc kiếm lời.

Trở về với cơm hến chay. Mới đây, dịp nghỉ hè, con cháu tôi về thăm, tôi dẫn đi ăn chay cho đổi không khí. Quán chay thanh đạm, gần nhà. Khi đó trời đã tối, khách đã vãn, tôi gọi cơm, bánh, với một vài món, thế nhưng chị chủ quán không phấn khởi: “Dạ thưa, hết đồ ăn rồi. *Chừ* chỉ còn cơm hến và một ít bánh cuốn thôi.” Tôi ngạc nhiên, quán chay khác không có cơm hến, nơi đây có món độc này, sao không thấy ghi rõ tại quán để thiên hạ chiếu cố mà đến giờ này vẫn còn tồn đọng? Nhưng thôi, không có sự lựa chọn khác. Té ra sự lựa chọn bắt buộc đó lại thỏa mãn hết cả đoàn, từ ông già đã quá quen ăn chay đến đứa trẻ Sài Gòn vốn đã quen pizza, sushi, gà nướng...: mỗi người hai tô cơm hến, một đĩa bánh cuốn và một ít chả chay!

Nhưng không đâu ăn chay ngon bằng ở chùa! Rất nhiều người đã nhận xét như vậy. Một lần nọ, tôi được chùa TL mời dùng bữa nhân dịp chùa khoản đãi đoàn khách. Ni sư trụ trì nói nhẹ nhàng: “Trời nóng quá, dọn ít thôi, và sẽ có cơm hến đãi khách”. Tô cơm hến như một tác phẩm sắp đặt có thứ lớp, với cơm nguội phía dưới, bên trên một thứ mỗi ít, khiêm tốn, mảnh mai, lấy mấy hạt đậu phộng làm nhân, lại được hòa hợp trong nước dùng do quý cô ý tứ, nhẹ nhàng chan vào. Tô cơm hến thanh tao, dịu mát, cay chút ít, lại được ni sư trụ trì vui vẻ mời, quý ni cô chăm chút, trong không khí thanh tịnh của thiền môn; còn gì hơn nữa để tôi thọ nhận pháp hỷ của chùa? ■



Vào lớp Một

NGUYỄN VĂN UÔNG

Cháu ngoại bạn tôi vừa vào lớp Một. Chuyện bình thường như hàng ngàn trẻ em khác trong nền giáo dục phổ cập bắt buộc bậc tiểu học. Thế mà với bạn tôi không bình thường chút nào. Bạn không còn thường xuyên tham gia các buổi tếu táo cà-phê sáng thư giãn. Có chăng đôi ba bạn thì chuyện gì đi nữa, ông cũng cứ lái qua chuyện vào lớp Một của cháu ông. Cũng phải thôi! Con gái ông lập gia đình muộn màng, sinh được hai cục cưng cho ông bà nâng niu đã là một sự kiện vui tai nhiều người. Thành anh lớn năm nay lên lớp Bốn. Cô cháu gái nhỏ vào được cùng trường với anh nó. Trường chất lượng cao chứ chẳng phải đùa. Thật đáng mừng cho ông!

- Cháu đi học chứ có phải ông đi học đâu mà huênh hoang thế!

- Thời mình thì nói làm gì? Kiểu như ri thì ngày trước mình mù chữ từ lâu. Làm gì có dăm cái chữ dặt thân sống với đời để tếu táo.

Con rể ông ở cận thành phố. Vợ chồng làm nông nghiệp vất vả, không dư dật bao lắm nhưng cũng cố gắng nuôi con học hành chu đáo. Hai cháu ngoại ông tuy ở với bố mẹ chúng nhưng trước khi vào lớp Một, ông đã tính toán chuyển khẩu cho chúng về nhà ông bà ngoại để trúng tuyển vào trường điểm. Mấy năm trước, thằng cháu trai êm xuôi mát mái vào học trường này. Thế mà năm nay đến lượt em nó thì gặp rắc rối to! Mấy ngày đầu tháng 6, theo lịch thông báo, ông mang bộ hồ sơ trường phát hành nộp lại cho mấy cô nhân viên tuyển sinh thì được thông báo là không hợp lệ. Lý do đơn giản là trong sổ hộ khẩu, phần quan hệ của cháu ông với chủ hộ được ghi là "NHẬP NHỜ". Chuyện này có từ ngày chuyển khẩu về cho cháu từ hơn năm trước, ông có chú ý đâu! Cứ ý y có hộ khẩu là xong xuôi. Nào ngờ! Thế là ông vận dụng mọi quan hệ quen biết để chuyển cái ý "nhập nhờ" quái ác này thành "cháu" mới xong. Mà chuyện đã vào cửa công thì không phải dễ dàng.

May cho ông là những cô chú làm việc này đều cũng là con cháu các người quen biết với ông nên tuy khó khăn nhưng *"cháu cố gắng giúp bác phen nữa cho xong!"*. Cháu ông được nhận vào trường nhưng còn nhiều cửa ải khác đang chờ. Ngày lên xem danh sách trường niêm yết, cháu ông có tên nhưng thuộc diện *"đôi dư"* chỉ tiêu, chờ phòng giáo dục về thanh tra quyết định. Cô hiệu trưởng nhẹ nhàng giải thích và động viên để ông an tâm; vì theo cô, ông cũng là đối tượng được chiếu cố. Cô cẩn thận ghi tên họ ông sau tờ đơn nhập học của cháu để thuyết minh với đoàn thanh tra và cô bảo đảm với ông là hy vọng sẽ được thông qua.

Chuyện tiếp đến là chuẩn bị cho cháu vào trường mới. Theo tí tê của mấy phụ huynh thân quen nhà trường, ông gửi cháu cho cô giáo uy tín, có thâm niên nắm lớp Một nhiều năm tại trường này, để nhờ cô kèm cặp trong hè và can thiệp xin trường bố trí cháu về lớp cô phụ trách. Mỗi sáng, ông đèo cháu đến nhà cô, trưa lại tắt bật đi đón cháu. Phòng khách nhà cô giáo chỉ trên 30 mét vuông mà có đến gần 50 cháu chen chúc mỗi buổi học. Cũng may là cái sân và nhà bếp liền kề cũng là không gian giải thoát những chật chội khi các cháu cần đến. Ông cũng lo đến chuyện vào năm học. Có nên gửi cháu vào lớp học hai buổi có bán trú không? Suy nghĩ mãi vẫn chưa ngã ngũ. Vào lớp hai buổi cô giáo không được dạy thêm buổi chiều thì tối phải về nhà cô kèm cặp thêm. Thà học tại trường buổi sáng thôi, chiều về nhà cô học thêm chắc dễ thở hơn.

- Gì mà vất vả thế? Sao không để cháu học trường gần nhà bố mẹ chúng cho tiện. Đã gần nhà, bố mẹ chúng để đưa đón có hơn không!

- Sao được! Thời nay trường có nhiều loại trường, dạy có nhiều cách dạy, cho cháu vào học trường tốt thì kết quả đạt được sẽ hơn học ở các trường kia chứ.

Thế đó! Suy nghĩ ấy không chỉ riêng với ông bạn già tội nghiệp của tôi mà chung cho phần lớn những bậc cha mẹ thời nay. Ông viện ra lý do là nhà nước đã có nghị quyết *"Đầu tư cho giáo dục là đầu tư để phát triển"* và cổ xúy phương châm *"Dành những gì tốt đẹp nhất cho con em chúng ta"*. Nói như theo lời bạn tôi: *"Thời buổi kinh tế tri thức thì học yếu là không có tương lai. Học trường tốt để có kết quả tốt là chuyện đương nhiên, bận tâm làm gì những vất vả vì con cháu"*. Lệnh lạc mất rồi! Cái hiểu lệch lạc này không phải tự nhiên mà có. Hãy nhìn vào cách tổ chức, quản lý của ngành giáo dục khi đề ra nào là trường chuyên, trường chọn, trường chất lượng cao, trường quốc tế... làm lóa mắt những người có con đi học. Những người làm công tác giáo dục thường nhắc nhủ nhau: *"Không có học sinh nào yếu, chỉ vì giáo viên dạy không tốt mà thôi!"*. Đã đành, trong từng môi trường, trong từng nỗ lực của đội ngũ mà có từng thời, từng trường có chất lượng giáo dục tốt hơn các trường khác. Nhưng đó là kết quả tất yếu của một quá trình và không hẳn trường đó là ở trung tâm hay



vùng ven. Chúng ta còn nhớ ngọn cờ Bắc Lý đầu phải ở ngay thủ đô Hà Nội. Đầu phải cho con vào học trường tốt là học sinh đều có kết quả tốt hoàn toàn. Cái cần là sự quan tâm giáo dục kịp thời, sự chăm sóc ân cần, hiệu quả của gia đình và nhất là tư chất và sự nỗ lực của học sinh. Bắt ép quá có thể có kết quả ngược lại khi các cháu xem việc học là vì cha mẹ ép buộc.

- Còn chuyện này nữa – ông bạn tôi phân bua – vào trường này để vào năm học bố mẹ cháu gửi trọn ngày cho cô giáo. Trường nơi cháu ở không tổ chức loại hình này. Học một buổi còn một buổi ở nhà ai chăm cháu. Thà gửi cô cho ăn uống, dạy dỗ, ngủ nghỉ. Bố mẹ cháu làm lụng suốt ngày. Hai đứa con gửi cô giáo đến tối mới đón về. Tốn kém thật nhưng an tâm hơn vì dẫu sao gửi cô giáo còn hơn để cháu lêu lổng...

Thì ra là thế! Quả thật đó là một nhu cầu. Những đôi vợ chồng chỉ có hai con trong lúc cả hai phải tham gia lao động để trang trải cuộc sống thì ngành giáo dục có tính toán đến trong *"Công cuộc đổi mới giáo dục toàn diện"* đang được hô hào rầm rộ trên các phương tiện truyền thông đại chúng hiện nay không? Phát triển giáo dục bậc tiểu học phải làm sao, phải thế nào để thời gian cháu vui chơi, ngủ nghỉ, học tập, quản lý... ở trường nhiều hơn, thoải mái hơn trong môi trường lành mạnh thuận lợi, tránh tình trạng học thêm, kèm thêm tràn lan nhiều tiêu cực như hiện nay?

Trở lại chuyện của người bạn tôi, ông lo cho cháu vào được trường chất lượng cao hoàn toàn là do *"hiểu biết"* và *"quen biết"*. Khả năng này của ông là vốn liếng mấy chục năm *"dành dụm"* khi ông là một cán bộ trong thành phố. Bây giờ đã nghỉ hưu nhưng nhiều ít người còn biết ông. Nếu là con em dân thường thì sao đây? Dư luận thường rộ lên chuyện chạy hàng triệu nọ, triệu kia để con cái được vào trường này, trường nọ mỗi kỳ nhập học, dù mấy ông bạn già cà-phê với nhau kể tin, người không tin, vẫn không ai phủ nhận mà cũng không ai quyết đoán được là có hay không. ■



Nét riêng của Tết Trung thu xứ Huế

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Đến Huế vào dịp Tết Trung thu, trong tiết trời mưa thu rả rích buồn, du khách vẫn sẽ cảm nhận được không khí vui tươi và có cảm giác về những trải nghiệm mới lạ, độc đáo, ít nơi nào so bì được.

Hoài niệm với điệu múa lân cung đình Huế

Không giống múa lân Trung Quốc và các nơi khác như thủ đô Hà Nội hay TP.HCM, điệu múa lân Huế khá đặc biệt vì nó xuất phát từ điệu múa lân trong cung thời nhà Nguyễn. Có thể nói, nếu như vùng đồng bằng Bắc Bộ có điệu múa “Tứ linh” (long, lân, quy, phụng) thì cố đô Huế có điệu múa “lân mẫu xuất lân nhi” đầy nét độc đáo, chỉ để phục vụ cho các những ngày lễ trọng đại của triều đình như mừng thọ vua, thái hậu và đón tiếp sứ thần. Điệu múa này được xây dựng trên cơ sở điệu múa Mã Vũ, Bát Man đi kèm với một số động tác âu yếm, chăm sóc, đùa giỡn... của lân bố mẹ khi sinh hạ một lân con, biểu thị cho sự thịnh trị, thái bình của vương triều, sự no ấm của muôn nhà.

Do hình thức múa cho vua xem nên con lân của Huế rất đỉnh đặc, có những bước nhảy thấp và tiết tấu trống lân Huế cũng mang âm sắc cung đình, không nhanh và không mạnh. Mặt khác, con lân ngày xưa ở Huế thường có hai màu chủ yếu: màu vàng tượng trưng cho vua và màu xanh lá cây tượng trưng cho hoàng tộc. Bên cạnh

đó, một điểm nổi bật của múa lân cung đình Huế là múa theo các trường đoạn nên tính nghệ thuật bao giờ cũng mang nặng ý nghĩa biểu cảm. Người múa lân muốn thành công phải hiểu các trường đoạn mới nhập vai được. Mà một màn múa lân Huế có tới bảy trường đoạn, đó là “Thần linh xuất động”; “Bát bộ liên hoa”; “Phục lân”; “Lân linh chi”; “Lân tranh châu”; “Lân lý kiều” và “Lân hồi sơn”. Tùy theo mỗi trường đoạn, đoàn lân có từ một con đến mười tám con, tạo nên một khung cảnh rất trữ tình. Đây là điểm khác biệt giữa múa lân Huế với múa lân của những cư dân người Việt gốc Hoa ở TP.HCM thường mang đậm tính biểu diễn võ thuật để biểu dương sức mạnh và tính mạo hiểm, chứ không theo một điển tích nào cả. Điều này cũng làm cho múa lân Huế khác xa so với lân Nhật Bản thiên về lối thiển cần đến sự hỗ trợ của đàn, sáo.

Hối hả bên những đội lân dân gian xứ Huế

Sau khi truyền ra dân gian, múa lân Huế ngày nay cũng đã thụ hưởng được những nét văn hóa đặc sắc của múa lân trong cung cấm. Đầu tiên, múa lân trong dân gian xứ Huế cũng có đẳng cấp. Đẳng cấp này phân biệt dựa trên màu lông lợp trên cặp lông mày của con lân. Thường có ba đẳng cấp: Râu trắng trên 25 năm, râu đỏ trên 10 năm và râu đen trên 5 năm. Bên cạnh đó, không chỉ là nghệ thuật múa mà hình ảnh con lân Huế

còn có một vẻ đẹp rất nên thơ. Biểu trưng cho lân Huế luôn có hình ảnh ánh trăng thu, đây là điều độc đáo mà chỉ riêng Huế mới có. Khá nhiều đoàn múa lân Huế thường có hai con: con Kỳ và con Lân (tức là lân đực và lân cái), biểu tượng cho sự hòa hợp của âm dương, cái tạo nên vạn vật.

Một điều khá thú vị là đa số người dân Huế quan niệm lân vào nhà là may, là no ấm nên người ta thường mở rộng cửa để đón lân vào nhà. Trái lại, ngư dân miền biển xứ Huế lại rất sợ lân vì họ quan niệm con lân thích ăn cá, đón lân vào nhà thì sẽ bị "mất mùa" cá.

Múa lân Trung thu tại thành phố Huế có quy mô lớn, kéo dài trong suốt ba ngày (từ 13 đến 15/8 âm lịch), cách tổ chức và biểu diễn đội múa cũng rất công phu và thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân. Trong đêm Trung thu ở Huế, các đội lân lớn nhỏ sẽ ô ạt xuống đường, còn người xem thì thường chọn một đoàn mình ưa thích rồi đi theo đoàn cho đến tận đêm khuya mới về.

Chiêm ngưỡng tận mắt đoàn lân Thái Nghi Đường

Huế còn có đoàn múa Lân Sư Rồng Thái Nghi Đường đã từng vinh dự giành giải nhì trong cuộc thi múa Lân Sư Rồng quốc tế với những đối thủ mạnh như Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan...

Người lập ra đoàn múa Lân Sư Rồng Thái Nghi Đường là cụ Hồ Thái Nghi, người chuyên biểu diễn cho vua quan nhà Nguyễn xem vào những năm 30 của thế kỷ XX. Hiện nay, đội múa Lân Sư Rồng Thái Nghi Đường đã tham gia nhiều kỳ Festival Huế cũng như đã tổ chức nhiều chuyến lưu diễn thành công khắp cả nước. Ông Nguyễn Anh Tuấn, Giám đốc Nhà Văn hóa Huế, nhận xét: "Câu-lạc-bộ Thái Nghi Đường có rất nhiều đóng góp trong phong trào chơi lân ở Huế, góp phần quảng bá thương hiệu lân Huế đến đông đảo quần chúng trong nước và quốc tế. Huế hiện có gần 30 câu-lạc-bộ lân và Thái Nghi Đường đóng vai trò là hạt nhân đào tạo cho lân Huế phát triển bền vững, có bản sắc riêng".

Bởi thế, đến Huế, du khách sẽ chiêm ngưỡng được những động tác múa lân điêu luyện, nhất là vào dịp Trung thu khi hàng trăm đoàn lân "tự phát" khoe sắc khoe tài, khó có thể phân biệt được đẳng cấp một cách rạch ròi.

Gặp gỡ "Đệ nhất lân sư" xứ Huế

Đến Huế vào dịp Tết Trung thu, nếu có dịp đến cửa hàng Thu Đông (213 Phan Đăng Lưu, TP Huế) du khách sẽ có cơ hội gặp ông Đoàn Văn Trai (64 tuổi), người được thợ trong nghề phong là "đệ nhất lân sư" ở Huế. Một điểm khá thú vị dành cho du khách là cụ Đoàn Văn Hiến - thân sinh ông Trai cũng là một trong những người đầu tiên ở Huế biết làm đầu lân.

Có thể nói, với gần 50 năm tuổi nghề, đầu lân của ông Trai đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng ở Huế

và khắp cả nước. Đầu lân của ông Trai hoàn toàn làm bằng thủ công, khác xa hoàn toàn những con lân bằng nhựa rẻ tiền của Trung Quốc được sản xuất kiểu công nghiệp. Bởi vậy cứ gần đến Trung thu khách đến cửa hàng của ông khá tập nập. Ước tính mỗi năm ông Trai làm được gần 1.000 cái đầu lân nhưng hầu như tất cả đều được bán hết trước Tết Trung thu. Mặt khác, nhờ vào tính thẩm mỹ và giá cả cạnh tranh mà đầu lân của ông Trai còn có mặt khắp các thị trường trong nước như ở Hà Nội và TP.HCM.

Bởi vậy, việc gặp gỡ "đệ nhất lân sư" xứ Huế không những sẽ giúp du khách chiêm ngưỡng được những chiếc đầu lân "thứ thiệt" mà còn khiến cho du khách biết thêm cả một quá trình tìm tòi và sáng tạo của gia đình ông Đoàn Văn Trai, người đã làm ra những chiếc đầu lân xứ Huế không thua kém bất cứ một đất nước nào trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan... về mẫu mã cũng như chất lượng sản phẩm.

Thưởng thức một không gian Trung thu ấm cúng

Cứ mỗi dịp Trung thu về, từng con đường, góc phố của cố đô Huế lại trở nên nhộn nhịp, tưng bừng hẳn với những mặt hàng đồ chơi Trung thu. Trên khắp các con phố chính trong thành phố Huế đã trưng bày bán các mặt hàng để phục vụ như: mặt nạ, lồng đèn và đầu lân các loại... Các cơ sở làm đầu lân ở Huế có ít nhất hàng chục mẫu đầu lân với đủ sắc màu, kích cỡ, từ lân đại, lân trung, lân thiếu, lân nhi và lân tiểu, hoàn toàn làm bằng thủ công khá tinh xảo. Bởi vậy, các cơ sở làm đầu lân ở Huế bán được từ 700 đến 1.000 đầu lân lớn nhỏ trong dịp Trung thu.

Bên cạnh đó, không những đồ chơi trung thu ở Huế mang đậm nét cổ truyền mà ngay cả mặt hàng bánh trung thu cổ truyền do các cửa hàng bánh kẹo có tiếng tại Việt Nam như Hữu Nghị, Kinh Đô, Bibica cũng được bày bán phổ biến trên đường phố Huế. Do đó, du khách chắc hẳn sẽ rất hài lòng khi vẫn có thể đón một cái Tết Trung thu ấm cúng như ở nhà mà còn được khám phá được những nét văn hóa Trung thu độc đáo của vùng đất cố đô. ■





Trung thu ngày ấy

HÙNG CƯỜNG

Với bọn nhỏ chúng tôi ngày ấy, Trung thu là ngày được háo hức chờ đợi thứ hai trong năm, chỉ thua có Tết Nguyên đán. Làng tôi là một thung lũng nhỏ nằm khuất sau những quả đồi xanh; từ trung tâm huyện vào cũng mất mấy giờ đi bộ đường núi. Ở nơi ấy, bọn trẻ chúng tôi chưa bao giờ được thấy ngọn đèn đường sáng choang và những chiếc ô-tô thật đẹp đậu dưới ngói nhà cao tầng hay bon bon chạy trên đường phố trải nhựa rộng thênh

thang như trong sách vở theo trí tưởng tượng của mỗi người. Một thưở khó nghèo, chúng tôi lớn lên giữa núi đồi, thăm lặng như những những cánh rừng xanh thẳm. Tuổi thơ khép chặt giữa những ngọn đồi và dòng sông trước mặt làng, bọn tôi ngày nhỏ chẳng có nhiều niềm vui. Nên Trung thu bao giờ cũng được chờ mong nhất.

Trung thu ngày ấy đơn sơ, có lẽ bây giờ nhiều người không tưởng tượng được. Có một chiếc đầu lân nhỏ do các anh chị đoàn viên của xã xuống trung tâm huyện

mua về. Phần đuôi do bọn trẻ trong làng “thiết kế” bằng những tấm rèm đã cũ mà chúng xin của cha mẹ và các cuộn dây buộc chén đã sử dụng xin của cửa hàng tạp hóa nhỏ đầu làng. Trống lân thì mượn của trường tiểu học trong làng, thầy hiệu trưởng ngày ấy nổi tiếng nghiêm khắc nhưng năm nào mượn trống ông cũng vui vẻ giao cho bọn trẻ. Các vai Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng hóa trang mọi năm đều không đẹp vì thiếu phục trang nhưng ai cũng muốn tranh phần. Vì ngày ấy, được tham gia vào đoàn múa lân với bọn nhỏ chúng tôi là một niềm hạnh diện không gì bằng.

Vui nhất là những đêm tập múa lân. Cứ trời vừa tối, bọn trẻ làng tôi hoặc đi học về hoặc mới làm đồng xong đều tranh thủ ăn vội chén cơm để đến nhà thàng Sáu Trí. Nhà nó ở ngay giữa làng lại có khoảng sân đất rộng nên tiện cho việc tập lân. Khi mọi người đã đến đông đủ, anh Cả Tâm lớn tuổi nhất phân nhiệm vụ cho từng người. Đứa tập trống, đứa múa đầu, đứa múa đuôi, đứa đóng vai các nhân vật phụ, rồi từng đứa thay nhau, ai cũng hăng say vì muốn lân của mình sẽ múa thật đẹp trong đêm rằm. Mọi người chỉ tranh thủ ngồi nghỉ uống nước một lúc rồi tiếp tục tập luyện cho bước chân thêm đều và đôi tay thêm nhuyễn cho đến khi sương khuya xuống ướt đầm và trên ngọn tre đầu ngõ vằng trăng treo lơ lửng xa mờ mới ra về. Đó là những đêm bọn trẻ trong làng được tập hợp về đông đủ ở một nơi, tha hồ kể cho nhau nghe đủ mọi chuyện trong ngày, được góp phần mình trong những buổi tập vất vả nhưng tràn ngập tiếng cười, niềm vui.

Trung thu của bọn tôi ngày ấy không có nhiều quà. Cha mẹ suốt ngày ở ngoài đồng nên chẳng mấy khi chúng tôi nghĩ đến những chiếc bánh ngọt thật to và đẹp mắt, niềm ước mơ ngày ấy là thăm mong sao chuối trong vườn kịp chín hoặc bụi mía ngoài rào kịp già để mẹ mang về nhà chia phần cho từng đứa. Hồi ấy mỗi dịp Trung thu, bọn tôi đều được các cô làm ở Hội Phụ nữ thôn phát cho một suất quà nhưng cũng không có gì hơn ngoài vài chiếc kẹo, dăm cái bánh túp-lô, thứ bánh ở quê làm bằng gạo nếp cắt thành mẫu nhỏ như viên túp-lô xây nhà, được gói cẩn thận trong bì nilon nhỏ. Chỉ vậy thôi nhưng từng ấy cũng đã thỏa ước mơ một thời trẻ dại. Đó là cả niềm vui và sự mong đợi của những đứa trẻ nghèo chúng tôi ngày ấy. Bây giờ mỗi độ Trung thu có nhiều bánh ngon, nghĩ lại ngày xưa thấy thương một thời như thế...

Trung thu của tuổi thơ chúng tôi không gì vui bằng đêm rằm múa lân. Bọn trẻ làng tôi theo con lân rỗng rần qua từng con đường nhỏ, ghé vào từng nhà trong làng. Tiếng trống thùng thình rộn rã cả một vùng quê núi rừng yên tĩnh, những ngọn đèn dầu gió thấp trong ống nứa cháy xi xèo. Trong tiếng reo hò của bọn trẻ, tiếng giục giã của trống liên hồi, những bước chân càn nhịp nhàng và con sư tử của bọn tôi thật đẹp, ai xem cũng phải khen. Người làng tôi cả đời lam lũ nhưng chưa khi



Nguồn: dantri.com.vn

nào hẹp hòi với ai, nhất là bọn trẻ, nên nhà nào lân đến cũng đều cho năm bảy ngàn, lại còn cho thêm nải chuối, mấy quả bưởi hay vài khúc mía mang về. Nhiều nhà sau khi lân đi cũng theo cùng để cổ vũ, reo hò. Cứ thế con lân của bọn tôi và đoàn người cứ mỗi lúc càng đông dần đi theo con đường nhỏ ven đồi để đến với từng nhà trong xóm. Trăng dần lên cao, càng về đêm càng tròn và sáng, ngôi làng miền núi nhỏ xa xa chìm dần vào yên ắng trong tiếng trống đều đều dần dần nhỏ và những ánh đuốc lung linh nhòa dần...

Cứ như thế, đi qua mỗi mùa Trung thu, chúng tôi khôn lớn. Hai mươi mấy lần đêm rằm múa lân qua đi, bọn trẻ của làng tôi thời ấy bây giờ phần nhiều không còn ở quê nữa, đứa xuống thành phố học, đứa vào miền theo kế sinh nhai. Trung thu của những đứa em, đứa cháu của bọn tôi ở quê bây giờ cũng khác, không còn thiếu thốn như một thuở khổ nghèo, những con lân cũng đẹp hơn rất nhiều, mỗi nhà trong đêm rằm đều có mâm cỗ thật ngon và đầy đủ. Mỗi lần về quê ăn Trung thu, nhìn làng mình phát triển, chúng tôi thấy vui trong lòng. Thế nhưng những gì đẹp và ý nghĩa nhất về Trung thu, với bọn trẻ chăn trâu đầu trần chân đất chúng tôi thuở ấy, có lẽ vẫn là những đêm rằm chỉ có vài chiếc kẹo, dăm cái bánh túp-lô, đôi ba quả chuối và những đêm theo lân đi khắp cùng làng cho đến tận lúc sương xuống ướt đầm cỏ lá và vằng trăng chìm dần về phía ngọn đồi mới chịu về nhà. Đó là những mùa Trung thu thiếu thốn nhiều thứ nhưng lại đọng đầy trong tâm khảm chúng tôi những ký ức ngọt ngào của tuổi thơ êm đềm nơi quê nghèo rừng núi yên bình. ■

Cái sàng, cái nong...

LAM HỒNG

Gữa thời buổi hiện đại, cái sàng, cái nong đã lùi vào sương mờ ký ức. Các em học trò thế hệ ngày nay hầu như chưa nhìn thấy những vật dụng này của người dân quê. Nó chỉ loáng thoáng xuất hiện mơ hồ đâu đó trong phim, trong hình ảnh minh họa, trong nhà bảo tàng...

Với những câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm trong bài thơ "Đất Nước", ít học sinh nào hiểu được một loạt hình ảnh về các công đoạn làm ra hạt gạo:

*"Cha Mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn
Cái kèo cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó".*

Cái sàng, cái nong là vật dụng không thể thiếu trong đời sống lao động của người nông dân thuở trước. Ngày xưa chỉ có sân đất nên nong lớn dùng để phơi lúa, ngô, đậu, vừng và các loại nông sản khác. Nia nhỏ hơn nong; dùng để sây đưa bụi bặm, vỏ, tạp chất ra ngoài. Nong, nia được đan bằng nan ba, rất khó vì công nghệ mới đan và lặn tròn trịa được.

Nan tre đủ tuổi được phơi trên giàn bếp cả năm, mang xuống rửa sạch, vót lại ánh lên màu cánh gián bóng loáng, chắc bền... Mỗi cái nong, cái nia, cái sàng, cái giần đều là một tác phẩm nghệ thuật dưới bàn tay tài hoa của người nông dân tay lấm chân bùn!

Sàng cũng được đan bằng nan tre theo nan đôi. Có sàng thưa và sàng dày. Sàng thưa để chọn lựa những hạt ngô, đậu lớn; lọt xuống sàng là những hạt nhỏ hoặc hạt bị bể. Dùng sàng dày để sàng gạo, giữ lại những hạt gạo còn nguyên, làm cho những hạt tấm rơi xuống.

Câu thành ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" bắt nguồn từ thực tế công việc sàng sây ấy. "Học một sàng khôn" là học được nhiều điều khôn, nhiều điều hay lẽ phải trong cuộc sống. Nhưng "sàng" ở đây còn có một nghĩa ẩn sâu là những điều hay, điều khôn mà mình học được, thu lượm được cần có sự chọn lựa, sự sàng lọc thì mới gọi là "học"...

Từ cái nong, cái sàng của mẹ, bao mùa vàng đã đi qua, bao mùa trăng đã đi qua... Khi ngày trời nắng, anh em chúng tôi tiếp mẹ đưa nong ngô, nong đậu ra phơi. Khi trời chuyển mưa, dù cuộc chơi đang dang dở cũng phải ba chân bốn cẳng chạy về, giúp mẹ đưa nong vào cho khỏi ướt.

Quanh cái nong, cái sàng nơi lũy tre làng, bao câu hát, lời ca dệt nên duyên tình bao đôi lứa.



Ảnh minh họa, nguồn: vietbao.vn

*"Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng
Tre non đủ lá đan sàng được chăng?
Đan sàng thiếp cũng xin vâng
Tre vừa đủ lá non chăng hỡi chàng?"*

Hoặc mượn công việc của người chăn tằm để gợi cảm tình thương sâu nặng:

*"Một nong tằm là năm nong kén
Một nong kén là chín nén tơ
Quản bao tháng đợi năm chờ
Ai ơi dút mối lìa tơ sao đành?"*

Những nong hạt ngô, hạt lúa vàng, những nong khoai, nong sắn xắt lát được phơi khô chu đáo; mẹ cất vào chum kín, để dành ăn dần quanh năm. Một hàng chum dựa sát tường nhà, đầy ắp ngô, khoai, lạc, đậu được lót lớp lá chuối khô dày lên trên chống ẩm mốc...

Làm xong phận sự, những chiếc nong, chiếc nia được đưa vào dựng ngay gần bên hè. Những đêm trăng sáng, lũ trẻ chúng tôi mang nong ra giữa sân ngồi, có khi vừa nằm vừa hát và thi nhau đếm sao:

*"Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao..."*

Hoặc xúm xít quanh bà nghe câu chuyện "ngày xưa ngày xưa..." đầy hấp dẫn. Theo hướng chỉ tay của ông, chúng tôi ồ lên khi ông nói kia là sông Ngân hà, kia là con vịt lội...

Trăng tròn vành vạnh như chiếc nong vàng nằm phơi giữa cánh đồng mây thắm thắm đường như cũng chung vui cùng lũ trẻ chúng tôi... ■



Nhông nân tro bếp

TRÚC CHI

Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại, chiếc bếp ga, bếp từ tiện dụng đã thay thế dần những gian bếp củi; nhiều người có thể không hình dung được gian bếp lấm láp tàn tro với nhọ nồi vương vãi. Thế nhưng ở làng tôi, gian bếp củi ấy vẫn còn gắn bó với nhiều nhà. Mẹ tôi đã sắm bếp ga nhưng vẫn giữ lại bếp củi ở một góc nhà để đun nước sôi hằng ngày, cũng là để giữ lại kỷ niệm về những năm tháng vất vả khó nghèo của gia đình tôi. Riêng tôi, gian bếp với những nắm tro không nân bao giờ cũng đượm trong nỗi nhớ về quê nhà, về tuổi thơ êm đềm nơi xóm nghèo có mái nhà tranh, có hình bóng mẹ và gian bếp tỏa khói lam mỗi chiều ...

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ dáng mẹ tôi ngồi nhóm bếp. Những sáng tinh mơ dậy sớm, những trưa làm đồng về muộn, hay những buổi chiều quét dọn sân vườn đã xong, mẹ lại tất bật vào bếp nấu cơm cho cả nhà. Tro bếp vung vãi khắp nơi, mẹ lấy chổi rơm gom lại cho gọn rồi mới mỗi lửa nấu ăn. Mẹ phải hì hục cả buổi trong bếp, mồ hôi ướt đầm cả trán, khói bếp vào mắt đỏ hoe và nhọ nồi vương khắp cả tay mới có bữa cơm nóng hổi. Ngày ấy tôi vô tâm chẳng bao giờ biết giúp gì cho mẹ, nhiều khi bị mẹ mắng vì tội ham chơi quên những việc mẹ giao mà cứ hậm hực, có những lần cơm canh lâu chín phải đến trường trẻ học chỉ biết trách mẹ mà không biết mẹ phải vất vả như thế nào đâu. Bây giờ ngồi nghĩ lại, thấy nhớ dáng mẹ cúi thủi một mình trong gian bếp, xoay sở đủ thứ để có một bữa cơm ngon, cả một đời cứ lặng lẽ vì con mà thấy thương mẹ, thấy mình có lỗi...

Bếp tro ngày xưa gợi nhớ những ngày tháng yên bình nơi xóm nhỏ quê nhà. Trong gian bếp nhỏ bụi tro vương vãi, có biết bao nhiêu hình ảnh về cuộc sống bình dị mà tôi chẳng thể nào quên. Có chú mèo lười ngủ ngày vùi mình trong bếp tro, thỉnh thoảng vươn mình dụi mắt rồi lại lười lỉnh nằm xuống. Có chị mái mớ cục ta cục tác bối tung cả bếp tro tìm chỗ để trứng nhưng chẳng bao giờ để ở góc bếp một quả trứng nào. Có ngọn khói thơm mùi rơm rạ mẹ vẫn nhóm bếp mỗi ngày. Có tiếng phù phù từ ống thổi lửa khiến tro bụi bay mù, đôi khi làm mẹ sặc sụa. Và thỉnh thoảng vào những buổi chiều có tiếng mẹ mắng vì tội ham chơi chẳng chịu nhóm giùm bếp lửa...

Gian bếp củi còn gắn với nhiều kỷ niệm. Là củ sắn củ khoai vùi tro nướng thơm lừng chia cho đám bạn. Là những trưa thương mẹ làm đồng về mệt, tự nhóm bếp nấu nồi cơm nhưng chẳng bao giờ nên hỗn, không sống thì khô, lúc cháy lúc nhão mẹ về chỉ biết lắc đầu cười. Là những ngày mưa bão dầm dề, củi rơm ướt sũng, bếp cũng bị tạt nước mà lạnh tanh, mẹ con phải loay hoay cả buổi mới nhóm được bếp mà lửa cũng chẳng cháy nồng... Bây giờ đi xa, lâu lắm chưa vào lại bếp tự tay nhóm tro mỗi lửa nấu cho mẹ nồi cơm.

Mẹ tôi bây giờ vẫn vậy, cái bếp ga mẹ vẫn ít dùng, vẫn thường nhóm bếp củi; cả đời mẹ lam lũ nên cái gì cũng cứ chặt chiu. Chợt muốn chạy về với mẹ, thưa với người con đã lớn khôn, không còn lêu lổng ham chơi như ngày còn nhỏ, muốn chạy về với mẹ vào bếp nhóm lửa nấu cơm mà nghe mùi khói lên nồng vào mắt cay cay... ■



Rước đèn Trung thu

PHAN THÀNH MINH

Các tùng các tùng
Lân vui nhảy múa
Đề trâu ăn lúa
Cuội ngồi gốc đa

Đèn thỏ đèn gà
Tung tăng rước lễ
Bánh dứa bánh quế
Mâm cỗ cười toe

Quạt mo quạt xòe
Ung dung phe phẩy
Cái bụng ngoe nguẩy
Ông địa làm trò

Chuyện nhỏ chuyện to
Cười vui thỏa thích
Mai về với lớp
Tiếng cười còn theo.

Bước vào tôi

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Chia tay giấc mơ đẹp và buồn
giấc mơ ngỡ làm nên tiếng rung nhẹ
không mới mẻ, nhưng là tất cả máu
chầm chậm kết tinh trong nỗi muộn phiền.

Nhiều lúc tưởng như đang bay
trong dịu dàng ánh hình vắn diệu
nhưng vì sao đôi cánh nặng nề
va chạm đường tim chật hẹp.

Sẽ tắt đi ngọn đèn lay lắt
trên chiều gió ngược lạnh lùng.
Sẽ tắt đi sau khi vất kiệt khô
lòng yêu. Mặc cơn đau mờ tỏ.

Lớn lao và diệu kỳ là cuộc sống.
Sống không tiếc điều gì càng khó hơn.
Vượt con dốc thời gian chóng mặt
biết ơn người giữ sạch bàn tay.

Mặt đất yêu thương lắm gập ghềnh
đã đi qua bằng đôi chân nhỏ.
Tôi vịn vào tôi đầu mào tiếng khen chê.
Làm sao quên những đời khôn khó.

Còn một mùi hương giữ bên trí nhớ
gởi vào tháng năm dần tắt giữa hư không
còn giấc mơ thật sau lòng chưa cạn
tôi bước vào tôi những ngày thường.

Con đường đi

VĨNH HIỀN

người đi tóc đẫm sương chiều
hành trình mấy ngã rong rêu quanh đời
lối về khuất nẻo xa xôi
len trong tâm thức một hồi chuông ngân
biển dâu trải nhuộm tấc lòng
mù xa chuông gióng sắc không gọi về.

Vàng trắng vàng mẹ

NGUYỄN DŨNG

Ánh trắng chênh chéch đầu hè
Tiếng gà ngái ngủ sương nghe lạnh về
Gánh rau thoăn thoát đường quê
Trắng theo gánh mẹ bóng nhòe sớm mai

Trắng chưa tàn, nắng chưa phai
Tay liềm bờ ruộng rau khoai, cua đồng
Trắng vàng lúa trở đồng đồng
Vai nâng gánh lúa thành dòng mồ hôi

Vàng trắng theo mẹ lên đồi
Tia ngô dậm hạt bồi hồi giấc con
Hoa sim tím rịm chồi non
Cho con đủ bữa không còn thiếu cơm

Gánh đi bao gánh rạ rom
Bán đi bao gánh hoa thơm cho đời
Trắng đây rồi lại trắng vơi
Tóc đà đã bạc chơi vơi một mình

Rồi một ngày gió lặng thình
Trắng mờ khuất bóng bình minh cuối trời
Mẹ đi về phía xa vời
Vàng trắng thiếu mẹ... con thời mồ côi!

Giọt mưa tháng Tám

TRÀ KIM LONG

Cửa nhà ai đã khép lại rồi
Anh vào trong nghỉ, còn tôi đi về
Lung trời mây kéo lê thê
Giọt mưa tháng Tám đang nhè nhẹ rơi.

Tôi đi lạc giữa dòng đời
Thân như chiếc lá nổi trôi bèo bồng
Anh thình lặng giữa phòng không
Nghe năm tháng đuối theo vòng thời gian.

Sinh sau tôi kẻ muộn màng
Biết mình không thể vượt hàng cháu con
Tuổi đời anh bậc thượng tôn
Lại không chịu nhận mình hơn mọi điều.

Bao dung anh trải đã nhiều
Tôi trân trọng, biết bao nhiêu cho vừa
Giữa ngày tháng Tám trời mưa
Tôi đi chân bước, tình chưa chịu về.

Chút duyên còn lại

KIM HOA

Rồi tôi cũng lại về chùa
Như là cái thươ nào xưa đã về
Biết đời là cuộc nhiều khê
Đam mê giữ tách đam mê không chừa.

Tôi đi bán nắng bán mưa
Bán được cho đất, bán thua cho trời
Bán luôn cả vốn cả lời
Bán không mua lại nên đời sạch trơn!

Ngồi ve vuốt tuổi hoàng hôn
Mở tâm ra thấy vẫn còn chút duyên
Tôi tìm về lại căn nguyên
Mím cười trút bỏ ưu phiền ra sau.

Về nương lại cửa ban đầu
Lắng tâm nghe Phật nói câu không lời
Tôi ngồi chiêm nghiệm lại tôi
Bồng bênh như bọt sóng trôi lững lờ.



Ngõõ thõõ tuõõ

TRIỆU MỸ NGỌC

Toe toe, toe toe, toe toe...
Tiếng tù và ngắt quãng lảnh lót cứ vang xa trên dòng sông Hậu rộng mênh mông. Trời tối đen như mực. Bão đang ầm ập đổ về. Nước sông chảy xiết cuộn cuộn. Mưa tuôn xối xả kéo theo những tia chớp hung tợn và tiếng gầm rú như xé toạc bầu trời đêm. Gió rít ào ào kéo theo những đợt sóng nước nhô lên cao rồi tuôn vào bờ. Tiếng keng báo động tạo những âm thanh rộn rã, thúc giục, khẩn trương. Từ hai bên bờ sông xung quanh cầu Cần Thơ, những ánh đèn vụt sáng lên kèm theo tiếng động cơ nổ lạch tạch. Một chiếc, hai chiếc, ba chiếc rồi hàng chục chiếc ghe hăm hở băng băng lao ra sông rộng hướng về tiếng tù và đang thúc giục. Ánh đèn pha quét qua quét lại liên tục. Tiếng máy chiếc loa tay đang phát huy hết cỡ trong mưa gió.

- "Tụi con đây, chú Tư ơi. Hướng nào?". Giọng thằng Hòa nói rất lớn át cả tiếng mưa tuôn.

- "Hướng bên trái, cách bờ khoảng ba trăm thước. Lẹ lên. Họ sắp chết chìm rồi bây ơi". Tiếng chú Tư đáp trả qua chiếc loa tay kèm theo tiếng tù và lại vang lên từng chập.

- "Tụi con tới liền".

Trên sông, chiếc ghe buôn lật úp do bị sóng đánh đang chìm dần. Mấy giỏ trái cây cùng quần áo, đồ đạc linh tinh trôi tứ tán; ba bóng người đang cố ngụp lặn ôm chặt mấy cái can nhựa rỗng để tìm sự sống. Nhiều đợt sóng đánh rất mạnh vào họ vô tình không thương tiếc. Những cánh tay cầu cứu giơ cao trên mặt nước ngày càng yếu dần đi vì kiệt sức. Có lúc họ đã buông tay nhưng lại cố gượng mình đu bám. Họ cần phải sống. Con chó phèn thương chủ cứ bơi quanh quần chủ nhà và sủa liên tục những tiếng kêu ai oán, não lòng, bất lực.

Mấy chiếc ghe đã tìm thấy chỗ cần tìm. Hàng chục bóng người phóng mình xuống dòng sông lạnh thấu xương da. Những chiếc phao cứu sinh ném xuống liên tục. Chú Tư Tôn bơi như rái cá dù tuổi đã sáu mươi hai chỉ huy đội xung kích cứu hộ làm việc tất bật. Tất cả nạn nhân đã được kéo lên ghe. Chiếc ghe chìm được buộc dây kéo vô bờ. Hàng chục chiếc ghe khác đang thu gom vật dụng của chủ ghe bị nạn trôi trên sông. Không ai nói với nhau một lời. Chỉ có những ánh mắt rực sáng vì hạnh phúc, vui mừng. Dòng sông rộng giờ

chỉ còn những "dề" lục bình trôi chậm chậm như chưa có chuyện gì vừa xảy ra. Trời sáng dần.

Khoảng sân nhỏ cặp mé sông Mỹ Hòa đông người hơn mọi khi. Mấy chiếc xe đài truyền hình đậu san sát. Dân xóm này thấy lạ kéo tới coi rần rần. Nghe nói bữa nay người ta quay "phin" ông Tư Tôn "chuyên gia" bắt trộm và cứu người trên sông.

- "Nói thiệt nghe. Cha này gan cùng mình cùng mẩy. Già rồi mà chịu chơi quá cỡ thợ mộc. Hỏi tới chả, chả trả lời ngon ơ 'trầu già mắc gì mà sợ dao phay'". Tiếng chú Hai Ớt trêu chọc.

- "Tụi con thì ớn cái nét "hối" của ông. Ông hô là mần liền, chậm một chút là ông lòi hết dòng họ nội ngoại ra kể tội. Chịu hồng thẩu. Được cái là ông lẹ làng, xốc vác. Thấy đó rồi phóng xuống sông mất tiêu". Tiếng Thằng Hòa chen vào.

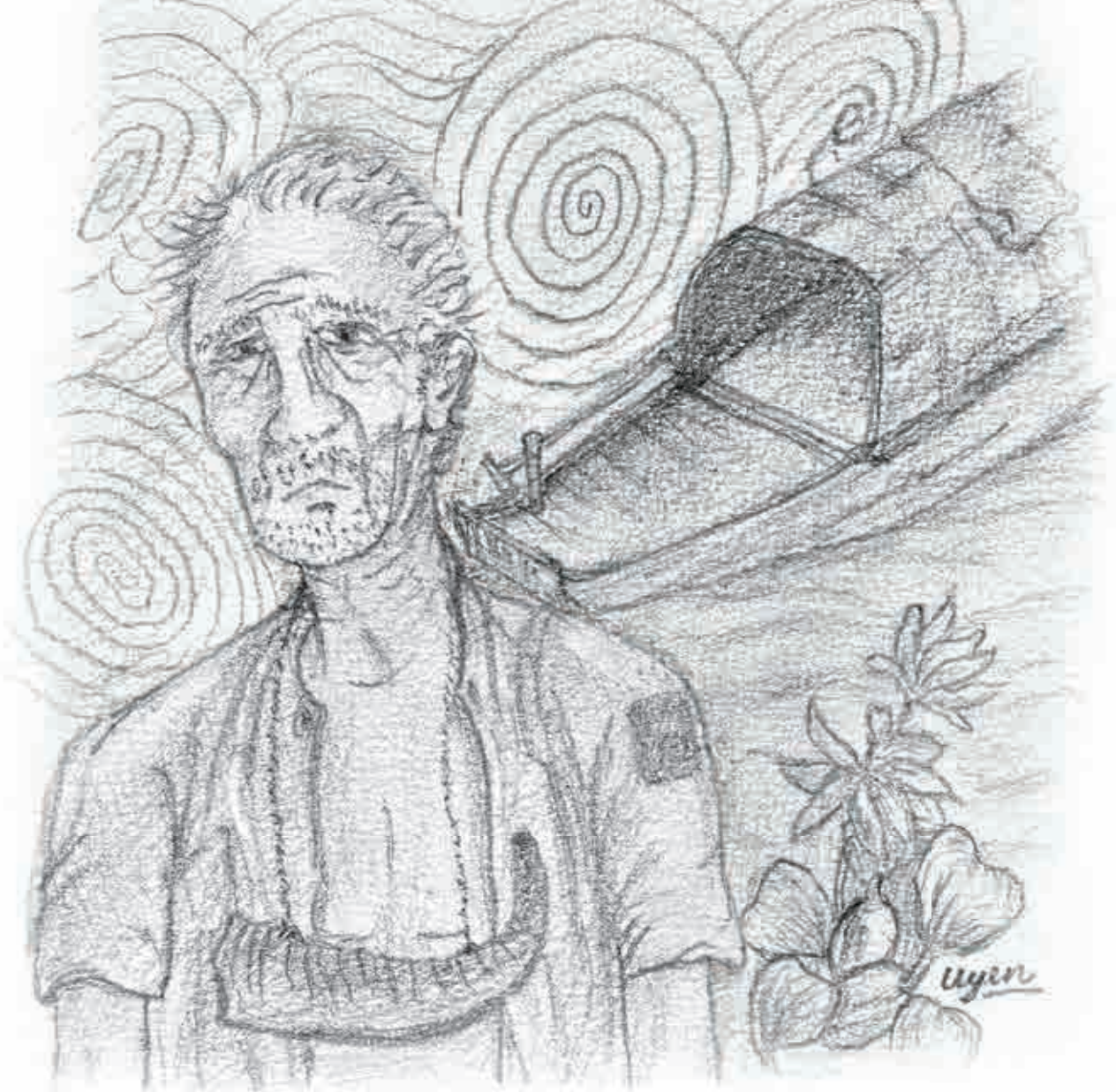
- "Mà ngộ nghe. Chả coi bộ cũng đẹp trai ra phết. Hồi nhỏ chắc cũng kiếm ăn ngon trớn, bây giờ ông ở một mình thui thủi dưới ghe. Hỏi tới vụ cưới vợ lần nữa ông cứ cười hể hể thấy mà ghét". Tiếng dì Ba "xôi bắp" nói vui.

- "Biết chết liền, bữa nào bà làm bộ lại đó bán xôi rồi "me" ông luôn cho có bạn". Chú Hai Ớt cười ha hả.

- "Ê đừng có ăn mắm ăn muối nói bậy nói bạ nghe cha. Tui thấy hoàn cảnh ông trụ lủi, vợ mới qua đời nên hơi quan tâm chút thôi. Nói vậy chớ... chớ... Hứ. Ông mà có khoái, tui chịu mới là chuyện lạ. Hứ...".

Mấy móc trên mấy chiếc xe bày biện đã lâu mà bóng dáng chú Tư Tôn mất biệt. Chuyện này xóm này gặp hoài. Chú không muốn ai biết về công chuyện mình đã làm. Chú nói, chuyện nhỏ như con thỏ, lên "tàng hình" chỉ cho nó lu xu bu, chỉ mong đừng ai tự vận, đừng ai nhảy cầu, đừng có chiếc ghe xuống nào chìm trên khúc sông này, khúc sông đã gắn liền với tuổi thơ của chú, cái thuở ở trường lội sông phá phách. Cả đoàn làm phim nháo nhào chia nhau đi tìm. Mấy tiếng sau mới bắt gặp chú ngồi trước mũi chiếc ghe đã cũ ẩn sâu trong đám bần to tướng, đang lau chùi chiếc tù và bóng người sáng óng ánh, ra vẻ tự hào.

Trên chiếc ghe chông chênh trước mặt nước, chú Tư Tôn chậm rãi pha bình trà "quạu" rồi ngân nga mấy câu vọng cổ thiệt mùi, "Biên cương lá rơi Thu Hà em ơi. Đường dài mịt mù em không đến nơi. Mây nước buồn



cơn lửa binh, hết kể chuyện chung tình, khóc than riêng em một mình...". Chiếc tù và trên vai cứ đung đưa theo nhịp lắc lư của chú. Vẫn cái cười khà khà rất lú, vẫn mái đầu bạc phơ phơ, hàm răng không mề một cái nào và thân hình săn chắc đen lên nước bóng ngời vì bao tháng ngày sống cùng sóng gió.

- "Ê. Tao giao kèo trước, hổng có quay "phin" chụp hình gì ráo nghe. Có sao tao kể y chang vậy là được rồi. Làm ba cái "chiện" lè tè mà kể lể gì hổng biết. Ai như tao thấy người bị nạn cũng vậy thôi. Nhiều người còn làm chuyện tốt gấp mười, gấp trăm lần mình nữa kia kia. Tao sống bụi đời đã quen, hổng có màu mè gì ráo trội".

- "Chú định sống 'bụi' kiểu này bao lâu nữa?". Lâm hỏi nhỏ.

- "Chưa biết. Chừng nào chán và sống hết nổi thì giải nghệ. Tao mắc nợ con sông này mấy chục năm rồi, giờ mắc nợ thêm cái cầu Cần Thơ. Coi bộ còn ở đây dài dài". Chú vẫn cười khà khà.

- "Quê chú ở Mỹ Hòa phải hôn?".

- "Ờ. Tao dân xứ Bình Minh chánh hiệu con nai vàng ngơ ngác nghe mây. Nhà tao làm nghề đóng đáy trên sông Hậu đã mấy đời rồi. Nhìn con nước là tao biết tuần tuốt con nước này trúng thất ra sao; cá tép nào nhiều. Nhìn mây gió là tao biết chừng nào có mưa, nói là trúng phóc".

- "Vậy sao người ta kêu chú là chú Tư 'tò le' xã Mỹ Hòa?".

- "Mỹ Hòa mé bên Bình Minh là quê của bà. Hồi đó, bà giận tía má bà ép gả cho mấy thằng điên chủ giàu có nhưng thất đức, bà lên phà Cần Thơ ra tới sông cái này phóng xuống tự vận. Trời xui đất khiến, tao đang kéo đáy thấy vậy mới lội lại vớt bà lên. Lên bờ rồi tưởng sao bà không một lời cảm ơn còn chửi tao một mách rồi dông tuốt. Ôi máu Lương Sơn Bá hôn?".

- "Rồi sao nữa chú?".

- "Sau đó mấy bữa bà quay lại tìm tao cười chúm chím rồi xin lỗi lia lịa, bà còn đền ơn tao chai rượu chuối hột với một hũ mắm tép Châu Đốc. Vậy là huê cả làng. Rồi...".

- "Rồi sao? Chú kể lấp lửng hoài".

-“Thì tao nói tía má tao qua ‘rinh’ bả ‘đĩa’ làm vợ. Mới đó đã hơn bốn mươi năm rồi. Lẹ quá, thời gian qua nhanh như chó nhảy hàng rào. Cũng từ bữa tao “vớt” bả lên, máu anh hùng tao nổi hứng bắt tử, rảnh hồi nào là tao tà tà theo dòng sông để đóng đày, giăng câu, nghe có người tự vận, té sông là tao tới liền bắt kể ngày đêm. Ở hiền gặp lành mà, làm phước gặp phước, vậy thôi. Vậy mà bả bỏ tao đi trước. Giờ sống một mình cô độc. Riết cũng quen bây ơ”.

Dù chú không kể thêm về mình nhưng người dân hai bên bờ sông này quá quen với cái tên Tư Tôn – ông già “tò le” – chuyên cứu người chết đuối trên sông. Dân ở đây nhớ hoài cái cảnh ông già Tư Tôn điều động ghe xuống cả xóm Mỹ Hòa tiếp ứng đưa người bị tai nạn sập nhịp dẫn cầu Cần Thơ qua Cầu Thơ cứu cấp. Giọng chú khàn đi, mắt hoa lên vì đói, vì khát. Mặc. Chú cùng đội xung kích chạy đi chạy lại như con thoi. Vậy mà đã có tới 54 mạng người đã nằm lại dưới chân cầu bây giờ. Đau chó. Mỗi đêm, chú lại tới thắp nhang cho những nạn nhân xấu số để vong linh họ sớm siêu thoát rồi thổi lên những tiếng kêu ai oán từ chiếc tù và nghe nức nở làm sao. Cái nghiệp cứu người có lẽ đã và sẽ đeo mang theo chú suốt cả cuộc đời. Mấy đứa choai choai buồn chuyện yêu đương trắc trở: nhảy cầu Cần Thơ. Mấy tay đại gia làm ăn thua lỗ: nhảy cầu. Mấy chàng đệ tử lưu linh say quắc cần câu hứng chí leo lên lan can cầu rồi té xuống sông... Mặc. Cứ nghe tiếng hô hoán, tiếng kêu cứu vang lên đâu đó là chú có mặt cứu người. Vậy mà hầu hết người được chú cứu sống không mấy khi quay lại nói lời cảm ơn. Đời là vậy. Chú tự trấn an mình như vậy và nghe lòng thanh thản vô cùng.

Ban đầu nhiều người nói chú bị tung tung, từng từng mới ăn cơm nhà vác tù và hàng xóm làm chuyện bao đồng, nhưng riết rồi thấy việc làm của chú cao thượng không tính toán vụ lợi. Một, hai, ba người rồi thanh niên trai tráng hai bên bờ sông ùn ùn làm theo. Đội xung kích cứu hộ “tò le” do ông già từng từng Tư Tôn chỉ huy phát triển ào ào.

Đâu đã vậy, ông già “chịu chơi” này còn là nỗi ám ảnh của nhiều băng trộm cắp đường sông. Mỗi lần tiếng tù và cất lên lộng lộng là mỗi lần chú phát hiện bọn ác tấp xuống vào bờ để “hành sự”. Vậy là cái điệp khúc quen thuộc vang lên: trống, kèng hai bên bờ vang lừng, trai tráng khấn trương vào vị trí trí chiến đấu truy bắt tội phạm, tiếng máy nổ “đề-pa” xình xịch, ánh đèn các loại sáng rực khúc sông quê. Trên bộ dưới thuyền đồng lòng diệt cái ác. Trên chiếc ghe chỉ huy, chú Tư Tôn điều động lực lượng như một người sĩ quan quân đội, mệnh lệnh từ chiếc tù và lại dồn dập thúc giục. Có lần bắt được hai tên trộm mặt còn non choẹt, chúng run cầm cập trước hàng chục người đang bủa vây với đôi mắt rực lửa.

-“Đập cho nó què chân què tay rồi hãy báo công an”. Một người dân quát lớn.

-“Phải đó. ‘Dân’ nó mềm như trái chuối cho nó biết thế nào là lễ độ. Hứ!”. Một người khác xen vào.

Nhiều người đã xông vào đề chúng nằm xuống nền đất nhưng chú Tư Tôn nói đành gọn:

-“Nó làm sai thì nhà nước tính số nó. Minh làm vậy là bậy với nhà nước. Mà nó cũng chưa lấy được gì, đồ con nít ranh. Thôi tha cho nó lần này đi. Nó mà tái phạm thì bà nội cũng đội chuối khô. Nhớ chưa? Đứng dậy ‘đĩa’ đi”.

Bóng hai thằng nhóc liêu xiêu đi trên bãi sông trông thật thảm hại. Có lẽ chúng vừa mừng vừa sợ, may mà có ông Tư “tò le” nói vô, không thì chúng nó sẽ no đòn. Mấy ngày sau, chúng quay lại tìm chú với nét mặt lấm lét, xấu hổ thật dễ thương.

-“Tui con tới xin lỗi ông Tư tò... tò...”.

-“Tò...tò cái gì. Nói bậy lớ quờ là tao trấn nước no hơi sinh bụng nghe con. Kêu tao là ông Tư Cần Thơ hay ông Tư Mỹ Hòa cũng được. Nhớ chưa? Mà tới đây có chuyện gì hôn?”.

-“Tụi con tới cảm ơn ông Tư vụ bữa hôm đó. Từ nay tụi con hổng dám làm bậy nữa. Sẵn đây, tụi con gởi ông Tư ít tiền để mua rượu nhậu chơi”.

-“Tao đá một cái là không còn cái răng ăn cơm nghe con. Tưởng tao là ốc bươu vàng để ăn hả mậy. Còn khuya. Đem tiền ‘đĩa’ đi. Biết ăn năn là được rồi. Bién đi”.

Thấy cái mặt hầm hầm, đôi mắt ngầu ngầu của chú Tư Tôn, hai thằng nhóc co giò chạy mất. Nhìn chúng, chú vừa buồn cười lại vừa thương hại. Con nít mà, giận làm chi, cái chính là dạy chúng đừng làm bậy. Thế thôi.

Mới hôm qua đây mấy thằng bạn vong niên tới thăm nói chuyện đổi mới cuộc đời, chuyện nông thôn mới, chuyện đời sống ‘văn hóa, văn huyết’ gì đó sao thấy lu bu, lù bù quá. Tụi nó còn xúi chú lên bờ giải nghệ, nếu được thì sẽ đãi một trận nhậu không say không về.

-“Ê, nói không giận nghe, cha già rồi bộ cho hổng hay hả? Hay là từ lúc bả theo ông theo bà, ông tính lém phéng với bà nào ở cặp mé sông này phải hôn?”.

-“Giỏi đoán mò. Già cúp thùng thieß rồi. Mê ‘mồi’ gì nữa mấy cha ơ”.

-“Chuyện ai làm nấy biết. ‘Túm’ lại ông tính sao?”.

-“Tui quen sống trên sông nước rồi. Vô bờ nó tù túng lắm. Vả lại sống vậy lờ có ai bị nạn thì mình cứu người ta làm phước. Sóng gió, sông nước vô tình lắm”. Chú trả lời chắc lỏi, ngọt xót. Mấy thằng bạn nín khe.

Đêm xuống. Chú lặng im đăm đăm nhìn về phía chân cầu Cần Thơ, nhìn con nước thượng nguồn đổ về cuốn cuộn. Xa xa, thành phố Cần Thơ đang rực rỡ ánh đèn hoa lệ từ những ô cửa sổ các nhà cao tầng lừng lừng. Chiếc ghe cũ lại phom phom hướng ra sông rộng. Trên đó là cái giọng rề rề, khàn khàn, đục đục của chú Tư Tôn è a “... Biên cương lá rơi Thu Hà em ơ. Đường dài mịt mù em không đến nơi. Mây nước buồn cơn lửa binh. Hết kể chuyện chung tình. Khóc than riêng em một mình...”. ■

Vầng trăng

trong thơ chữ Hán Nguyễn Du

"Trăng, vú mộng của muôn đời thi sĩ".

(Xuân Diệu)

PHẠM TUẤN VŨ

Từ cổ chí kim, vầng trăng sáng ngời vẫn luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho các thi nhân. Hầu như mỗi nhà thơ trong đời đều ít nhiều sáng tác một vài bài thơ về trăng, tìm đến vầng trăng để bộc bạch nỗi lòng. Đối với con người trung đại, cũng giống như mây, núi, tuyết, hoa... trăng không chỉ là một hiện tượng thiên nhiên, mà đó còn là hiện thân của thế giới tinh thần, là biểu trưng của những gì thanh khiết, cao đẹp, là nơi ký thác tâm tư, tỏ bày chí hướng, là bạn tri kỷ của con người. Vầng trăng trong thơ ca trung đại bao giờ cũng đẹp lung linh và mang nhiều ý nghĩa biểu tượng.

Đại thi hào Nguyễn Du là người tự nhận mình sinh chưa thành danh gì thân đã suy yếu (*Sinh vị thành danh thân dĩ suy*). Ông là con người của trăm mối u hoài không thể nào ngoài được (*Bách chủng u hoài vị nhất sự*), của những nỗi lòng không biết ngỏ cùng ai (*Ngã hữu thốn tâm vô dĩ ngữ*). Vì những tâm sự sâu kín như nước sông Quế dưới chân núi Hồng (*Hồng Sơn sơn hạ Quế giang thâm*) không biết cùng ai san sẻ, nhà thơ chỉ biết ngối một mình đối diện với khóm trúc không muốn nói năng gì (*Vô ngôn độc đối đình tiên trúc*) và tìm đến chồng sách trên giá, khóm cúc trước sân, khu vườn trồng cây thuốc, hay xa hơn là mây trời, "cánh hồng bay bổng", vầng trăng...

Tổ Như có nhiều bài, nhiều câu thơ xuất sắc viết về trăng hoặc gắn liền với trăng. Không chỉ có "Vầng trăng vằng vặc giữa trời", "Vầng trăng ai xẻ làm đôi", "Trăng thể còn đó tro tro", "Hiên tà gác bóng chênh chênh" trong *Truyện Kiều*, trong thơ chữ Hán của ông, trăng xuất hiện nhiều lần và được thể hiện rất thành công. Đó không chỉ là những vầng trăng đẹp của thơ chữ Hán nước ta, mà còn là hình bóng của con người thi nhân bao giờ cũng hiện lên với hình ảnh mái tóc bạc trắng bay trong gió chiều hiu hiu (*Tiểu tiêu bạch phát mộ phong xuy*) và trong lòng ôm giữ bao nhiêu chuyện đau buồn của thế cuộc trăm năm (*Bách niên đa thiếu thương tâm sự*).

1 Một số dạng thức thể hiện của hình tượng trăng

Cũng như trong "khúc Nam âm chi tuyết xương" Đoạn trường tân thanh, vầng trăng trong thơ chữ Hán



Nguồn: baohatinh.vn

Thanh Hiên xuất hiện nhiều lần, với nhiều dạng thức và cách thể hiện khác nhau và tất nhiên, mang nhiều giá trị thẩm mỹ độc đáo.

Ta còn nhớ, trong *Truyện Kiều* có đến 62 câu thơ xuất hiện trăng. Điều đặc biệt là những vầng trăng ấy được thể hiện một cách sáng tạo, tài hoa dưới bàn tay điêu luyện của một bậc thầy ngôn ngữ dân tộc. Có khi trăng được gọi đúng như cách gọi thông thường (*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*) nhưng nhiều khi được gọi theo điển cố, theo lối nói hình tượng (*Liều như cung Quảng ả Hằng nghi nao*, *Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngâm gương*, *Gương nga chênh chếch dòm song*). Có khi chỉ gọi bằng một chữ trăng (*Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*) nhưng cũng có khi dùng hai chữ (theo công thức A + trăng hoặc trăng + A) như *vầng trăng*, *tuần trăng*, *vành trăng*, *bóng trăng*, *mảnh trăng*, *tấm trăng*, *trăng già*, *trăng hoa*, *trăng thể*, *trăng ngàn*... (*Mảnh trăng đã gác non đoài*, *Trăng già độc địa làm sao*, *Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa*, *Vầng trăng vằng vặc giữa trời*, *Trăng thể còn đó tro tro*); có khi dùng ba chữ (A + trăng + B) như *vầng trăng bạc*, *vành trăng khuyết*, *tuần trăng khuyết* (*Còn vầng trăng bạc còn lời nguyện xưa*, *Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao*); lại có khi gọi bằng những từ ngữ khác không có chữ trăng xuất hiện như *nguyệt*, *thỏ*, *gương*, *bóng nga*, *cung Quảng ả Hằng*,... (*Cũng vừa tuần nguyệt sáng trong*, *Bóng nga thấp thoáng dưới màn*,...). Có vầng trăng tròn

đầy sáng ngời (Gương nga vắng vặc trời trong) lại có vắng trăng tà, trăng khuyết (*Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao, Lân đường theo bóng trăng tà về tây*). Có vắng trăng chỉ để nói sự trôi đi của thời gian (*Trái bao thỏ lặn ác tà, Tuần trăng thắm thoát nay đã thêm hai*), có vắng trăng để tả cảnh thiên nhiên (*Dưới trăng quỳên đã gọi hè, Chênh chênh bóng nguyệt xế màn*), có những vắng trăng gắn liền với nhiều sự kiện quan trọng trong cuộc đời nhân vật, gắn liền với những cung bậc tâm trạng con người (nổi tương tư của Kim Trọng) trong:

*Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao
Mặt tơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng;*
nổi nhớ Thúc Sinh của Thúy Kiều trong:
*Đêm khuya gió lọt song đào
Một vành trăng khuyết ba sao giữa trời;*
nổi ân hận, thất vọng của Kiều khi khuyên Từ Hải ra đầu hàng trong:
*Mảnh trăng đã gác non đoài
Một mình luống những đứng ngời chưa xong*...

Chỉ một vắng trăng trong *Truyện Kiều* thôi mà ta đã thấy Nguyễn Du tài năng như thế nào trong việc sử dụng ngôn ngữ. Điều này cũng sẽ lặp lại trong thơ chữ Hán của ông.

Trong 249 bài thơ chữ Hán của Tố Như, có 45 bài nói trực tiếp hoặc nhắc đến trăng. Tập trung nhiều nhất là ở *Thanh Hiên tiền hậu tập* với 27 bài, thứ hai là ở *Bắc hành tạp lục* có 10 bài. *Nam trung tạp ngâm* ít xuất hiện nhất với 8 bài. Trong đó, tần số xuất hiện cao nhất, nhì thuộc về hai tập thơ trước. *Thanh Hiên* 27/78 bài, chiếm 34,62%; *Nam trung* 08/40 bài, chiếm 20%. Thấp nhất là *Bắc hành* với 10/131 bài, chiếm 7,63%.

Trong 45 bài được nói đến, có một lần trăng là khách thể để so sánh (câu *Đạt nhân tâm cảnh quang như nguyệt* [cõi lòng của người khoáng đạt sáng như trăng vậy] trong bài *Tạp ngâm II*), một lần trăng mang nghĩa chuyển chỉ hiện tượng khác (câu *Phong nguyệt không lưu tử hậu danh* [trăng gió không lưu giữ tên tuổi sau khi chết đi] trong bài *Điều La thành ca giả. Phong nguyệt* ở đây chỉ thời gian, cuộc đời), hai lần trăng được nhắc đến nhưng không xuất hiện (câu *An đắc huyền quan minh nguyệt huyền* [biết làm sao để có ánh trăng sáng hiện trước cửa] trong bài *Ngọa bệnh II* và câu *Vô nguyệt vô đăng khan bất kiến* [không trăng không đèn nên nhìn không thấy gì cả] trong *Thương Ngô trúc chi ca VII*). Ở 41 bài còn lại, vắng trăng hoặc được nói đến trực tiếp, trong đó có một bài viết riêng về trăng (bài *Sơ nguyệt*).

Trong 41 lần xuất hiện trực tiếp, vắng trăng trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du hiện ra với nhiều dạng thức, tâm thế khác nhau đồng thời gắn liền với nhiều cung bậc tâm trạng của chủ thể trữ tình. Có vắng trăng sáng ngời (*Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại, Mãn giang giai minh nguyệt*) lại có vắng trăng lu mờ, tàn úa (*Không ốc lậu tà nguyệt, Nam minh tàn nguyệt phủ thiên lý, Lũng đầu lạc*

nguyệt ngọa hàn ngư, Sơn sơn lạc nguyệt dạ đề viên, Tà nguyệt vô quang tinh mãn thiên). Có vắng trăng viên mãn tròn đầy (*Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên, Hồng Sơn sơn nguyệt nhất luân minh*), có vắng trăng khuyết hao gầy (*Hương Giang nhất phiến nguyệt, Lưu thủ giang nam nhất phiến nguyệt*) lại có vắng trăng lẻ (*Đoản thoa ngư chấm cô chu nguyệt*), có vắng trăng lạnh (*Giang thủy trúu hể giang nguyệt hàn*). Có vắng trăng của hiện tại (*Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên, Sài môn khai dạ nguyệt*) cũng có vắng trăng của quá khứ (*Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành*). Có vắng trăng trên đất người phương Bắc (*Minh nguyệt hội Tam Tương*) lại có vắng trăng đến từ quê nhà xa tận trời Nam (*Nguyệt lai Nam quốc đại*)...

Trong những vắng trăng ấy, có vắng trăng thực hiện hữu trên cao (*Cường khởi thôi song vọng minh nguyệt*), có vắng trăng ẩn hiện trong tiếng sáo (*Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung, Nguyệt trung hoành địch thái vô lai*) trong tiếng chuông, tiếng trống xa xa (*Vi vi chung cổ nguyệt trung vãn*), trong tiếng chày đập vải (*Đình đồng châm thủ thiên gia nguyệt*); lại có vắng trăng trừu tượng chỉ cho lòng người (*Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm, Lưu thủ giang nam nhất phiến nguyệt*). Có vắng trăng im lìm bất động (*Mãn thiên minh nguyệt nhất trì thủy*) cũng có vắng trăng được nhân cách hóa trở nên như có hành động, suy nghĩ (*Sơn nguyệt giang phong như hữu đãi, Sơn cao đắc nguyệt trì, Nguyệt lai Nam quốc đại*)...

Cách thức thể hiện vắng trăng của Tố Như cũng khác nhau. Có vắng trăng được gọi bằng cách gắn liền với tính chất của nó (*minh nguyệt, tà nguyệt, tàn nguyệt, lạc nguyệt, hảo phong nguyệt*) lại có vắng trăng gọi kèm theo một sự vật hiện tượng nào đó hàm chứa hoặc liên quan tới nó (*sơn nguyệt, giang nguyệt, chu nguyệt, chung cổ nguyệt, song nguyệt*). Có vắng trăng được gọi theo tên thông thường (*nguyệt*) cũng có vắng trăng gọi theo cách dùng điển cố (*Nhất phiến hương tâm thiêm ảnh hạ, Cổ quốc thiêm tùy mã hậu binh, Thường Nga trang kính vi khai hạp*)...

Với những đặc điểm như trên, có thể nói, trăng trong thơ chữ Hán cũng được thể hiện một cách tài hoa, sáng tạo và độc đáo không kém gì trăng trong *Truyện Kiều*. Không chỉ "*là bậc thầy của ngôn ngữ dân tộc, là tập đại thành về ngôn ngữ của thời đại ông, là người đã nâng ngôn ngữ văn học dân tộc của thời đại lên một đỉnh cao chói lọi*" [4, tr.419], Nguyễn Du còn là nhà thơ chữ Hán xuất sắc với tài năng sử dụng ngôn ngữ Hán điêu luyện, tinh thông. Đúng như nhận định của Mai Quốc Liên, "*Thơ chữ Hán Nguyễn Du là những áng văn chương nghệ thuật trác tuyệt*" [3, tr.7]. Tài năng Tố Như trong các sáng tác bằng chữ Hán được thể hiện rõ nét qua nhiều phương diện, trong đó chỉ một hình ảnh trăng cũng đã cho ta thấy rõ phần nào. Tìm hiểu hình tượng trăng trong thơ Thanh Hiên sẽ là một trong những chìa khóa đặc lực để đi vào khám phá thế giới nghệ thuật thơ ông, đặc biệt hiểu hơn về con người nhà thơ.



2 Vài nét về giá trị thẩm mỹ của hình tượng trăng

Trong thơ chữ Hán Tố Như, có rất ít vầng trăng tươi mát, viên mãn, hạnh phúc hoặc thoáng đạt, ý vị, tinh tú như trong thơ của các tác gia khác. Phần lớn trong thơ ông là những vầng trăng tàn, trăng tà, trăng khuyết, trăng lạnh, trăng lẻ loi, tiêu điều, vắng lạnh. Thậm chí ngay cả những vầng trăng sáng ngời tròn trịa vốn chiếm số lượng khá lớn trong thơ ông dù rất đẹp nhưng bao giờ cũng gợi một nỗi u buồn man mác, gợi lên một không gian đứng im, vắng vẻ, cô quạnh. Chẳng hạn như trong bài *Tương Âm dạ viết về Khuất Nguyên*:

*Mãn mục giai thu sắc
Mãn giang giai nguyệt minh
Tịch liêu kim dạ vọng
Thiên trích cổ nhân tình.*

(Đầy cả mắt nhìn đều là sắc thu
Đầy cả dòng sông đều là ánh trăng sáng
Cảnh hiu quạnh đêm nay nhìn
Chạnh lòng nghĩ đến người xưa bị đày).

Có một vầng trăng sáng tràn ngập cả dòng sông nhưng cảnh vật chỉ càng thêm vắng lạnh bởi thi nhân đang cảm thương về cuộc đời bất hạnh của một bậc vĩ nhân suốt đời ngay thẳng có một tấm lòng cô trung chẳng biết gửi nơi nào (*Tứ phương hà xứ thác cô trung*) mà ông hằng yêu mến, kính phục. Dễ nhận thấy những “nguyệt minh” nhưng đượm buồn này xuất hiện khá nhiều trong thơ chữ Hán Nguyễn Du. Đây là điều khá đặc biệt với các tác giả khác cũng viết về trăng.

Tố Như là nhà thơ của nỗi “trường ưu”, của những nỗi lòng u ẩn, những nỗi buồn không thể nào vơi. Và như chính ông đã nói *Truyện Kiều*:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.*

Thiên nhiên cảnh vật trong đó có vầng trăng trong thơ chữ Hán của ông vì thế cũng nhuốm một nỗi buồn da diết. Bởi vậy, trong các sáng tác bằng chữ Hán của Tố Như, ít có vầng trăng khách thể xuất hiện, mà hầu hết là những vầng trăng mang bóng dáng con người, tấm gương phản chiếu tâm trạng của chủ thể, đôi khi được nhân cách hóa để trở thành chủ thể mang tình cảm, tâm tư.

Có một vầng trăng biết đồng cảm với người mang nhiều sầu hận đến bạc đầu theo năm tháng trôi (*Bạch đầu đa hận tuế thời thiên*), biết cảm thương kẻ không nhà anh em thất lạc (*Hồng Linh vô gia huynh đệ tán*) phải lưu lạc nơi góc biển chân trời những ba chục năm (*Hải giác thiên nhai tam thập niên*) nên tìm đến gặp trong bài *Quyên Hải nguyên tiêu*:

*Cùng đồ liên nhữ dao tương kiến
(Thương ta là kẻ cùng đường mà ở xa tìm đến gặp).*

Trong thơ Lý Bạch có một vầng trăng sáng rọi nơi đầu giường gợi về bao nỗi nhớ quê của người bao năm lữ thứ trên đất tha hương (*Cử đầu vọng minh nguyệt / Đê đầu tư cố hương* trong bài *Tĩnh dạ tư*) thì trong thơ chữ Hán Nguyễn Du cũng có vầng trăng soi rõ một tấm lòng đau đáu nhớ quê nhà, nhớ các em đã nhiều năm bật tin không thấy một lá thư báo cho biết bình an (*Cố hương đệ muội âm hao tuyệt / Bất kiến bình an nhất chỉ thư*) trong bài *Sơn cư mạn hứng*:

*Nhất phiến hương tâm thiêm ảnh hạ.
(Một tấm lòng quê dưới ánh trăng soi).*

Và có một vầng trăng nơi thi nhân gửi nỗi nhớ nhà

trong đêm xuân sâu thăm thẳm nơi đất khách đã bao năm dưới bóng đèn rơi lệ (*Kỳ lữ đa niên đặng hạ lệ*) trong bài *Xuân dạ*:

Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm

(Quê nhà xa ngàn dặm, tấm lòng chỉ biết gửi nơi vắng trăng).

Nếu trong thơ Vương Duy có một vắng trăng mới mọc nơi khe núi làm lũ chim giật mình (*Nguyệt xuất kinh sơn điểu* trong bài *Điểu minh giản*) để tả cảnh thanh tịnh trong đêm xuân thì trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, cũng có một vắng trăng sáng làm chim hồng, chim nhạn giật mình bay. Có điều vắng trăng của Tố Như khác ở chỗ, đây là vắng trăng ly biệt, do đó đượm buồn dù rất sáng:

Nguyệt minh hồng nhạn tán

(Trăng sáng, chim hồng chim nhạn bay tản khắp nơi, bài *Biệt Nguyễn đại lang*).

Ta chú ý đến chim hồng chỉ sự ly biệt. Bài thơ được làm để tiễn biệt người bạn lên đường về quê cũ trước lúc nhà thơ cũng sắp qua sông đi xa (*Tống quân quy cố khâu / Ngã điệc phù giang hán*), đôi bên không biết bao giờ gặp lại, ngàn dặm xa cách sẽ không biết được tin tức nhau (*Thiên lý bất tương văn*) do đó mang âm hưởng buồn. Vắng trăng trong bài thơ vì thế cũng gợi cảm giác vắng lặng, u buồn.

Lại có một vắng trăng lạnh, lẻ loi trên sông, nơi con thuyền, chốn rừng núi sâu nhưng cũng chính là sự khúc xạ trở lại từ nỗi lòng trống vắng, cô đơn, lạnh lẽo và đau buồn trong những ngày phiêu bạt phong trần, những năm tháng ăn nhờ ở đậu, và cả những ngày trên đất Bắc xa xôi trong hành trình đi sứ của mình:

Giang thủy trứ hề giang nguyệt hàn

(Nước sông nhẵn nhó thay, sông trăng lạnh lẽo thay, bài *Thái Bình thành hạ văn xuy điệch*);

Đoàn thoa ngư chấm cô chu nguyệt

(Ông chài nằm gối áo tơi trong chiếc thuyền trăng lẻ loi, bài *Hoàng Mai kiều văn điếu*);

Thụ thụ đông phong xuy tống mã

Sơn sơn lạc nguyệt dạ đề viên

(Khắp rừng cây gió đông thổi vào đoàn ngựa đi tiễn / Khắp dãy núi dưới ánh trăng tà tiếng vượn kêu, bài *Quy môn đạo trung*).

Cũng có vắng trăng dường như đứng đưng với con người vì không thể nào hiểu hết tâm sự, nỗi niềm của thi nhân như trong bài *Hoàng Hạc lâu*:

Trung tình vô hạn bằng thủy tổ

Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

(Nỗi lòng chan chứa biết ngò cùng ai / Trăng trong gió mát đều không biết).

Hay trong bài *Ngẫu hứng II*:

Lô hoa sơ bạch cúc sơ hoàng

Thiên lý hương tâm dạ cộng trường

Cường khởi thời song vọng minh nguyệt

Lục âm trùng điệp bất di quang.

(Hoa lau vừa trắng, hoa cúc vừa vàng

Nhớ quê ngàn dặm đêm dài sâu thẳm

Gượng dậy mở cửa sổ nhìn vắng trăng sáng

Mà bóng râm lớp lớp không thấy một tia sáng nào).

Trăng trong thơ chữ Hán Nguyễn Du thường buồn. Thế nhưng đáng mừng là nó chưa bao giờ bi lụy. Vượt lên trên nỗi sầu ưu, trong thơ chữ Hán của ông vẫn có những vắng trăng sáng trong, chung thủy, nghĩa tình, nói thay cho lòng thi sĩ:

Lưu thủ giang nam nhất phiến nguyệt

Dạ lai thường chiếu lưỡng nhân tâm.

(Chỉ còn ở phía Nam sông một mảnh trăng

Đêm về chiếu sáng mãi tấm lòng của hai ta, bài *Lưu biệt Nguyễn đại lang*).

Trạm trạm nhất phiến tâm

Minh nguyệt cổ tỉnh thủy.

(Trong veo một tấc lòng

Như vắng trăng sáng trong giếng cổ, bài *Đạo ý*).

3 Kết luận

Có thể nói, vắng trăng trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du cũng xuất hiện nhiều, tài hoa và mang nhiều giá trị độc đáo như trong *Truyện Kiều*. Thế nhưng nếu như trong *Đoạn trường tân thanh*, vắng trăng chỉ gắn liền với cuộc đời và tâm trạng của các nhân vật thì trong thơ chữ Hán, vắng trăng lại gắn liền với những bước thăng trầm trong cuộc đời của tác giả cùng nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau của thi nhân. Vắng trăng trong thơ chữ Hán Tố Như đẹp nhưng buồn, in đậm dấu ấn con người nhà thơ, một con người đa sầu đa mộng (*Tri giao quá ngã sâu đa mộng*), luôn mang trong mình mặc cảm tha hương tấm thân gửi mây trôi gió bụi (*Tha hương thân thể thác phù vân*), nặng một nỗi lòng chất chứa chỉ biết ngói một mình trong đêm sâu đối bóng mà không thể nói ra (*Bồi hồi đối ảnh độc vô ngữ*). Đó là những vắng trăng đẹp, lạ và giàu giá trị nhân văn trong nền thơ ca Việt Nam nói chung, thơ chữ Hán thời trung đại nói riêng. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Thiều Chửu (*tái bản lần thứ năm*, 2011), *Hán Việt tự điển*, Nxb Thanh Niên, H.
2. Nguyễn Thạch Giang, Trương Chính (biên khảo và chú giải, 2000), *Nguyễn Du tác phẩm và lịch sử văn bản*, Nxb TP.HCM.
3. Mai Quốc Liên (chủ biên, 1996), *Nguyễn Du toàn tập*, tập 1, Nxb VH, H.
4. Nguyễn Lộc (*tái bản lần thứ năm*, 2004), *Văn học Việt Nam (Nửa cuối cuối thế kỷ XVIII-hết thế kỷ XIX)*, Nxb GD, H.
5. Duy Phi (*biên dịch*, 1999), *249 bài thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, H.
6. Lê Thu Yến (1999), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh Niên, H.



Cái "vô" trong tranh thủy mặc

Bài & ảnh: HUỆ VIÊN

Trong tranh thủy mặc, yếu tố vô hình (hay những khoảng trống trong tranh) có vai trò rất đặc biệt, mang ý nghĩa như kiểu yếu tố "vô" của vũ trụ, là nơi ẩn chứa một điều lớn lao mà mắt thường không thể thấy. Nhìn những bức tranh phong cảnh cổ điển của các họa sĩ phương Đông, chúng ta thường bắt gặp những chỗ mây mù lẩn khuất bằng cách để trắng giấy hay những chỗ núi được kết thúc bằng một khoảng trống mơ màng phía sau. Điều đó khác hẳn với những bức tranh phong cảnh của châu Âu vốn tuân theo luật phối cảnh rất chặt chẽ và dù cảnh ở gần hay xa thì chúng đều được vẽ bởi một màu nào đó (dẫu là màu rất nhạt ở phía xa), chứ không thể có khoảng trống.

Quách Hy, một bậc thầy vẽ phong cảnh thời Bắc Tống, nói: "Muốn vẽ núi cao thì nên vẽ có mây phủ ở lưng chừng. Núi mà vẽ rõ ra cả thì trông sẽ không cao. Muốn vẽ sông dài thì nên vẽ nó lúc ẩn lúc hiện. Sông mà vẽ rõ ra cả thì sẽ không dài. Núi mà vẽ lộ hoàn toàn thì mất cái sắc khí tiêu biểu của núi mà chỉ giống như cái đầu chày mà thôi. Sông mà nhìn thấy đầy đủ từ đầu đến cuối thì không thể vẽ nó uốn lượn nhiều, và sẽ giống như một con giun vậy". Tức là, phong cảnh mà hiện lên trọn vẹn thì không có chiều sâu, hình mà không bị ẩn thì trông sẽ thô lậu. Mây phủ (tức khoảng trống) ở lưng chừng núi tuy làm cho hình của núi ít đi nhưng làm cho núi cao hơn. Cái khoảng trống đó, hẳn nó chứa đựng một lực lượng tiềm ẩn, một sức mạnh

vô hình làm cho cái giới hạn chật hẹp của khung tranh bị phá vỡ, để cho ngọn núi trở thành “đại tượng”. Ví dụ, trong bức tranh “*Buổi sớm mùa xuân*” của Quách Hy chúng ta có thể thấy rõ những kinh nghiệm mà ông nói ở trên. Khoảng trống ước lệ mây mù ở lưng chừng và phía sau ngọn núi làm cho cảnh trí hư hư thực thực, tiêu dao bay bổng như lên tới tận tiền cảnh. Lớp cảnh ở gần được thể hiện rõ ràng các yếu tố đất đá cây nước nên có cảm giác vững chãi, nhưng nhờ mây mù ở giữa bức tranh mà làm cho lớp cảnh phía xa như bay hẳn lên, chạm tới trời cao.

Dù sử dụng những khoảng trống nhưng Quách Hy vẫn chỉ làm cho nó ở mức mờ ảo ẩn hiện, tức là vẫn còn



có thể có nét mờ đi vào cái khoảng trống đó. Nhưng đến Thạch Đào, một thiền sư - họa sĩ cuối đời nhà Minh, còn mạnh dạn hơn trong cách thể hiện những khoảng trống, thậm chí ông làm cho các nét đột ngột biến mất, và dùng khoảng trống tách bức tranh ra thành hẳn các cảnh riêng biệt, làm cho bức tranh có khả năng thâm tóm các không gian khác nhau vào trong một bố cục. Ví dụ ở bức tranh “*Bờ sông*”, Thạch Đào tách hẳn ngọn núi ra khỏi cảnh sông nước vốn đang hòa quyện vào nhau. Đây là cách bố cục ông gọi là “chấm dứt đột ngột”. Nếu ai quen vẽ phong cảnh theo luật viễn cận của châu Âu thì nhìn bức tranh này thật khó chấp nhận. Nhưng khi đã hiểu được tư tưởng “đại tượng vô hình” của hội họa Trung Hoa thì thấy bức tranh thật thú vị. Khoảng trống vô

hình đã xua tan cái cảm giác nghi ngờ luật viễn cận, biến sự vô lý của phối cảnh thành sự hợp lý của tinh thần. Bức tranh tuy bị tách ra làm hai phần trên dưới nhờ vào khoảng trống ở giữa nhưng nó không thể nào thiếu nhau được, bởi khi khoảng trống mở ra cho lớp cận cảnh thì nó cần có lớp viễn cảnh phía trên đóng lại, như thế mới tả được cái chuyển động của vũ trụ.

Theo Thạch Đào, “chấm dứt đột ngột” là một trong sáu cách bố cục độc đáo nhất của thể loại tranh phong cảnh. Ông viết: “Chấm dứt đột ngột nghĩa là cảnh trí hình linh biến mất, tất cả cây đá không được vẽ cho xong, các nét bút đều bỏ lửng ở đó. Những nét bỏ lửng ấy phải làm sao như tự chúng biết biến đi vào cõi hư vô với những đuôi bút mảnh dẻ nhất”. Bố cục kiểu này không những áp dụng với tranh phong cảnh mà còn được sử dụng trong tranh hoa điểu. Ví dụ như vết mực để lửng ở phía bên phải trong bức “*Hoa cúc*” của Bát Đại Sơn Nhân, một người bạn của Thạch Đào đã cùng

với ông làm cuộc cách mạng trong hội họa. Cả một tập hợp hoa lá bên trái bức tranh được đối ứng với một vết mực để lửng, một vết mực đưa người xem vào cõi hư vô. Cái khoảng trống bên phải bức tranh hẳn phải chứa đựng những giá trị nào đó của hoa cúc mà những hình ảnh không thể nào diễn tả được.

Cùng thời Bắc Tống với Quách Hy, nhưng Tô Đông Pha (một cư sĩ Phật giáo) lại chủ trương một tư tưởng hội họa phóng khoáng, vẽ theo cảm hứng, không cao thâm tinh tế như Quách Hy. Tô Thức và những người bạn của ông lập ra Văn nhân họa phái với chủ trương tả ý là chính, dùng rất ít nét, vẽ rất nhanh và bố cục đơn giản ví dụ như chỉ vẽ một phần của cành mai cành trúc. Văn nhân họa đặt trọng tâm vào hành động vẽ chứ không phải kết quả của việc vẽ, để cao cái cảm hứng xuất thần khi vẽ chứ không phải là bức tranh trông có giống mẫu hay không. Ông viết: “Xem tranh mà chỉ xem có giống mẫu hay không thì chỉ là phường con trẻ. Nếu chỉ vì muốn làm thơ mà đặt bút làm thơ thì chắc chắn không phải là thi nhân vậy”. Với cách vẽ nhanh và không chú trọng bố cục như vậy thì bức tranh sẽ thường không cân đối và xuất hiện nhiều khoảng trống trong tranh. Và ý nghĩa của cái khoảng trống vô hình đó được diễn giải bằng ngôn ngữ của thơ, văn hay một hàm ngôn, gọi là lạc khoản. Vì thế khi xem một bức văn nhân họa, ngoài việc ngắm nét vẽ ra chúng ta còn phải cảm nhận giá trị của bài thơ, bài từ được viết kèm nữa. Với chất lãng mạn như thế, văn nhân họa có sức ảnh hưởng rất lớn không chỉ tới các thế hệ sau của Trung Hoa như Thạch Đào, Bát Đại Sơn Nhân, Tế Bạch Thạch... mà còn lan ra cả những nước lân cận. Ví dụ như bức tranh “*Đọc sách trong nhà tranh*” của họa sĩ Nhật Bản Tensho Shubun (Thiên Chương Châu Văn), một trong những họa sĩ đặt nền móng cho nền hội họa Nhật Bản (thời kỳ Muromachi (Thất Bình), thế kỷ XV) là một ví dụ rất hay của văn nhân họa. Bức tranh vẽ một người đang đọc sách trong một lều tranh giữa cảnh núi non nhưng chỉ được bố cục ở góc dưới bức tranh. Cả một khoảng trống rất lớn phía trên là một bài văn, có lẽ chính là trích đoạn sách mà người đang ngồi trong lều tranh kia đang đọc.

Không chỉ là nơi giấu những “đại tượng”, những khoảng trống còn là thành phần không thể thiếu trong bố cục bức tranh để tương tác với những chỗ có hình thể. Bức *Cúc* của Một Danna cho ta thấy sự tương tác giữa yếu tố vô hình và hiện hữu có ảnh hưởng quyết định tới bố cục một bức tranh.

Và chúng ta cứ ngắm mà xem... Từ cái vô hình của giấy trắng (mở), nét mực được vẽ lên tạo thành hình ảnh (đóng), rồi lại cần có khoảng trống (mở) để các nét vẽ được nghỉ ngơi suy ngẫm, chuẩn bị cho những nét tiếp theo (đóng)... Hiện hữu và vắng mặt, hình và vô hình, sắc và không – chúng là những thành tố không thể thiếu trong một tác phẩm nghệ thuật. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Vừa qua, giữa tháng Tám năm 2014, một người bạn và tôi rủ nhau đi du lịch Phú Quốc; và vì chuyến lữ hành xuất phát từ TP.HCM nên trước đó một ngày hai chị em tôi đã phải “bay” vào Sài Gòn. Chuyến đi vui và thoải mái. Đặc biệt, tôi có ấn tượng với hai người phụ nữ trẻ có mặt trong đoàn. Hai người đều ở nước ngoài về thăm nhà. Thoạt đầu, tôi tưởng ít nhất hai người cũng có quan hệ họ hàng; hóa ra họ mới gặp nhau lần đầu trong chuyến đi. Một người sinh trưởng ở Pháp, đang học đại học, đi một mình; người kia lấy chồng ở Hà Lan, nay chồng có chuyến công tác ở Hà Nội nên theo chồng về nước cùng với hai đứa con, một trai chừng bảy tám tuổi có vẻ nhút nhát, một gái mới ba bốn tuổi mà lanh lẹ, trong lúc chồng bận công việc thì mang con đi du lịch. Điều thú vị là nhóm người này đều rành tiếng Việt, tuy ở Pháp về nói giọng hơi cứng và nhiều từ phải hỏi lại. Họ cho biết, tuy ở nước ngoài lâu ngày nhưng trong gia đình thì vẫn nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt. Tại đây, khi thấy bé gái con người bạn đồng hành lúc nào cũng “giành lấy mẹ về phần mình” khiến bé trai vốn nhút nhát có vẻ “bơ vơ”, ở Pháp lúc nào cũng quan tâm chăm sóc cháu, nhờ vậy mà bé trai không “lạc lỏng”. Cô này cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong đoàn khi có dịp. Buổi chiều ở Dương Đông, trong lúc đi chung đoàn, tôi bị hụt chân; may là lúc bấy giờ có cô ấy đi bên cạnh, tôi đã được cô ấy nhanh tay đỡ lấy nên không bị ngã; mặc dù vậy, khớp bàn chân của tôi cũng bị sưng tấy, đi lại hơi khó khăn. Thế là suốt chiều hôm ấy, cô gái một tay dẫn bé trai, một tay phụ với bạn tôi dìu tôi; buổi tối khi về đến khách sạn, cô ấy mang qua phòng tôi một miếng cao dán giảm đau bảo tôi dán vào chỗ sưng ở khớp bàn chân; chỉ có vậy mà sáng hôm sau tôi đã đi lại được bình thường. Xin cảm ơn tấm lòng của cô “Việt kiều Pháp” trong chuyến du lịch ấy. Cũng xin cảm ơn tinh thần “giữ gìn tiếng mẹ đẻ” của những người Việt xa xứ, giúp tôi thêm tin tưởng vào tương lai dân tộc mình.

Phạm Thị Vân Anh, quận Long Biên, Hà Nội

Chị Hai ơi,
Em thiết tình không biết phải nói với chị cách nào, bèn mượn lối viết thư để bày tỏ. Chị đừng nói em bày đặt, nghe chị!
Em còn nhớ hồi ba má cản chị lên Sài Gòn thi đại học, giữ chị lại học cao đẳng sư phạm ở tỉnh, chị đã có lúc giận ba má mà bỏ ăn mất mấy ngày. Nên chỉ hồi em đi thi đại học rồi được lên Sài Gòn học, em cứ có cảm giác là chị nhìn em không hài lòng, riết rồi em cũng lợt lạt với chị. Vậy là em đã trật dữ rồi, phải không chị?
Hôm rồi, khi em bị sốt cao bạn bè hết hồn chở em vô bệnh viện, em nói với tụi nó đừng cho ba má biết vì sợ ba má lo. Mà đâu có được. Em bị sốt xuất huyết. Tụi nó phải báo với người thân chớ làm sao dám cáng đáng?
Vậy là em cũng bị hôn mê tới hai ngày trong bệnh viện! Bữa mở mắt trông thấy chị, em mừng quá mà không biết nói gì. Thế rồi suốt gần một tuần lễ qua, coi như lúc nào chị cũng ở bên cạnh em, lo cho em đủ mọi thứ, chẳng khác gì má lo cho em hồi em còn nhỏ. Em chưa bao giờ thấy chị dịu dàng với em tới chừng đó.
Nhưng mà phải tới chừng chị về rồi, em mới nghe thằng Khôi nói là khi nghe tin, chị sắp xếp công việc lên liền để lo cho em, suốt ngày đêm trực ngoài phòng cấp cứu, mắt đỏ hoe vì nghe nói bệnh sốt xuất huyết ở trẻ em thì không sao chớ người trưởng thành mà bị bệnh này thì không đơn giản. Vậy là chị sợ em có chuyện gì...
Em cũng nghe thằng Khôi nói chị có kể cho nó nghe, hồi đầu chị cũng giận ba má lắm.
Nhưng về sau, do cái duyên gì đó, chị đi chùa, rồi chị hồi tâm. Thấy ba má cho em lên Sài Gòn thi đại học, chị đã mừng và đã lặng lẽ đi chùa cầu nguyện cho em. Bấy giờ chị cũng tiếp tục cầu nguyện cho con đường của em được suôn sẻ...

Trời ơi! Em là em của chị mà chẳng hiểu gì về chị mình ráo trội! Nhưng em không xin lỗi chị đâu. Em chỉ cảm ơn chị và tự hứa với lòng là sẽ sống làm sao không uống những lời mà chị cầu nguyện cho em. Em của chị.

Phạm Văn Ba, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM



CÔNG BỐ THÔNG TIN CHƯƠNG TRÌNH MÁI ẤM GIA ĐÌNH VIỆT – ĐÊM HỘI TRUNG THU 2014

Lúc 14h30 ngày 13/8/2014, buổi họp triển khai chương trình “Mái ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2014” do Đài Truyền hình TP.HCM, Tập đoàn Hoa Sen phối hợp cùng Báo Công An TP.HCM đồng tổ chức, đã diễn tại Văn phòng đại diện Tập đoàn Hoa Sen, số 183 Nguyễn Văn Trỗi, P.10, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.

Nằm trong chuỗi hoạt động của chương trình thường niên “Mái ấm gia đình Việt”, đây là năm thứ 2 liên tiếp **Đêm hội Trung thu** được tổ chức nhằm tạo sân chơi lành mạnh, không những giúp cho gần 1.500 em có hoàn cảnh đặc biệt từ các mái ấm, nhà mở, con em cán bộ công nhân viên Tập đoàn, trường giáo dưỡng tại TP.HCM và các tỉnh lân cận đón một mùa Trung thu đầy ý nghĩa, lưu lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ, mà còn giúp các em có cơ hội được vui chơi, ăn uống và nhận quà Trung thu.

Điểm đặc biệt của Đêm hội Trung thu năm nay, Ban Tổ chức sẽ phát động chương trình làm 1.500 lồng đèn với hình ảnh, màu sắc sinh động để dành tặng cho các em vui chơi và rước đèn trong Đêm hội Trung thu. Chương trình làm lồng đèn được diễn ra tại Văn phòng đại diện Tập đoàn Hoa Sen vào ngày 24/8/2014 với sự tham gia của hơn 100 tình nguyện viên.

Tiếp đó, ngày 29/8/2014, Ban Tổ chức chương trình trao tặng 200 phần quà gồm: Bánh trung thu, lồng đèn, bánh, sữa... cho các bệnh nhi Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM. Đây không chỉ là sự quan tâm, chia sẻ đến những số phận kém may mắn, mà còn là sự động viên, khích lệ tinh thần để các em có thêm nghị lực tiếp tục phấn đấu vượt qua nghịch cảnh của mình.

Bên cạnh đó, Ban Tổ chức còn nhận được sự chung tay đồng hành cùng với chương trình từ các đơn vị: Công ty CP Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood; Ban Đầu tư – Câu lạc bộ Doanh nhân Sài Gòn; Công ty TNHH Truyền thông Unicomm; Công ty TNHH Tincom Media; Công ty CP Megacom Việt Nam; Công ty TNHH Quảng cáo Lam Nguyễn; Công ty Quảng cáo Tân Minh Châu; Công ty TNHH TM – DV Trương Hùng; Công ty Quảng cáo Tầm Nhìn Mới...

Các hoạt động chính của chương trình

- Đêm hội Trung thu 2014 sẽ diễn ra từ lúc 14g00 - 18g30, ngày 07/9/2014 (nhằm ngày 14/8 âm lịch) với 2 hoạt động chính:
- Hoạt động ngoài trời (từ 14g00 đến 16g30): các bé sẽ tham gia các trò chơi vận động, sáng tạo và trò chơi dân gian, tham gia cuộc thi vẽ tranh với chủ đề “Trăng trên biển Quê hương”, xem trình diễn múa lân, rước đèn,... nhận quà và ăn uống,...
 - Chương trình văn nghệ (truyền hình trực tiếp trên kênh HTV9 từ 17g00 đến 18g30): với những tiết mục biểu diễn đặc sắc của các nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng, và những tiết mục do các mái ấm, nhà mở biểu diễn cùng các ca sĩ...

“Mái ấm gia đình Việt” là một chương trình cộng đồng, nhằm mang đến niềm vui và ý nghĩa, xoa dịu nỗi đau cho những mảnh đời kém may mắn. Ban Tổ chức hy vọng sẽ nhận được sự hưởng ứng của các đơn vị, doanh, nghiệp, các cá nhân,... chung tay góp sức cùng chương trình, để chương trình được nhân ra toàn xã hội.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ:

Văn phòng đại diện Tập đoàn Hoa Sen

Địa chỉ: Số 183 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

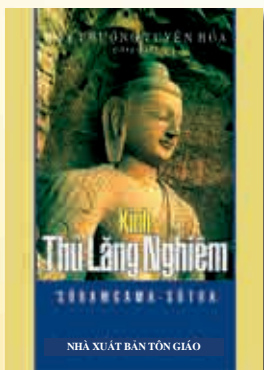
Tel: (84-8) 3999 0111 – ext: 8904.



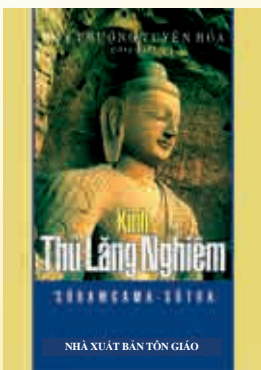
NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

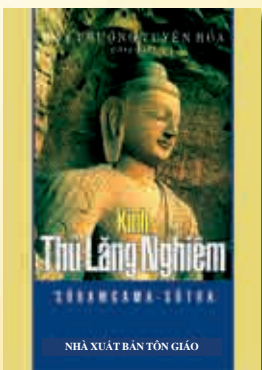
Kinh Thủ Lăng Nghiêm Hòa thượng Tuyên Hóa giảng thuật



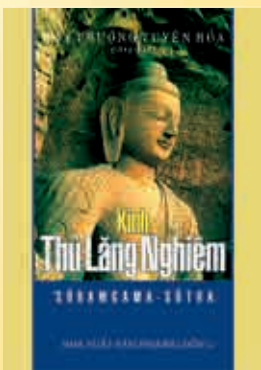
quyển I



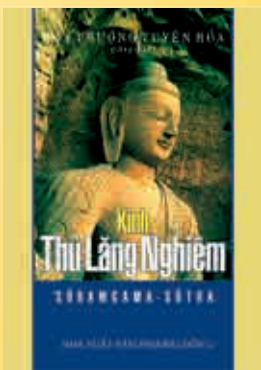
quyển II



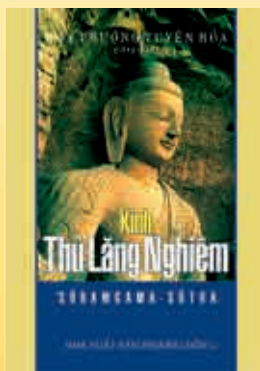
quyển III



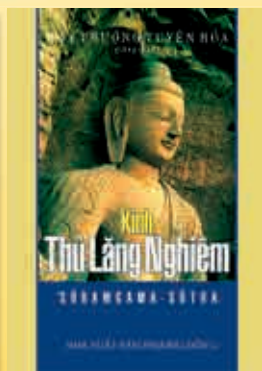
quyển IV



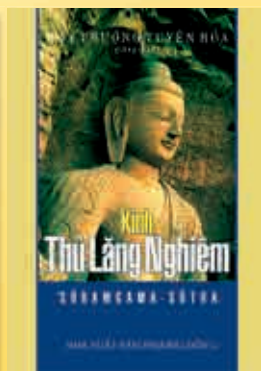
quyển V



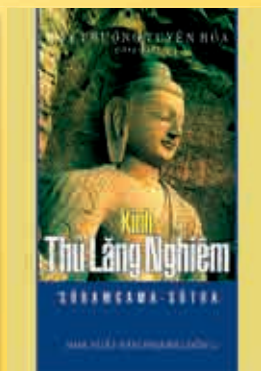
quyển VI



quyển VII



quyển VIII



quyển IX-X

Trọn bộ 10 quyển

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



www.dieutuongam.com

TRIỂN LÃM
KHÔNG GIAN TRÀ NGHỆ
NHẤT NIỆM TRÀ



Từ ngày: 18/8 (23/7 ÂL) tới ngày 24/8 (27/9 ÂL)
Địa điểm: DIÊU TƯỜNG AM NAM KỶ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
Điện thoại: (08) 38684913 - (08) 38484558

pháp uyển

DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 - 091 694 3877

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 - 098 253 7262

2 72/1B Lãm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 - 0919 190 177

Quán chay căn tuyển nhân viên với nhiều vị trí,
để biết thêm thông tin xin liên hệ hoặc xem tại website.

CÔNG TY TNHH
SÀI GÒN PHÚ KIM
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lê:
• Móc khoá, quà lưu niệm
• Quà tặng Phật giáo các loại.
ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

SGPK

Phu Kim Gifts & Jewelry



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

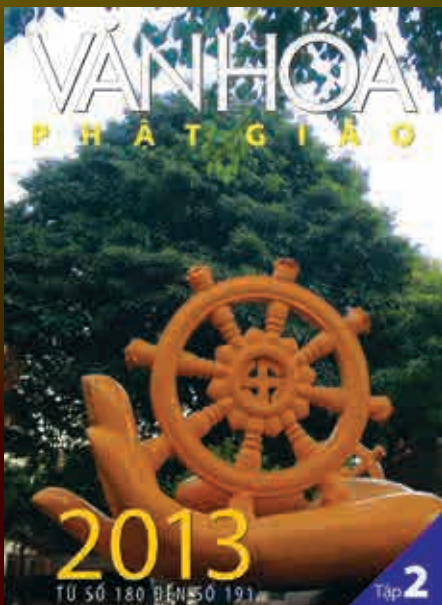
TÂM THUẬN

Kinh, sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhân thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu



Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

ĐC: 380/2B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐD: 0902 404 748 (chị Thuận) - 0972 898 818 (chị Hối)



Đang phát hành

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,
từ số 180 đến số 191
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| 2008 (2 tập): 340.000VNĐ | 2011 (2 tập): 420.000VNĐ |
| 2009 (2 tập): 360.000VNĐ | 2012 (2 tập): 420.000VNĐ |
| 2010 (2 tập): 380.000VNĐ | 2013 (2 tập): 420.000VNĐ |

ỨNG DỤNG TẾ BÀO GỐC MỠ TRONG ĐIỀU TRỊ THOÁI HÓA KHỚP

Thoái hóa khớp là bệnh lý phổ biến thường gặp ở những người lớn tuổi. Trước đây, người bị thoái hóa khớp thường chịu nhiều đau đớn và rời ra khi điều trị bằng phương pháp cổ điển như tiêm thuốc, phẫu thuật, hoặc thay khớp gối nhân tạo. Hiện nay, điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc mỡ là phương pháp mới mang lại sự thoải mái và hiệu quả rõ rệt cho người bệnh.

Thoái hóa khớp có thể gặp ở bất kỳ khớp nào trên cơ thể, như: khớp hông, khớp gối, khớp cổ chân, khớp cổ tay, ... nhưng phổ biến nhất là khớp gối. Thoái hóa khớp gối là tình trạng bảo mòn mặt sụn và giảm tiết lượng dịch mucin giúp bôi trơn khớp, làm cho các khớp xương khi chuyển động cọ xát vào nhau gây đau và sưng tấy, khiến giảm khả năng vận động của người bệnh.

Điều trị thoái hóa khớp bằng phương pháp cổ điển

- Tiêm corticoid, tiêm Hyaluronic acid: phương pháp này có thể đem lại hiệu quả rõ rệt trong vài tháng nhưng người bệnh lại có nguy cơ nhiễm trùng khớp cao và nhiễm trùng khớp thì rất khó chữa trị.
- Phẫu thuật nội soi: phương pháp này có thể giúp giảm đau sau một thời gian nhưng lại không thể áp dụng cho tất cả các trường hợp thoái hóa khớp.
- Thay khớp gối nhân tạo: người bệnh sẽ phải mất chi phí rất lớn cho phương pháp này nhưng vẫn không thể vận động nặng hoặc chơi các môn thể thao có sức va chạm như bóng đá, bóng chày...

Điều trị thoái hóa khớp bằng Tế bào gốc có nguồn gốc từ mỡ

Không giống như những phương pháp điều trị thoái hóa khớp cổ điển, điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc mỡ mang lại sự an toàn và mang lại kết quả điều trị tuyệt vời.

- Tế bào gốc từ mỡ có khả năng ức chế miễn dịch và hạn chế viêm nhiễm.
- Tế bào gốc từ mỡ có khả năng biệt hóa hình thành sụn, tái tạo ra nhiều tế bào sụn mới bổ sung vào lượng sụn đã bị thoái hóa.
- Tế bào gốc từ mỡ có khả năng kích thích sản xuất các chất bảo vệ hệ thống dây chằng, bề mặt sụn cũng như tái tạo lại vùng xương đã bị tổn thương sau thời gian bệnh tiến triển.
- Tế bào gốc từ mỡ được khai thác và sử dụng trên cùng một người nên tránh được nguy cơ thải ghép, an toàn cho người dùng.
- Thời gian điều trị và hồi phục nhanh chóng.

Tại Trung tâm Tế bào gốc Vinmec, việc chiết tách tế bào gốc từ mỡ của chính người bệnh được thực hiện tại phòng mổ đạt chuẩn quốc tế trong điều kiện vô khuẩn hoàn hảo. Phương pháp điều trị thoái hóa khớp gối bằng tế bào gốc là phương pháp điều trị mới, hiệu quả và an toàn đã được kiểm chứng trên thế giới, giúp bệnh nhân có thể có cuộc sống sinh hoạt bình thường và giảm nguy cơ việc thay khớp gối nhân tạo.

Trung tâm Tế bào gốc

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Số 209

Phát hành ngày 15 - 9 - 2014

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quảng báo

110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG